

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH HÀ NỘI



## GIÁO TRÌNH

Môn học: **ĐỊA LÝ DU LỊCH**

Ngành: **QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH**

Trình độ: **CAO ĐẲNG**

*(Ban hành theo Quyết định số: 278/QĐ-TMDL ngày 06 tháng 9 năm 2018)*

HÀ NỘI, 2020

## **TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN**

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm

## LỜI GIỚI THIỆU

Trong chương trình đào tạo ngành Địa lý, ngành Du lịch và ngành Việt Nam học ở rất nhiều trường có môn Địa lý du lịch. Để đáp ứng nhu cầu về tài liệu cho người học, một số giảng viên các trường đã biên soạn giáo trình cho môn học này. Tiêu biểu là hai cuốn Địa lý du lịch (1996) và Địa lý du lịch Việt Nam (2010) của Nguyễn Minh Tuệ và cộng sự. Năm 2017 tác giả Trần Đức Thanh cùng cộng sự đã cho xuất bản cuốn Địa lý du lịch Việt Nam (2017). Đây là những cuốn giáo trình này, các tác giả đã trình bày khá chi tiết và đầy đủ những nội dung cơ bản của địa lý du lịch. Đây là những tài liệu tham khảo phổ biến cho giảng viên và học viên ngành Địa lý, ngành Du lịch, ngành Việt Nam học ở nước ta trong thời gian qua. Đây cũng là những tài liệu tham khảo quan trọng cho tác giả khi biên soạn giáo trình này.

Hiện nay, khi các trường đại học, cao đẳng trong cả nước đã chuyển sang phương thức đào tạo tín chỉ, việc tự nghiên cứu của người học lại càng được nâng cao. Người học cần có nhiều tài liệu hơn để tham khảo. Theo quan điểm đó, chúng tôi biên soạn giáo trình này. Trong giáo trình này bạn đọc có thể tìm thấy một số quan điểm, khái niệm về một số vấn đề liên quan như loại hình du lịch, sản phẩm du lịch, tài nguyên du lịch, phân vùng du lịch Việt Nam... Cùng với các tài liệu khác, giáo trình này giúp người học có thêm các thông tin khác nhau để trao đổi, thảo luận.

Trong quá trình soạn thảo, chúng tôi đã nhận được sự quan tâm, động viên giúp đỡ của nhà trường, khoa, đồng nghiệp và sinh viên.

Chúng tôi xin cảm ơn Ban Giám hiệu, Phòng Đào tạo và Khoa Khách sạn Du lịch - Trường cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội đã động viên, giúp đỡ chúng tôi hoàn thành giáo trình này.

Chúng tôi chân thành cảm ơn những tác giả của các công trình liên quan mà chúng tôi đã có dịp tham khảo một cách trực tiếp hay gián tiếp. Phần tài liệu tham khảo cuối sách chỉ liệt kê được một số công trình chính mà tôi đã tham khảo được.

**Chủ biên**  
**Đỗ Thị Ngân**

## MỤC LỤC

<b>Chương 1: Các nhân tố ảnh hưởng tới sự hình thành và phát triển của du lịch.....</b>	<b>3</b>
1. Vị trí địa lý .....	3
2. Tài nguyên du lịch.....	5
3. Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật.....	31
4. Các nhân tố khác .....	32
<b>Chương 2: Tổ chức lãnh thổ du lịch.....</b>	<b>37</b>
1. Quan niệm về tổ chức lãnh thổ trong du lịch.....	37
2. Hệ thống phân vị trong phân vùng du lịch.....	37
3. Hệ thống chỉ tiêu trong phân vùng du lịch.....	40
4. Phương pháp phân vùng du lịch.....	45
<b>Chương 3: Các vùng du lịch việt nam.....</b>	<b>48</b>
1. Vùng du lịch Trung du, miền núi phía Bắc.....	48
2. Vùng du lịch Đồng bằng sông Hồng và Duyên hải Đông Bắc .....	56
3. Vùng du lịch Bắc Trung Bộ .....	65
4. Vùng Du lịch Duyên hải Nam Trung Bộ .....	76
5. Vùng Du lịch Tây Nguyên .....	86
6. Vùng du lịch Đông Nam Bộ .....	94
7. Vùng du lịch Tây Nam Bộ .....	101
<b>Tài liệu tham khảo.....</b>	<b>116</b>

# GIÁO TRÌNH MÔN HỌC

**Tên môn học:** Địa lý du lịch

**Vị trí, tính chất, ý nghĩa và vai trò của môn học:**

- *Vị trí:*

Địa lý du lịch là môn học thuộc nhóm kiến thức cơ sở trong chương trình khung trình độ cao đẳng. Môn học này được giảng dạy sau khi người học đã hoàn thành chương trình các môn học cơ bản của Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Với môn học này, người học được trang bị kiến thức, kỹ năng và thái độ phù hợp với vị trí công việc sau này.

- *Tính chất:*

Địa lý du lịch có liên quan đến các môn học khác như: Kinh tế du lịch; Tuyên điểm du lịch; Văn hóa du lịch... Ngoài việc phải nắm rõ lý thuyết, người học còn cần phải thực hiện việc thực hành với nhiều bài tập và tình huống liên quan.

- *Ý nghĩa và vai trò của môn học*

+ Về mặt lý thuyết, địa lý du lịch được coi là một trong những chuyên ngành quan trọng của du lịch học. Kiến thức về đất nước học và kiến thức về kinh tế là hai mảng kiến thức cơ sở của du lịch học. Khối kiến thức về đất nước học như địa lý, lịch sử... trang bị cho người làm du lịch những hiểu biết nền tảng.

+ Địa lý học cung cấp một khối kiến thức to lớn cho các nhà du lịch. Cung cấp thông tin và đánh giá các điều kiện, các nguồn tài nguyên phục vụ mục đích phát triển du lịch, phân tích quan hệ về mặt không gian của hệ thống cầu cung du lịch, xây dựng chiến lược khai thác hợp lý và tối ưu nguồn tài nguyên là những lĩnh vực được các nhà địa lý quan tâm nghiên cứu. Địa lý du lịch với tư cách là một chuyên ngành của khoa học địa lý đã và đang trở thành một bộ phận quan trọng của khoa học du lịch. Một mặt nó góp phần trang bị kiến thức về tài nguyên du lịch, mặt khác, với tư cách là một chuyên ngành của du lịch học, Địa lý du lịch sẽ phải nhìn nhận

lãnh thổ du lịch trong quan hệ cầu - cung, từ đó giúp định hướng chiến lược phát triển và xây dựng quy hoạch phát triển du lịch.

+ Về mặt thực tế kiến thức địa lý du lịch có vai trò rất thiết thực trong việc triển khai các hoạt động kinh doanh du lịch như thiết lập tour, xây dựng các sản phẩm du lịch mới, xác định giai đoạn đầu tư khai thác phù hợp... Khi xây dựng tour, một trong những thông tin cần thiết là thông tin về sự phân bố không gian của các thành phần trong hệ thống du lịch.

### **Mục tiêu của môn học**

#### *- Về kiến thức:*

+ Trình bày được khái niệm cơ bản về Du lịch và tổ chức lãnh thổ Du lịch

+ Trình bày được các chức năng cơ bản của du lịch, đối tượng, nhiệm vụ và các phương pháp nghiên cứu Địa lý du lịch

+ Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng tới sự hình thành và phát triển của du lịch

+ Trình bày được các vùng du lịch ở Việt Nam, phân tích được các đặc điểm của mỗi vùng về tài nguyên, các sản phẩm du lịch đặc trưng và các khu du lịch tiêu biểu.

#### *- Về kỹ năng:*

+ Phân biệt được tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch văn hóa, cũng như hệ thống phân vị trong phân vùng du lịch.

+ Thực hiện giới thiệu được các vùng du lịch của Việt Nam về tài nguyên, các sản phẩm du lịch đặc trưng và các khu du lịch tiêu biểu của từng vùng miền

#### *- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*

+ Hình thành lòng yêu nghề và tinh thần hợp tác trong công việc.

+ Kích thích sự say mê nghiên cứu môn học về cả lý luận và thực tiễn

+ Có ý thức hình thành và trau dồi đạo đức nghề nghiệp.

# **Chương 1: CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA DU LỊCH.**

Giới thiệu:

## **Mục tiêu**

- *Về kiến thức:*

+ Trình bày được các khái niệm về tài nguyên du lịch và bản chất khái niệm về tài nguyên du lịch.

+ Trình bày được cách phân loại các tài nguyên du lịch

- *Về kỹ năng:*

+ Phân tích được các yếu tố cơ bản ảnh hưởng tới sự phát triển của du lịch Việt Nam.

+ Phân tích được điểm yếu, điểm mạnh của Việt Nam trong phát triển du lịch.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*

Rèn luyện phẩm chất đạo đức và trau dồi chuyên môn cho phù hợp với ngành nghề.

Nội dung chính

## **1. Vị trí địa lý**

Vị trí địa lý có vai trò vô cùng quan trọng trong phát triển du lịch. Trước hết vị trí địa lý qui định những đặc điểm của tài nguyên du lịch tự nhiên như khí hậu, thủy văn, giới sinh vật.. do vậy nó cũng là nhân tố ảnh hưởng đến kinh tế, văn hóa xã hội. Vị trí địa lý gắn liền với những vấn đề địa chính trị. Đối với du lịch, vị trí địa lý còn là nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận của khách du lịch, một trong 5 yếu tố chính phải quan tâm phân tích trong qui hoạch phát triển du lịch.

Vị trí địa lý bao gồm vị trí địa lý tự nhiên, vị trí địa - văn hóa, vị trí địa lý kinh tế và vị trí địa – chính trị.

Việt Nam là một nước nằm trong vùng Đông Nam Á, trên rìa phía đông nam của lục địa Á - Âu nhìn ra Thái Bình Dương. Vị trí này tạo cho Việt Nam nhiều loại địa hình khác biệt, từ địa hình núi cao, đồi núi ở phía tây sang địa hình đồng

bàng và địa hình duyên hải ở phía đông. Sự đa dạng của địa hình là một điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch.

Vị trí giao thoa giữa Ấn Độ và Trung Quốc là lý do thấy sự có mặt của các loài thực vật di cư từ Myanmar, Malaysia, Nam Trung Hoa. Nằm theo chiều dọc kinh tuyến nên sự phong phú của sinh vật càng cao.

Cũng vì ở một khu vực có rừng vàng biển bạc, trên đường giao thương giữa các vùng miền nên đất nước Việt Nam luôn là một “miếng mồi ngon” của bao thế lực ngoại xâm. Trải qua hàng nghìn năm lịch sử, rất nhiều kẻ thù bên ngoài đã nhòm ngó, xâm chiếm mảnh đất này, song tất cả mọi mưu đồ của chúng đều thất bại. Khi có giặc, cả nước cùng một lòng, không phân biệt giàu nghèo, tôn giáo tín ngưỡng, không phân biệt già trẻ, gái trai đều quyết tâm đánh đuổi kẻ thù. Hình ảnh Thánh Gióng là biểu trưng cho ý chí quật cường của người Việt Nam trước giặc ngoại xâm, nó là một hằng số đặc trưng của dân tộc và trở thành bất tử.

Những hằng số văn hóa này đã tạo ra nhiều di sản văn hóa vật thể và phi vật thể riêng có, không chỉ thu hút sự quan tâm; của các nhà nghiên cứu mà còn rất hấp dẫn khách du lịch trong và ngoài nước.

Vị trí địa lý kinh tế của Việt Nam trên trường quốc tế trước hết thể hiện ở vị trí trung tâm của các nền kinh tế mới nổi và trên ngã ba đường giao thông, trao đổi, vận chuyển hàng hóa đã hình thành từ thế kỷ XIX: Trung Quốc, Nhật Bản - các nước Đông Nam Á và các nước Bắc Phi, Nam Âu... Ngày nay, Việt Nam nằm ở một trong những khu vực có hoạt động kinh tế sôi động nhất thế giới. Những con rồng châu Á như Hàn Quốc, Singapore... đã trở thành đề tài của nhiều nhà nghiên cứu về kinh tế, hiện tượng Nhật Bản từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đã vươn lên phát triển với tốc độ tăng trưởng kinh tế trung bình hằng năm trong một thời gian dài lên đến 9% và đã bứt phá trở thành một trong những cường quốc kinh tế hàng đầu thế giới. Bước sang thế kỉ XXI, sự phát triển của



nền kinh tế Trung Quốc đã trở thành một hiện tượng có ý nghĩa rất lớn tác động đến nền kinh tế toàn cầu. Dưới góc độ du lịch, Việt Nam nằm trên một trong những trọng điểm có tốc độ tăng trưởng du lịch cao nhất thế giới cả về lượng khách và thu nhập từ du lịch.

Về mặt giao thông, Việt Nam nằm trên con đường giao lưu đường biển giữa châu Á (Đông Á và Đông Nam Á) và các nước Trung Đông, Từ xa xưa, Hội An đã trở thành một cảng ghé qua thường xuyên của các đoàn thuyền buôn Đông Á và châu Âu. Ngày nay, khu vực châu Á nói chung, Đông Nam Á nói riêng đã trở thành một nút giao thông quan trọng trên bản đồ giao thông đường biển, đường bộ và đường hàng không thế giới. Việc kết nối Việt Nam ra nước ngoài với các châu lục đã trở nên dễ dàng và thuận tiện hơn bao giờ hết.

Về mặt du lịch, từ chỗ chưa có tên trên bản đồ du lịch thế giới, các nước trong khu vực cũng đã chiếm những vị trí hàng đầu (top 10) như Thái Lan, Trung Quốc... Theo Tổ chức Du lịch Thế giới “hai khu vực có tốc độ tăng trưởng khách du lịch quốc tế đến cao nhất năm 2013 là Đông Nam Á (với tốc độ tăng trưởng 10,6% và Nam Á là 10,2%. Nhìn rộng ra, toàn bộ khu vực châu Á - Thái Bình Dương cũng là khu vực có tốc độ tăng trưởng khách du lịch cao nhất toàn cầu 6,0%/năm.

Về mặt địa chính trị, nước ta nằm trong một trong những khu vực có tình hình chính trị khá ổn định. Tất cả các quốc gia trong khu vực đều quan tâm phát triển du lịch.

Tóm lại, vị trí địa lý là một trong những nguồn lực thế mạnh của du lịch Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

## **2. Tài nguyên du lịch**

### **2.1. Khái niệm**

Cũng như khái niệm du lịch, cho đến nay vẫn chưa có định nghĩa thống nhất về thuật ngữ này. Theo một số nhà địa lý, tiêu biểu là Pirojnik (1985) “*Tài nguyên du lịch là những tổng thể tự nhiên và văn hóa – lịch sử và những thành phần của chúng, tạo điều kiện cho việc phục hồi và phát triển thể*

*lực và tinh thần của con người, khả năng lao động và sức khỏe của họ*“

Theo Trần Đức Thanh và cộng sự (2014) *“Tài nguyên du lịch là những thành tạo tự nhiên, những tính chất của tự nhiên, các công trình, các sản phẩm do con người làm nên, cùng các giá trị thẩm mỹ, lịch sử, văn hóa, tâm linh, giải trí, kinh tế... của chúng, có sức hấp dẫn với khách du lịch và (hoặc) được khai thác đáp ứng cầu du lịch.*

Theo Luật Du lịch Việt Nam (2017), tài nguyên du lịch được hiểu là: *“Cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử, di tích cách mạng, giá trị nhân văn, công trình lao động sáng tạo của con người có thể được sử dụng nhằm thỏa mãn nhu cầu du lịch, là yếu tố cơ bản để hình thành các điểm du lịch, khu du lịch nhằm tạo ra sự hấp dẫn du lịch”*

Vai trò của tài nguyên du lịch đối với các hoạt động du lịch được thể hiện cụ thể trên các mặt sau:

- Tài nguyên du lịch là yếu tố cơ bản để hình thành các sản phẩm du lịch

- Tài nguyên du lịch là cơ sở quan trọng để phát triển các loại hình du lịch

- Tài nguyên du lịch là một bộ phận cấu thành quan trọng của tổ chức lãnh thổ du lịch.

Tài nguyên du lịch vốn rất phong phú và đa dạng song vẫn có thể phân chia thành hai nhóm: tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch văn hóa.

## **2.2. Đặc điểm của tài nguyên du lịch**

- *Một tài nguyên có thể có nhiều giá trị du lịch khác nhau*

Trong quá trình khai thác và kinh doanh du lịch, khách du lịch được đưa tới điểm du lịch để họ thẩm nhận tại chỗ những giá trị của thế giới xung quanh. Mỗi loại hình du lịch đòi hỏi ở tài nguyên du lịch những giá trị mang tính đặc thù khác nhau

- *Tài nguyên du lịch có tính lịch sử*

Trong một giai đoạn nhất định, một sản phẩm của thiên nhiên hay do con người tạo ra chưa chắc có sức hấp dẫn khách du lịch, chưa được khai thác để phục vụ khách du lịch, song vào một thời điểm khác, với cách nhìn nhận khác, sản phẩm đó lại có sức hấp dẫn khách du lịch và ngược lại.

- *Tài nguyên du lịch là loại có thể tái tạo lại một cách đặc biệt.*

Trong nhiều lĩnh vực, nhiều tài nguyên sau khi được tiêu thụ thường bị mất đi giá trị ban đầu, tức là sau khi sử dụng, chúng không còn là tài nguyên như trước. Những loại tài nguyên này là dạng không thể tái tạo. Trong khi đó có một số loại tài nguyên, nếu khai thác hợp lý, chúng có thể tái tạo được. Tài nguyên du lịch được khách du lịch tiêu thụ chủ yếu bằng cách ngắm nhìn, thông qua thuyết minh, hướng dẫn của hướng dẫn viên. Rõ ràng rằng, sau khi khách du lịch tiêu thụ tài nguyên du lịch hầu như không mất đi giá trị ban đầu, khác với việc khai thác tài nguyên trong các lĩnh vực kinh tế khác. Không những không mất đi, giá trị của tài nguyên thậm chí còn gia tăng nhờ sự nâng cao kiến thức của hướng dẫn viên.

- *Tính địa lý*

Đa số các tài nguyên du lịch như cảnh quan thiên nhiên, các di tích lịch sử... đều gắn chặt với vị trí địa lý, không thể di dời đi được nơi nào khác. Ngay cả thế giới động thực vật, khí hậu, lễ hội, văn hóa truyền thống cũng là hàm số của vị trí địa lý. Tính địa lý có thể rất trực quan nhưng cũng có thể là khá trừu tượng. Chỉ khi đến nơi có tài nguyên du lịch khách mới có thể chiêm ngưỡng được các tài nguyên du lịch ấy.

Như vậy, tài nguyên du lịch hoặc là gắn chặt một cách vật lý với một địa chỉ cụ thể hoặc có thể được mang đến cho khách du lịch ở phương xa, đều có định vị với một địa bàn cụ thể.

- *Tính thời vụ*

Hầu hết các tài nguyên du lịch đều có đặc điểm này, kể cả tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch văn hóa. Với tư cách là tài nguyên du lịch, khí hậu phù hợp với du lịch

nghi biển ở miền bắc Việt Nam xuất hiện từ tháng 4 đến tháng 8, lễ hội chỉ diễn ra vào các gia đoạn nhất định trong năm.

Đây là một trong nhân tố quan trọng qui định tính thời vụ của hoạt động du lịch nói chung, kinh doanh du lịch nói riêng.

### **2.3. Phân loại tài nguyên du lịch**

#### **2.3.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên.**

*Tài nguyên du lịch tự nhiên là những thành tạo hay tính chất của tự nhiên cùng các giá trị thẩm mỹ, khoa học, môi trường... có sức hấp dẫn du khách hay được khai thác đáp ứng nhu cầu du lịch.*

##### **1.3.1.1 Địa hình.**

Việt Nam nằm ở vị trí tiếp giáp giữa nhiều hệ thống tự nhiên như giữa Hoa Nam lục địa phía bắc với Đông Nam Á và Đông Bắc Á hải đảo phía đông nam, giữa lục địa Á - Âu với Thái Bình Dương. Do vậy, Việt Nam là một nước có cảnh quan rất phong phú và đa dạng, phần lớn diện tích đất nước là núi đồi, đường bờ biển dài, nhiều đảo và có vùng thềm lục địa rộng lớn. Hầu hết địa hình Việt Nam là một trong những nhân tố hấp dẫn khách du lịch nên nó được coi là một trong những tài nguyên du lịch tự nhiên.

3/4 diện tích Việt Nam là đồi núi khiến cho cảnh quan tự nhiên rất đa dạng. Hệ thống đồi núi nước ta có phân bậc khá rõ ràng. Gần 70% diện tích cả nước có độ cao từ 500m trở xuống, 14% diện tích là núi cao trên 1.000m, trên 2.000m chỉ chiếm khoảng 1%. Tuy không cao, song địa hình nước ta nhiều nơi khá hiểm trở bởi độ chia cắt ngang và chia cắt sâu lớn. Tuy nhiên, sự hiểm trở, khó khăn của địa hình lại là yếu tố quan trọng thu hút khách du lịch, đặc biệt là khách hướng ngoại. Do vậy, du khách sẽ không quản ngại khó khăn vất vả trong tiếp cận các vùng đồi núi để đến với các loại hình du lịch sinh thái, du lịch dân tộc, du lịch mạo hiểm, hiking, trekking... Chỉ ở vùng đồi núi như ở Mù Cang Chải, Sa Pa... du khách mới có thể thấy được giá trị của những thửa ruộng bậc thang,

công trình kỹ thuật nông nghiệp được cộng đồng địa phương tạo ra trong nền văn minh lúa nước.

Từ vĩ tuyến 16 trở ra, địa hình núi đồi chủ yếu được cấu tạo bởi đá vôi, chiếm 15% diện tích tự nhiên cả nước. Loại đá dễ hòa tan này là thành phần cơ bản tạo ra các kiểu địa hình karst. Công viên Địa chất toàn cầu Đồng Văn ở Hà Giang là một ví dụ. Bên cạnh kiểu địa hình karst nhiệt đới ngập nước điển hình của thế giới ở vịnh Hạ Long, những nhũ đá, măng đá, cột đá hàng động kỳ ảo ở Phong Nha - Kẻ Bàng, những hang luôn, hang xuyên thủy động và cảnh Hạ Long cạn ở Tràng An đã là những lý do thuyết phục để các thành viên của ủy ban Di sản Thế giới nhất trí đưa ba địa danh này vào danh sách di sản thế giới. Động Hương Tích (Hà Nội) Tam Cốc, Bích Động (Ninh Bình), động Nhị Thanh, Tam Thanh (Lạng Sơn), hang Sừng Sốt, động Thiên Cung (Quảng Ninh)... đã từ lâu được biết tiếng và đã trở thành những điểm du lịch nổi tiếng, hàng năm thu hút hàng nghìn, chục nghìn khách du lịch trong và ngoài nước.

Việt Nam là một trong những nước có tính biển cao. Hệ số tính biển của Việt Nam là 0,0099, cao gần gấp hai lần Thái Lan (0,0063), một trong những nước có ngành Du lịch biển phát triển nhất trong khu vực. Tổng chiều dài đường biển lên đến 3.260 km, trên đó có 124 bãi biển đẹp có thể khai thác phục vụ du lịch tắm biển. Những bãi biển Lăng Cô, Mỹ Khê, Purama, Nha Trang, Mũi Né, Vũng Tàu, Hà Tiên, Bãi Sao... không chỉ nổi tiếng trong nước mà còn được khách du lịch quốc tế ưa thích.

Bên cạnh những bãi biển đẹp, khách du lịch còn bị cuốn hút bởi những cảnh quan biển (seascape) ngoạn mục ven bờ. Theo Trần Đức Thanh và cộng sự (2012), gần 85% trong số trên 3.000 hòn đảo của Việt Nam tập trung ở phía bắc vịnh Bắc Bộ, thuộc vùng biển Quảng Ninh và Hải Phòng. Từ xa xưa, trong khi đi qua Vân Đồn, Nguyễn Trãi đã từng ca ngợi vùng biển Quảng Ninh là một “thiên khôi địa thiết phó kỳ

quan”. Đây cũng là lý do mà ủy ban Di sản Thế giới thuộc UNESCO đã hoàn toàn nhất trí ghi tên vịnh Hạ Long, một mẫu (speciment) tiêu biểu về kiểu cảnh quan karst nhiệt đới ngập nước điển hình trên Trái đất vào danh sách di sản thế giới năm 1994. Ở phía nam, người dân Bình An, Kiên Lương nói riêng, Kiên Giang nói chung cũng tự hào gọi quần đảo Bà Lụa của quê hương mình là Hạ Long phương Nam. Ngoài ra, các đảo Cô Tô, Quan Lạn, Tuần Châu, Cát Bà, Hòn Ngu, Côn Cỏ, Cù lao Chàm, Lý Sơn, Côn Đảo, Phú Quốc... đã và đang trở thành những điểm sáng về du lịch nghỉ dưỡng trên bản đồ du lịch của Việt Nam.

Do có điều kiện khí hậu chí tuyến nên nước biển ấm, các rạn san hô nhiều và phát triển nhanh chóng. Du lịch tham quan khám phá vẻ đẹp kỳ ảo ở các rạn san hô ở Quảng Ninh, Nha Trang, Bà Rịa Vũng Tàu, Kiên Giang cũng là một thế mạnh tiềm tàng của du lịch Việt Nam.

#### 2.3.1.2. Khí hậu

Theo Nguyễn Đức Ngữ, Nguyễn Trọng Hiệu (2005), Phạm Văn Toàn và Phan Tất Đắc (1993), khí hậu nước ta mang tính chất khí hậu nội chí tuyến gió mùa ẩm gồm cả tính chất chí tuyến và tính chất gió mùa ẩm. Do đặc điểm địa hình và do thế nằm theo chiều kinh tuyến của lãnh thổ nên khí hậu của Việt Nam cũng khá đa dạng. Tính nhiệt đới ngày càng tăng rõ rệt theo chiều từ Bắc vào Nam.

Trong khi nhiệt độ trung bình năm ở Lạng Sơn là  $21,2^{\circ}\text{C}$ , tổng nhiệt độ cả năm chỉ là  $7.738^{\circ}\text{C}$ , ở Hà Nội là  $23,5^{\circ}\text{C}$  và  $8.577^{\circ}\text{C}$ , ở Huế tăng lên  $25,1^{\circ}\text{C}$  và  $9.161^{\circ}\text{C}$ , ở Thành phố Hồ Chí Minh còn cao hơn nữa, lần lượt là  $27,1^{\circ}\text{C}$  và  $9.891^{\circ}\text{C}$ . Ở phía bắc khách du lịch có thể cảm nhận thấy 4 mùa xuân, hạ, thu, đông, song đi qua Bạch Mã, họ có hai trải nghiệm du lịch khác nhau là mùa khô và mùa mưa. Nếu từ tháng 9 đến tháng 10, khách du lịch thường bị lôi cuốn bởi khí trời mát mẻ dễ chịu và cảnh sắc của ruộng bậc thang, các cánh đồng hoa tam giác mạch ở Si Ma Cai, Xín Mần... thì Đồng bằng sông Mê

Kông lại là nơi khách du lịch được trải nghiệm cuộc sống của nông dân vào mùa nước nổi, một bài học thực tiễn về sự thích của cư dân với môi trường sống. Trong khi đó, vào thời điểm này, các điểm du lịch tham quan, nghỉ dưỡng, các bãi biển ở Đông Nam Bộ, Duyên hải miền Trung vắng khách dần vì nơi đây đã bước sang mùa mưa.

Nhìn chung, khí hậu là điều kiện phát triển du lịch, song trong điều kiện khí hậu nóng ẩm nội chí tuyến, kiểu khí hậu ôn đới do qui luật phi địa đới tạo ra ở Sa Pa, Tam Đảo, Ba Vì, Bà Nà, Đà Lạt... lại trở thành tài nguyên du lịch. Vào dịp mùa hè, để trốn tránh cái oi bức, ngột ngạt do nhiệt độ cao, các địa danh trên được nhiều khách du lịch trong và ngoài nước lựa chọn làm điểm đến của mình.

#### 2.3.1.3 Thủy văn

Hệ thống và chế độ thủy văn của nước ta cũng khá phức tạp. Chịu ảnh hưởng của địa hình và khí hậu, Việt Nam có nhiều kiểu cảnh quan được tạo bởi nhân tố chính là nước. Khí hậu nắng lắm, mưa nhiều đã làm cho vùng núi nhiều thác ghềnh, đồng bằng nhiều ao hồ, kênh rạch, ven biển nhiều vũng vịnh, đầm phá... Chế độ nước lên vào dịp cuối năm của hệ thống sông Mê Kông tạo ra cảnh mùa nước nổi mênh mang ở miền Tây... Thế nhưng vào mùa khô, sông suối khô hạn làm cho Ninh Thuận có cảnh quan của một sa mạc.

Mạng lưới sông suối ở Việt Nam rất dày, trung bình 1km - diện tích có 1km sông, suối. Có tới 2.360km sông dài trên 10km, trong đó có thể kể đến sông Hồng, sông Mã, sông Cả, sông Mê Kông. Tuy nhiên, cho đến nay việc khai thác sông suối tạo nên sản phẩm du lịch còn chưa được quan tâm như hệ thống hồ. Ở thượng nguồn, nhất là ở vùng núi cao Tây Bắc, Đông Bắc hay Tây Nguyên, những dòng sông suối chảy qua địa hình phức tạp, có độ chia cắt sâu lớn đã tạo ra những thác nước ngoạn mục. Thác Bạc ở Sa Pa, thác Bản Giốc ở Cao Bằng, thác Gia Long, Dray Sap, Trinh Nữ ở Đắk Nông, thác Thủy Tiên ở Đắk Lắk, thác Prenn, thác Cam

Ly ở Lâm Đồng là những thác nước được khách du lịch đánh giá là đẹp nhất ở nước ta.

Cả nước có khoảng trên 3.600 hồ các loại, trong đó khoảng 83% là hồ nhỏ, 17% là hồ trung bình và lớn. Trong số trên 600 hồ trung bình và lớn, chỉ có 17% là hồ lớn. Đa số các hồ lớn là hồ nhân tạo, chủ yếu được xây dựng nhằm mục đích điều hòa nước cho nông nghiệp và đặc biệt là để chạy máy phát điện. Có thể kể đến một số hồ trong số đó như hồ Thác Bà, hồ Ba Bể, hồ Sông Đà, hồ Tạ Bú, hồ Núi Cốc, hồ Đại Lải, hồ Yên Lập, hồ Kẻ Gỗ, hồ Yaly, hồ Dầu Tiếng, hồ Đơn Dương, hồ Trị An... Đa số các hồ này, bên cạnh mục đích, chức năng ban đầu của nó là thủy nông hay thủy điện, chức năng du lịch cũng đã ngày càng phát triển. Hồ, nhất là hồ nhân tạo rất nên thơ bởi cảnh quan ven bờ và các đảo trong hồ. Ngoài giá trị thẩm mỹ, các hồ này còn tạo ra một miền vi khí hậu không khắc nghiệt, ấm áp về mùa đông, mát mẻ về mùa hè. Đó là hai giá trị cơ bản làm cho hồ trở thành tài nguyên du lịch, hấp dẫn khách du lịch. Ngoài các hồ nhân tạo kể trên, hồ ở nước ta còn có nhiều nguồn gốc khác nhau như hồ móng ngựa (hồ Hoàn Kiếm, hồ Tây ở Hà Nội); hồ kiến tạo (hồ Ba Bể ở Bắc Kạn), hồ núi lửa (hồ T'Nung ở Gia Lai), hồ bị chặn dòng (hồ Lak ở Đắk Lắk). Không chỉ có giá trị thẩm mỹ, giá trị kinh tế kỹ thuật, rất nhiều trong số hồ này còn được phủ trên mình những truyền thuyết, những câu chuyện mang tính nhân văn của văn hóa Việt Nam. Hồ Hoàn Kiếm chứng kiến chiến thắng ngoại xâm của Lê Lợi, Hồ Tây hấp dẫn khách du lịch còn bởi các truyền thuyết về những tên gọi khác nhau của nó. Hồ Núi Cốc, Hồ Than Thở lại thấm đẫm câu chuyện tình cảm động về mối tình thủy chung của những đôi trai gái.

Đối với du lịch, nước ngầm ít có khả năng trở thành tài nguyên nhất, trừ nước khoáng. Nước khoáng là nước thiên nhiên, thường ở trong lòng đất, có hàm lượng khoáng hóa trên 1g/lit hay có nhiệt độ trên 30°C. Những điểm nước khoáng, nước nóng nổi tiếng ở nước ta là Mỹ Lâm (Tuyên Quang),



Kép Hạ (Bắc Giang), Quang Hanh (Quảng Ninh), Tiên Lãng (Hải Phòng), Tiên Hải (Thái Bình), Kim Bôi (Hòa Bình), Kênh Gà (Ninh Bình), Mương Luân, U Va (Điện Biên), Phù Lao (Phú Thọ), Nghĩa Lộ (Yên Bái), Bản Khang (Nghệ An), Lò Vôi (Quảng Bình), Mỹ An (Thừa Thiên - Huế), Hội Vân (Bình Định), Vĩnh Hảo (Bình Thuận), Gougah (Đắk Lắk)...

Bên cạnh nước khoáng là bùn khoáng, ở Việt Nam, có một số nơi đã tổ chức khai thác bùn khoáng phục vụ khách du lịch như Tháp Bà (Khánh Hòa), Mũi Né (Bình Thuận), Hòa Vang (Đà Nẵng)... Khánh Hòa coi tắm bùn khoáng là một khâu trong chuỗi giá trị sản phẩm du lịch đặc trưng của tỉnh.

#### 2.3.1.4 Động thực vật

Loài người luôn tìm mọi cách để tạo ra một môi trường kỹ thuật dễ chịu cho mình trước sự biến đổi khắc nghiệt của môi trường tự nhiên, điều đó đồng nghĩa với việc con người đang tự tách mình ra khỏi thiên nhiên. Trong khi đó, là một thực thể của tự nhiên, con người lại có nhu cầu quay về với thiên nhiên. Đó là một quy luật khách quan. Chính vì vậy, thế giới động thực vật, đặc biệt là thế giới động thực vật hoang dã tự thân đã có sự hấp dẫn con người, trong đó có khách du lịch.

Để tích cực góp phần giữ gìn và bảo tồn đa dạng sinh học, Việt Nam đã thành lập 31 vườn quốc gia (VQG), 125 khu bảo tồn thiên nhiên (KBTTN) với tổng diện tích trên 2,5 triệu ha. Tùy theo điều kiện môi trường và sinh cảnh của loài động thực vật, các VQG có trách nhiệm bảo vệ đa dạng sinh học, bảo vệ các loài động thực vật quý hiếm, đặc hữu khác nhau. Các VQG này vừa là nơi nghiên cứu, tìm hiểu giá trị đa dạng sinh học của các nhà nghiên cứu sinh học Việt Nam và thế giới, đồng thời cũng là những nơi hấp dẫn nhiều khách du lịch đến với loại hình du lịch sinh thái. Các VQG được thành lập ở nhiều địa bàn khác nhau nhằm tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện các nhiệm vụ kể trên như VQG Hoàng Liên Sơn (khu vực núi Phan - xi - păng, Lào Cai), VQG Cát Bà (Hải Phòng), VQG Bái Tử Long (Quảng Ninh), VQG Cúc Phương (Ninh

Bình), VQG Pù Mát (Nghệ An), VQG Phong Nha - Kẻ Bàng (Quảng Bình), VQG Bạch Mã (Thừa Thiên Huế), VQG Chư Mom Ray (Kon Tum), VQG Yordon (Đắk Lắk), VQG Núi Chúa (Ninh Thuận), VQG Cát Tiên (Đồng Nai), VQG Côn Đảo (Bà Rịa - Vũng Tàu), VQG Lò Gò Xa Mat (Tây Ninh), VQG U Minh Hạ, VQG Đất Mũi (Cà Mau), VQG Phú Quốc (Kiên Giang),...

Tính đến năm 2011, Việt Nam đã có 8 khu vực được UNESCO công nhận là khu dự trữ sinh quyển thế giới. Đó là Cần Giờ, Đồng Nai, Cát Bà, Châu thổ sông Hồng, ven biển và biển đảo Kiên Giang, Tây Nghệ An, Cù lao Chàm và Mũi Cà Mau...

Khi lên cao nguyên ở Lâm Đồng, hoặc du lịch trên các triền núi phía bắc, khách du lịch sẽ được ngắm nhìn các loài cây lá kim như thông, pơ mu..., được hiểu về các loài gỗ quý tứ thiết mọc trong rừng sâu, hiểu về sự diệu kỳ của thiên nhiên khi tham quan các khu rừng khộp ở Tây Nguyên, thấy được giá trị to lớn của các loài thú, thực vật, muối tạo nên bức tường chắn sóng và lấn biển tự nhiên ở vùng duyên hải. Rừng núi nước ta là nơi sinh sống của nhiều loài động vật khác nhau từ các loài côn trùng như ong, bướm đến các loài chim, các loài động vật ăn cỏ và ăn thịt. Khách du lịch có thể tìm hiểu về cuộc sống của các loài động vật hoang dã hay say xưa ngắm chim tại các vùng đất ngập nước, nhất là các khu Ramsar ở phía bắc cũng như ở phía nam của đất nước. Các rạn san hô là nơi tập trung cư trú của nhiều loài cá, tạo nên một cảnh quan sinh động và đẹp mắt thu hút sự khám phá của hàng nghìn khách du lịch. San hô là nhóm sinh vật biển tạo ra sinh khối lớn nhất ở biển nhiệt đới nước ta. San hô tạo ra hệ sinh thái rạn san hô, hệ sinh thái có năng suất sinh học cao nhất trên Trái đất. Trên rạn san hô là nơi tập trung sinh sống, trú ẩn của nhiều giống loài sinh vật có giá trị như rong biển, các loài nhuyễn thể, giáp xác và nhiều loài cá khác nhau. Bên cạnh giá trị vật chất dưới con mắt của các nhà kinh tế, rạn san hô còn có giá trị khoa học, giá trị thẩm mỹ cao. Do vậy nó là đối

tượng hấp dẫn cho các hoạt động du lịch sinh thái biển, ở nước ta, rạn san hô tập trung ở phía tây vịnh Bắc Bộ, quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa, ven bờ Phú Yên, Khánh Hòa, ven các đảo Hòn Thu, Nam Du, Côn Sơn, Thổ Chu, Phú Quốc...

Do sự phong phú của điều kiện tự nhiên, ở Việt Nam có nhiều phong cảnh ngoạn mục có giá trị nổi bật. Đó là mẫu tiêu biểu về cảnh quan karst nhiệt đới ngập nước vịnh Hạ Long, đó là ví dụ nổi bật đại diện cho các giai đoạn của lịch sử Trái đất, bao gồm bằng chứng sự sống, các tiến triển địa chất, địa lý đã và đang diễn ra ở Phong Nha (Kẻ Bàng), Tràng An (Bái Đính), là cảnh quan có giá trị thẩm mỹ đặc biệt ở Hạ Long cũng như ở Tràng An. Từ đó có thể thấy dễ hiểu vì sao Hạ Long, Phong Nha (Kẻ Bàng) cũng như Tràng An được ghi vào danh sách di sản thế giới.

Như vậy, Việt Nam có điều kiện tự nhiên khá thuận lợi cho phát triển du lịch, trong đó có du lịch tham quan, du lịch sinh thái. Ngành Du lịch nước ta trong thời gian qua đã từng bước khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên này. Tuy nhiên, để phát triển bền vững, cần có những giải pháp vừa tạo được sản phẩm du lịch hấp dẫn, vừa góp phần bảo vệ môi trường là việc làm cần quan tâm.

**Danh sách vườn quốc gia tính đến năm 4/2013**

Vùng	Tên vườn	Năm thành lập	Diện tích (ha)	Địa điểm
<u>Trung du và miền núi phía Bắc</u>	<u>Bái Tử Long</u>	2001	15.783	<u>Quảng Ninh</u>
	<u>Ba Bể</u>	1992	7.610	<u>Bắc Kạn</u>
	Phia Oắc - Phia Đén	2018	10.593	<u>Cao Bằng</u>
	<u>Tam Đảo</u>	1986	36.883	<u>Vĩnh Phúc, Thái Nguyên, Tuyên Quang</u>
	<u>Xuân Sơn</u>	2002	15.048	<u>Phú Thọ</u>
	<u>Hoàng Liên</u>	1996	38.724	<u>Lai Châu, Lào Cai</u>
	Du Già - Cao nguyên đá Đồi Văn	2015	15.006	<u>Hà Giang</u>

<u>Đông bằng Bắc Bộ</u>	<u>Cát Bà</u>	1986	15.200	<u>Hải Phòng</u>
	<u>Xuân Thủy</u>	2003	7.100	<u>Nam Định</u>
	<u>Ba Vì</u>	1991	10.815	<u>Hà Nội</u>
	<u>Cúc Phương</u>	1966	22.200	<u>Ninh Bình, Thanh Hóa, Hòa Bình</u>
<u>Bắc Trung Bộ</u>	<u>Bến En</u>	1992	14.735	<u>Thanh Hóa</u>
	<u>Pù Mát</u>	2001	91.113	<u>Nghệ An</u>
	<u>Vũ Quang</u>	2002	55.029	<u>Hà Tĩnh</u>
	<u>Phong Nha - Kẻ Bàng</u>	2001	123.326	<u>Quảng Bình</u>
	<u>Bạch Mã</u>	1991	22.030	<u>Thừa Thiên - Huế</u>
<u>Nam Trung Bộ</u>	<u>Phước Bình</u>	2006	19.814	<u>Ninh Thuận</u>
	<u>Núi Chúa</u>	2003	29.865	<u>Ninh Thuận</u>
<u>Tây Nguyên</u>	<u>Chư Mom Ray</u>	2002	56.621	<u>Kon Tum</u>
	<u>Kon Ka Kinh</u>	2002	41.780	<u>Gia Lai</u>
	<u>Yok Đôn</u>	1991	115.545	<u>Đắk Lắk</u>
	<u>Chư Yang Sin</u>	2002	58.947	<u>Đắk Lắk</u>
	<u>Bidoup Núi Bà</u>	2004	64.800	<u>Lâm Đồng</u>
<u>Đông Nam Bộ</u>	<u>Cát Tiên</u>	1992	73.878	<u>Đồng Nai, Lâm Đồng, Bình Phước</u>
	<u>Bù Gia Mập</u>	2002	26.032	<u>Bình Phước</u>
	<u>Lò Gò - Xa Mát</u>	2002	18.765	<u>Tây Ninh</u>
	<u>Côn Đảo</u>	1993	15.043	<u>Bà Rịa - Vũng Tàu</u>
<u>Tây Nam Bộ</u>	<u>Tràm Chim</u>	1994	7.588	<u>Đồng Tháp</u>
	<u>Mũi Cà Mau</u>	2003	41.862	<u>Cà Mau</u>
	<u>U Minh Hạ</u>	2006	8.286	<u>Cà Mau</u>
	<u>U Minh Thượng</u>	2002	8.053	<u>Kiên Giang</u>
	<u>Phú Quốc</u>	2001	31.422	<u>Kiên Giang</u>

*Biểu 1.1. Danh sách các vườn quốc gia tại Việt Nam*

### 2.3.1.5 Nguồn lực biển, đảo.

Việt Nam là một quốc gia biển lớn nằm ven bờ tây Biển Đông với chỉ số tính biển (khoảng 0,0098), cao gấp 6 lần chỉ số tính biển trung bình thế giới, diện tích biển gấp 3 lần diện tích đất liền. Không có nơi nào ở nước ta lại xa biển hơn

500km, do vậy, đối với mọi mặt của đời sống kinh tế, xã hội, chính trị nói chung, đối với du lịch nói riêng, biển đảo là một nguồn lực đặc biệt quan trọng.

Trong Biển Đông, liên quan tới Việt Nam có hai vịnh lớn là vịnh Bắc Bộ ở phía bắc, rộng khoảng 130.000km và vịnh Thái Lan ở phía tây nam, diện tích khoảng 293.000km<sup>2</sup>. Vịnh Bắc Bộ là vịnh nông, nơi sâu nhất khoảng 100m vịnh Thái Lan nông hơn, nơi sâu nhất khoảng 80m. Vùng biển nước ta có hơn 3.000 hòn đảo lớn nhỏ trong đó hầu hết tập trung ở vùng biển Quảng Ninh.

Thềm lục địa Việt Nam có nguồn lợi về dầu mỏ, khí đốt và khoáng sản rất dồi dào. Dầu mỏ có trữ lượng khoảng 4.0 tỷ dầu quy đổi. Ven biển Việt Nam có tổng trữ lượng hơn 600 triệu tấn quặng titan - ilmenit. Đặc biệt biển Đông Việt Nam còn là nơi rất có tiềm năng về băng cháy, một nguồn năng lượng sạch của tương lai. Vùng ven biển cũng là nơi tập trung nhóm khoáng sản vật liệu xây dựng như đá vôi, xi măng, sét, đá ốp lát... Trữ lượng cát thủy tinh lên đến hơn 144 triệu.

Tài nguyên sinh vật rất phong phú và đa dạng, với khoảng 2.500 loài cá, trong đó có trên 100 loài có giá trị kinh tế cao, trữ lượng cá có thể đánh bắt hàng năm khoảng 2,3 triệu tấn. Ngoài ra, biển Việt Nam còn có khoảng 650 loài rong biển, gần 700 loài động vật phù du, trên 500 loài thực vật phù du, 94 loài thực vật ngập mặn, 225 loài tôm biển, 15 loài rắn biển, 12 loài thú biển, 5 loài rùa biển và 43 loài chim nước.

Bờ biển Việt Nam dài 3.260km, từ Quảng Ninh đến Kiên Giang với nhiều bãi cát, vịnh, hang động tự nhiên đẹp là tiềm năng về du lịch lớn của nước ta. Căn cứ vào các điều kiện khai thác phát triển du lịch, có thể phân chia bờ biển nước ta thành 5 đoạn. Đoạn 1 từ Móng Cái đến Đồ Sơn. Trong khu vực này, độ dốc đáy biển thoải, vật liệu đáy từ cát mịn (ở phía bắc) đến vật liệu thô và nhão (ở phía nam), nước biển từ trong ở phía bắc đến đục ở phía nam. Khí hậu có mùa đông lạnh. Với đặc điểm như vậy, vùng này không thích hợp cho du lịch tắm biển.

Song đây lại là khu vực có trên 85% đảo của Việt Nam, do vậy vùng biển này có cảnh quan biển có giá trị thẩm mỹ cao, rất hấp dẫn khách du lịch. Nơi đây đã từng được Nguyễn Trãi tả là Thiên khôi địa thiết phó kỳ quan (Trời đất bao la bày thành cảnh kỳ quan - nhóm dịch giả Đào Duy Anh). Đây cũng chính là lý do để Hạ Long được UNESCO đưa vào Danh sách Di sản Thế giới năm 1994. Đoạn thứ 2 từ Đồ Sơn đến Nga Sơn. Đoạn này có độ dốc thoải song nước biển đục, vật liệu đáy chủ yếu là phù sa. Đoạn tiếp từ Nga Sơn đến Đà Nẵng có độ dốc thoải, nước biển trong dần. Cát chuyển từ màu sẫm sang sáng trắng, độ mịn cao. Nhiệt độ nước biển tầng mặt trung bình tháng Giêng đã vượt qua ngưỡng 21°C, càng vào nam càng phù hợp với du lịch tắm biển nhiều hơn. Đoạn thứ tư từ Đà Nẵng đến Vũng Tàu có độ dốc đáy biển lớn dần, vật liệu đáy lớn dần (sỏi, cuội) sóng biển nhiều và lớn, phù hợp cho các loại hình du lịch thể thao biển như lặn biển, lướt sóng... Từ Vũng Tàu đến Hà Tiên tuy đáy biển có thoải hơn, nhiệt độ nước biển tầng mặt ấm hơn, song vật liệu đáy chủ yếu là sinh lầy, phù sa, ít có bãi biển đẹp trừ Hà Tiên. Khu vực này chủ yếu phù hợp với phát triển du lịch sinh thái đất ngập mặn ven biển.

Hệ thống gần 82 hòn đảo ven bờ có diện tích trên 1km<sup>2</sup>, trong đó 24 đảo có diện tích trên 10 km<sup>2</sup> (10 - 320km<sup>2</sup>), cách bờ không xa là những hệ sinh thái đảo hấp dẫn. Ở đây không khí trong lành, nước biển trong và sạch, bãi cát trắng mịn.

Các thắng cảnh trên đất liền nổi tiếng như Phong Nha, Bích Động, Non Nước... Các di tích lịch sử và văn hoá như Nhà thờ Trà cổ, Nhà thờ Phát Diệm, cố đô Huế, Phố cổ Hội An, Tháp Đôi, Tháp Ponagar,... có lịch sử không thể tách rời với đời sống biển cả. Những đô thị có nền kinh tế biển, văn hóa biển cũng trở thành những trung tâm du lịch lớn của cả nước như Hạ Long, Hải Phòng, Vinh, Đồng Hới, Đà Nẵng, Quy Nhơn, Tuy Hòa, Nha Trang, Phan Rang, Phan Thiết, Bà

Rịa - Vũng Tàu, Hà Tiên... Bờ biển khúc khuỷu, nhiều cung bờ xen kẽ các mũi nhô đá gốc, nên từ bắc vào nam, nước ta có rất nhiều cảnh quan ven biển đẹp thu hút khách du lịch như Đồ Sơn, Sầm Sơn, Hòn Ngự, Bãi Đá Nhảy, Hải Vân, Bãi Bụt, Cà Ná, Hà Tiên...

Trải dài trên 3.000km đường bờ biển là những bãi tắm đẹp không chỉ nổi tiếng trong nước và còn được khách du lịch nước ngoài đánh giá cao như Trà Cổ (Quảng Ninh), Quan Lạn (Quảng Ninh), Thanh Lân (Quảng Ninh); Cát Cò (Hải Phòng), Đồ Sơn (Hải Phòng), Sầm Sơn (Thanh Hóa), Cửa Lò (Nghệ An), Cửa Hội (Nghệ An), Thiên Cầm (Hà Tĩnh), Đá Nhảy (Quảng Bình), Cửa Tùng (Quảng Trị), Lăng Cô (Thừa Thiên - Huế), Mỹ Khê (Đà Nẵng), Quy Nhơn (Bình Định), Nha Trang (Khánh Hòa), Ninh Chữ (Ninh Thuận), Cà Ná (Ninh Thuận), Mũi Né (Bình Thuận), Bãi Trước (Vũng Tàu), Bãi Sau (Vũng Tàu), Phú Quốc (Kiên Giang)...

Tính chất của một quốc gia biển cũng thể hiện trong các lễ hội. Ở Việt Nam có hàng ngàn lễ hội có liên quan đến đời sống biển như các lễ hội đua thuyền, đua ghe ngo, Lễ hội nghinh ông, Lễ hội cầu ngư, Lễ hội cúng biển. Riêng ở Nha Trang có Lễ hội Yến sào, Quảng Trị có Lễ hội rước hến... Biển cũng là cửa ngõ, là biên giới của đất nước nên nhiều nơi có những lễ hội ghi dấu chiến công, ghi danh những anh hùng chống giặc ngoại xâm như Lễ hội Bạch Đằng, Lễ hội đền Cửa Ôn g... Riêng ở Lý Sơn có Lễ Khao lè thế lính Hoàng Sa, một lễ bắt đầu có từ khi đội Hoàng Sa gánh vác sứ mệnh lịch sử thiêng liêng trên Biển Đông.

Như vậy, đối với sự phát triển du lịch Việt Nam, biển và hải đảo là một nguồn lực đặc biệt quan trọng. Nguồn lực này sẽ ảnh hưởng lớn đến định hướng chiến lược du lịch nước nhà trong giai đoạn tiếp theo, góp phần định vị du lịch Việt Nam trong cộng đồng kinh tế ASEAN mà nước ta sẽ là một thành viên.

## 2.3.2. Tài nguyên du lịch văn hóa

### 2.3.2.1 Khái niệm.

- Tài nguyên du lịch văn hóa

Rosemary cho rằng “Tài nguyên du lịch văn hóa không chỉ là các cuộc trình diễn nghệ thuật mà là toàn bộ những thể hiện sinh động khác nhau của văn hóa”.

*“Tài nguyên du lịch văn hóa là các sản phẩm do con người tạo ra cùng các giá trị của chúng có sức hấp dẫn đối với khách du lịch hoặc được khai thác đáp ứng du lịch”.*

- Di sản văn hóa

Trong số các tài nguyên du lịch văn hóa, các di sản văn hóa có vị trí đặc biệt. Nhìn chung, các di sản văn hóa được chia thành di sản văn hóa phi vật thể và văn hóa vật thể.

Theo luật di sản văn hóa Việt Nam, di sản văn hóa và văn hóa phi vật thể là sản phẩm tinh thần có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, được lưu giữ bằng trí nhớ, chữ viết, được lưu truyền bằng miệng, truyền nghề, diễn xướng dân gian, lối sống, lễ hội, bí quyết về nghề thủ công truyền thống, tri thức về y, dược học cổ truyền, văn hóa ẩm thực, về trang phục truyền thống dân tộc và những tri thức dân gian khác

Di sản văn hóa vật thể là sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, bao gồm di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.

Có nhiều quan niệm khác nhau trong việc phân chia tài nguyên du lịch văn hóa. Nếu coi tài nguyên du lịch văn hóa là di sản văn hóa thì cũng có thể chia chúng thành tài nguyên văn hóa vật thể và tài nguyên văn hóa phi vật thể.

### 2.3.2.2 Di tích lịch sử văn hóa.

Trải qua hàng nghìn năm dựng nước, giữ nước và mở mang bờ cõi, cha ông ta đã để lại nhiều dấu ấn trong lịch sử. Những di tích lịch sử văn hóa là những minh chứng cho các chặng đường phát triển của dân tộc về mọi mặt, từ đấu tranh với thiên tai, địch họa tới sáng tạo trong đời sống vật chất tinh thần.



Tính trung bình trên toàn bộ lãnh thổ nước ta, cứ 100km<sup>2</sup> có đến 12 di tích lịch sử văn hóa. Đến tháng 12/2015, trong số gần 7.900 di tích lịch sử văn hóa được xếp hạng của cả nước, đã có 3.212 di tích được xếp hạng di tích cấp quốc gia và 72 di tích cấp quốc gia đặc biệt, tập trung chủ yếu (29 di tích) thuộc vùng châu thổ sông Hồng, trong đó Hà Nội là địa phương có số lượng nhiều nhất (13 di tích), tiếp sau là các tỉnh Quảng Ninh, Quảng Trị, Bắc Ninh, Thanh Hóa (4 di tích).

Trong số 72 di tích quốc gia đặc biệt quan trọng của Việt Nam có 5 di tích là danh lam thắng cảnh (vịnh Hạ Long, Hồ Ba Bể, VQG Cát Tiên và Quần thể danh thắng Tràng An - Tam Cốc - Bích Động và Quần đảo Cát Bà), 1 di tích khảo cổ và kiến trúc nghệ thuật (Óc Eo - Ba Thê và Gò Tháp), 3 di tích khảo cổ (Cát Tiên, Hang Con Moong và Mộ Cự Thạch (Hàng Gòn)), 3 di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh (VQG Phong Nha - Kẻ Bàng, Yên Tử và Tây Thiên - Tam Đảo), 2 di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật và khảo cổ (Thành nhà Hồ và Cổ Loa), 1 di tích lịch sử và khảo cổ (Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long), 9 di tích kiến trúc nghệ thuật (Chùa Keo, Đô thị cổ Hội An, Khu đền tháp Mỹ Sơn, Đình Tây Đằng, Chùa Bút Tháp, Đền Sóc, Chùa Tây Phương, Tháp Chăm Dương Long và Tháp Bình Sơn), 12 di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật (cố đô Hoa Lư, Quần thể kiến trúc cố đô Huế, Côn Sơn - Kiếp Bạc, Đền Trần - Chùa Phổ Minh, Lam Kinh, Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Đền Phù Đổng, Chùa Dâu, Chùa Thầy, Đền Bà Triệu, Phố Hiến, Chùa Phật Tích, Chùa Vĩnh Nghiêm và Đền Trần Thương), 35 di tích còn lại là các di tích lịch sử (Đền Hùng, Khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch, Chiến trường Điện Biên Phủ, Dinh Độc Lập, Những địa điểm Khởi nghĩa Yên Thế, Nhà tù Côn Đảo, Khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Kim Liên, Khu lưu niệm Chủ tịch Tôn Đức Thắng tại Mỹ Hòa Hưng, Pác Bó, Tân Trào, An toàn khu (ATK) Định Hóa, Căn cứ Trung ương Cục miền Nam, Bạch Đằng, Khu lưu niệm Nguyễn Du, đường Trường Sơn -

đường Hồ Chí Minh, Đền Hai Bà Trưng, Đền Hát Môn, Khu di tích lịch sử nhà Trần tại Đông Triều, Rừng Trần Hưng Đạo, Đồi bờ Hiền Lương – Bến Hải, Thành cổ Quảng Trị và những địa điểm lưu niệm sự kiện 81 ngày đêm năm 1972, Chiến thắng Chương Thiện, Khu lăng mộ và đền thờ các vị vua triều Lý, Khu lăng mộ và đền thờ các vị vua triều Trần, Khu đền thờ Tây Sơn Một số di tích có giá trị vượt ra khỏi ranh giới quốc gia và đã được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới. Quần thể di tích cố đô Huế là một ví dụ tiêu biểu về kinh đô của Nhà nước phong kiến phương Đông. Hội An là một bằng chứng xác thực về sự hòa trộn các nền văn hóa tại một thương cảng quốc tế và đây còn là ví dụ điển hình về việc gìn giữ một thương cảng châu Á truyền thống. Thánh địa Mỹ Sơn là một ví dụ tiêu biểu về sự trao đổi văn hóa, sự thích ứng của xã hội bản địa với sự ảnh hưởng của văn hóa từ bên ngoài, nhất là nghệ thuật kiến trúc Hindu của Ấn Độ, minh chứng cho sự tồn tại của một nền văn hóa Chăm pa rực rỡ ở Đông Nam Á. Trung tâm Hoàng thành Thăng Long minh chứng cho sự tồn tại của một nền văn hóa lâu đời của người Việt trong sự giao thoa với văn hóa Trung Hoa và Champa ở Đồng bằng sông Hồng với một trung tâm quyền lực tồn tại suốt 10 thế kỉ. Thành nhà Hồ thể hiện sự phát triển cao độ về kiến trúc và công nghệ, là sự kết hợp hài hòa các yếu tố thiên nhiên với các yếu tố Đông Á, Đông Nam Á và các yếu tố Việt Nam theo nguyên tắc phong thủy. Bên cạnh các giá trị ngoại hạng về thẩm mỹ, về một giai đoạn phát triển địa chất địa mạo, Tràng An là một ví dụ tiêu biểu về một kiểu khai thác sử dụng đất phù hợp với môi trường thiên nhiên.

Những giá trị văn hóa, lịch sử, khảo cổ, kiến trúc nghệ thuật, tôn giáo, tín ngưỡng, nhất là khi nó mang tầm cỡ vùng, quốc gia, đặc biệt là tầm cỡ quốc tế đã làm cho các di tích này trở nên rất hấp dẫn khách du lịch trong và ngoài nước.

### 2.3.2.3 Lễ hội

Lễ hội có vai trò quan trọng trong việc thu hút khách du lịch. Có thể phân thành lễ hội truyền thống và lễ hội du nhập. Lễ hội truyền thống là một hình thức sinh hoạt văn hóa của cộng đồng có tính chu kỳ nhằm kỉ niệm một sự kiện văn hóa, lịch sử, tôn giáo hoặc chính trị. Lễ hội truyền thống mang những nét đặc sắc của văn hóa địa phương, văn hóa làng bản, đang được coi là một trong những cái gốc của văn hóa Việt Nam. Có những lễ hội mô phỏng, khái quát hóa cuộc sống của cộng đồng, có những lễ hội thể hiện niềm tin vào những điều tốt lành trong cuộc sống, có những lễ hội thể hiện sự tri ân của cộng đồng đối với những người có công dựng nước, giữ nước. Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, với hàng số văn hóa vốn có của mình là tính cởi mở, hội nhập và chất lọc tinh hoa của các nền văn hóa bên ngoài để làm giàu cho văn hóa Việt Nam, trong đời sống văn hóa của người Việt hôm nay đã có thêm nhiều lễ hội mới như Noel, Ngày lễ tình nhân, Lễ hội hóa trang, Lễ hội Camaval...

Thông qua lễ hội, khách du lịch nhận ra những nét riêng và chung hàm chứa nhiều nghi lễ tôn giáo đặc sắc, các hoạt động văn hóa dân gian. Chính lễ hội đã bảo lưu, nuôi dưỡng và phát triển nhiều truyền thống văn hóa cộng đồng làng xã. Nó cũng được coi là một trong những nguồn sữa mẹ của các loại hình nghệ thuật và đó chính là một trong những nguồn lực để xây dựng sản phẩm du lịch.

Ở Việt Nam có trên 8.000 lễ hội, trong đó trên 90% là lễ hội truyền thống và tôn giáo. Cũng như di tích lịch sử văn hóa, lễ hội, trong đó có lễ hội truyền thống có quy mô, tầm ảnh hưởng không như nhau. Có lễ hội diễn ra rất nhiều ngày như lễ hội chùa Hương, chùa Yên Tử, có lễ hội chỉ diễn ra trong một ngày, thậm chí chỉ trong một buổi. Có lễ hội diễn ra trên mọi miền đất nước, có lễ hội chỉ diễn ra trong phạm vi một tỉnh, một huyện, thậm chí ở một làng. Mặc dù vậy, sự hấp dẫn của lễ hội đối với khách du lịch không phụ thuộc vào quy mô lớn

hay bé. Dù ở tâm cỡ nào lễ hội cũng đem đến cho khách du lịch niềm tin vào cuộc sống. Lễ hội ở Việt Nam rất phong phú và đa dạng. Mỗi lễ hội như một viện bảo tàng sống động về văn hóa, mang đậm bản sắc của dân tộc với những lễ nghi tôn giáo, tín ngưỡng. Lễ hội phản ánh các thời kỳ lịch sử, văn hóa độc đáo, những tín ngưỡng, truyền thuyết huyền thoại, thần tích và tâm linh,... đặc sắc.

Lễ hội ở Việt Nam diễn ra quanh năm, song tập trung nhiều nhất là vào mùa Xuân. Đây là thời điểm của âm dương giao hoà, vạn vật sinh sôi nảy nở, là lúc việc nhà nông không còn quá bận rộn. Nhiều lễ hội diễn ra vào đầu xuân, là thời điểm bắt đầu một mùa làm ăn mới với nhiều hi vọng và khát khao mới. Đối với miền Bắc, đây là một điều hết sức quan trọng vì vào thời gian này, hầu như du lịch biển đang trong thời kì mùa chết, mọi hoạt động du lịch biển đều bị ngưng trệ. Chính lễ hội đã góp phần giảm được sức ép của tính mùa vụ do du lịch biển gây nên. Tính đến hết năm 2014, Việt Nam có 27 lễ hội được đưa vào danh mục Di sản Văn hóa Phi vật thể cấp Quốc gia. Ở miền núi phía Bắc có Lễ hội Khô già của người Hà Nhì đen ở Bát Xát, Lào Cai; Lễ hội Roóng pọc của người Giáy (Tả Van, Sa Pa, Lào Cai) và Lễ Pút tông của người Dao đỏ (Sa Pa, Lào Cai); Lễ hội Nhảy lửa của người Pà Thẻn (Hà Giang); Lễ hội Gầu Tào (Lào Cai, Hà Giang); Lễ hội Thổ Hà (Bắc Giang); Lễ hội chùa Vĩnh Nghiêm, xã Trí Yên, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang; Lễ hội Lồng Tồng của người Tày (Tuyên Quang); Lễ hội Lồng tồng Ba Bể, Bắc Kạn. Vùng du lịch Đồng bằng sông Hồng có Hội Gióng đền Phù Đổng và đền Sóc (Hà Nội); Hội Lim (Bắc Ninh); Hội làng Đồng Kỵ (Bắc Ninh); Lễ hội Kiếp Bạc (Hải Dương); Lễ hội Phủ Dầy, xã Kim Thái, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định; Lễ hội đền Trần Nam Định; Lễ hội Trường Yên, Ninh Bình; Lễ hội làng Lê Mật, Hà Nội. Duyên hải miền Trung có Lễ hội Rước cộ Bà chợ Đước (Quảng Nam); Lễ hội Cầu Ngư, Lễ hội Tháp Bà

(Ponagar) Nha Trang (Khánh Hòa); Lễ hội Ka Tô (Ninh Thuận). Tây Ninh có Lễ hội Kỳ Yên ở đình Gia Lộc; Thành phố Hồ Chí Minh có Lễ hội Nghinh Ông, huyện Cần Giờ. Các tỉnh miền Tây có Lễ hội miếu Bà Chúa Xứ núi Sam, An Giang, Đại lễ Kỳ Yên đình Tân Phước Tây - Long An, Lễ hội vía Bà Ngũ hành,...

#### 2.3.2.4 Làng nghề truyền thống

Việt Nam hiện có trên 2.000 làng nghề. Hầu hết các làng nghề truyền thống đều tập trung ở vùng châu thổ sông Hồng (Hà Nội, Bắc Ninh, Thái Bình, Nam Định,...). Một số khác rải rác ở các vùng cao và châu thổ miền Trung và miền Nam.

Ở Việt Nam có nhiều nghề thủ công truyền thống, tiêu biểu là một số nghề như gốm sứ, sơn mài, khảm trai, đúc đồng, chạm khắc đá, dệt, thêu, may, mây, tre cói...

Nghề gốm ở Việt Nam đã có từ lâu. Ở miền Bắc thì có gốm Bát Tràng (Hà Nội), gốm Đông Triều (Quảng Ninh), gốm Phù Lãng (Bắc Ninh), gốm Thổ Hà (Bắc Giang)... ở miền Nam có gốm Sài Gòn, gốm Bình Dương, gốm Biên Hoà (Đồng Nai)... Ngày nay sản phẩm gốm của Việt Nam rất phong phú, từ những vật nhỏ như lọ đựng tăm, gạt tàn thuốc lá... những sản phẩm cỡ trung bình như lọ hoa, tượng phật, thiếu nữ, bộ ấm trà, cà phê, bát, đĩa, chậu cảnh đến những sản phẩm cỡ lớn như lọ độc bình, đôn voi... Những màu men gốm được ưa chuộng là men ngọc, men da lươn, men vàng nhẹ, men chảy. Hoa tiết trên sản phẩm được gắn liền với những nét quen thuộc trong đời sống như chú bé thổi sáo ngồi trên mình trâu, cây đa cổng làng, mái chùa, hồ sen, thiếu nữ gảy đàn... Hàng gốm Việt Nam đã có mặt trên nhiều thị trường quốc tế. Nhắc đến những làng nghề truyền thống, ắt hẳn “Bát Tràng” là cái tên đầu tiên hiện lên trong tâm trí mọi người. Gốm Bát Tràng là tên gọi chung cho các loại đồ gốm được sản xuất tại làng gốm Bát Tràng thuộc xã Bát Tràng (gồm hai thôn Bát Tràng và Giang Cao thuộc huyện Gia Lâm, Hà Nội). Theo nghĩa Hán Việt, chữ Bát nghĩa là chén bát, đồ gốm và chữ

Tràng (hay Trường) là chỗ đất dành riêng cho chuyên môn. Nhờ kỹ thuật tạo lớp men và kỹ thuật lò nung chuẩn xác, các nghệ nhân ở đây đã tạo nên một loại sản phẩm gốm đặc biệt, hài hòa về bố cục, màu sắc thanh nhã cùng với sự tinh tế của con người - gốm Bát Tràng.

Cây tre, cây song và cây mây là đặc sản của xứ sở Việt Nam nhiệt đới. Ba loại cây này trở thành nguồn nguyên liệu vô tận của những người thợ thủ công làm hàng mây tre đan. Hàng mây tre đan Việt Nam đã có mặt ở Hội chợ Paris năm 1931. Đến nay, hơn 200 mặt hàng này đã đi khắp năm châu, được khách hàng ưa chuộng. Với bàn tay khéo léo của những người thợ, những thân cây tưởng như vô dụng đã trở thành những đĩa bày hoa quả, lồng hoa, bát hoa, làn, giỏ, khay, lọ hoa, chao đèn, bộ salon tủ sách... Làng nghề mây tre đan có mặt ở hầu khắp các tỉnh miền Bắc, tiêu biểu là ở Hà Nội như Phú Vinh, Yên Trường, Đông Vinh, Đồi Miếu, Yên Kiện, Đông Trữ, Thái Hòa, Nam Cường, Văn Khê, Yên Lữ, Thế Trụ...

Dệt chiếu là nghề khá đặc trưng cho các làng ven biển. Nổi tiếng nhất là Nga Sơn, Kim Sơn, Bàn Thạch, Lập Dương... Nói đến Thanh Hoá, không ai là không biết chiếu cói Nga Sơn, một sản phẩm nổi tiếng của vùng đất ven biển này, vật biểu trưng cho niềm hạnh phúc của những đôi lứa yêu nhau... Chiếc chiếu nổi tiếng đã được lưu truyền qua bao đời, bao thế hệ trên khắp mọi miền của đất nước. Nó đã đi vào ca dao, tục ngữ của người Việt Nam: “Chiếu Nga Sơn, gạch Bát Tràng Vải tơ Nam Định, lụa hàng Hà Đông”.

Theo lời các vị cao niên kể lại thì ngày xưa, chiếu cói Nga Sơn cùng chiếu cói của Kim Sơn (Ninh Bình) là một trong những vật cống tiến triều đình, được các bậc vua chúa, quý tộc ưa dùng. Cói Nga Sơn nổi tiếng là sợi nhỏ, dai, óng mượt. Điều đặc biệt ít có nơi nào có thể trồng được loại cói dài như ở vùng này, loại cói chuyên dùng để dệt nên những tấm chiếu vừa đẹp lại vừa bền. Trải qua hơn 150 năm tồn tại với

bao thặng trâm, giờ đây, người dân Nga Sơn không đơn thuần chỉ dệt chiếu cói, nhiều sản phẩm từ cói đã được đôi bàn tay tài hoa, khối óc giàu tính sáng tạo của những người thợ đã “nâng đời” trở thành những mặt hàng thủ công mỹ nghệ với những nét hoạ tiết, văn hoa khác nhau dành cho xuất khẩu. Những tấm thảm lót sàn, chiếu xe đan, làn, dép đi trong nhà, đồ dùng trang trí,... đã có mặt tại thị trường Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc.

Nghề đan lát thủ công từ bèo tây hay bèo lục bình cũng là nghề đặc trưng của miền sông nước, đặc biệt là ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long, ở miền Bắc nghề này phát triển ở Ninh Bình, Thái Bình, ở miền Nam nghề đan lục bình đặc biệt phát triển ở Hậu Giang, Kiên Giang. Đây được coi là một trong những nghề thủ công góp phần quan trọng vào việc xóa đói giảm nghèo cho người nông dân ở các miền sông nước.

Trên thế giới nhiều nước làm hàng sơn mài. Một số nước trồng được cây sơn, nhưng chỉ có cây sơn Việt Nam trồng ở đất Phú Thọ là có giá trị nhất. Nhựa cây sơn Phú Thọ tốt hơn hẳn nhựa sơn trồng ở nơi khác. Chính vì vậy, hàng sơn mài Việt Nam đã nổi tiếng đẹp lại bền. Thế kỷ thứ 18 ở Thăng Long (Hà Nội hiện nay) đã có phường Nam Ngư chuyên làm hàng sơn. Ban đầu sơn mài chỉ có bốn màu: đen, đỏ, vàng, nâu. Dần dần do khoa học kỹ thuật phát triển, bảng màu của sơn mài ngày càng phong phú, tạo cho sản phẩm sơn mài đẹp lộng lẫy và sâu thẳm. Ngày nay các mặt hàng sơn mài như tranh treo tường, lọ hoa, hộp đồ nữ trang, hộp đựng thuốc lá, khay, bàn cờ, bình phong... đã trở thành mặt hàng không thể thiếu trên thị trường trong nước và quốc tế.

Người thợ khảm dùng những mảnh có vân ngũ sắc vỏ trai, vỏ hến, ốc biển để khảm (gắn) lên các đồ vật. Công việc của thợ khảm khá tỉ mỉ và qua nhiều công đoạn; vẽ mẫu tranh, mài, cưa, đục mảnh, khảm (gắn) lên tranh rồi lại mài nhẵn và đánh bóng. Bức tranh khảm hiện lên trên mặt đồ vật với nhiều màu sắc lung linh. Từ chiếc hộp gỗ, cái khay, bàn

cờ, mặt bàn, thành ghế, cánh tủ, bình phong, tranh treo tường... bằng gỗ đều có thể khảm trai.

Từ những khối đá cẩm thạch, người thợ chạm khắc đá đã làm ra nhiều sản phẩm có giá trị như vòng đeo tay, gạt tàn thuốc lá, tượng Phật, tượng thiếu nữ, hoa lá và cây cảnh, các con vật đáng yêu như mèo, chim công... Nghề chạm khắc đá có ở nhiều nơi nhưng nổi tiếng là ở Đà Nẵng. Dưới chân núi Ngũ Hành Sơn (Đà Nẵng) là các làng Quan Khái, Hoà Khê, dân làng có nghề chạm khắc đá truyền thống.

Người thợ thêu Việt Nam rất khéo tay, họ biết cách hoà sắc hàng chục loại chỉ màu cho một bức thêu. Các loại hàng thêu rất đa dạng, mẫu thêu ngày càng phong phú: hoa sen, hoa cúc, rồng phượng, đôi chim tùng hạc, đôi chim uyên ương, phong cảnh, chân dung... Tùy theo ý nghĩa của từng đồ dùng mà người thợ thêu chọn mẫu. Có loại mẫu thêu dành cho áo sơ mi, có loại mẫu thêu dành cho áo gối, có loại để thêu áo Kimono, có loại để thêu khăn trải bàn, khăn phủ giường, tranh treo tường... Nghề thêu ren có từ lâu đời, ở nhiều địa phương nhưng có lẽ bắt nguồn từ làng Quất Động (Hà Tây). Trong danh mục các tên phố cổ của Hà Nội có tên phố Hàng Thêu chuyên bán các đồ thêu (nay là đoạn cuối phố Hàng Trống giáp với phố Lê Thái Tổ). Ngoài ra, hiện nay hệ thống cửa hàng tranh thêu lụa XQ cũng giúp du khách hiểu thêm và cảm nhận một phần về văn hóa Việt Nam và tài năng của những người thợ thêu.

Từ thế kỷ thứ 2, người Việt Nam đã biết dùng vàng bạc để làm đồ trang sức. Trong nghề kim hoàn có ba nghề khác nhau nhưng liên quan mật thiết với nhau. Nghề chạm: chạm, trổ những hình vẽ, hoa văn trên mặt đồ vàng, đồ bạc. Nghề đập: kéo vàng, bạc (sau khi đã nấu chảy) thành sợi dài rồi uốn ghép thành những hình hoa, lá, chim muông, gắn lên các đồ trang sức. Nghề trơn: chuyên đánh vàng, bạc thành những đồ trang sức mà không cần chạm trổ. Các mặt hàng từ vàng, bạc rất đa dạng: nhẫn, vòng, dây chuyền, hoa tai, bộ đồ ăn (dao,



phuộc -xét, thìa) bộ ly uống rượu, khung gương, hộp phấn, lược, chân cây nến... và đã được xuất khẩu đi nhiều nước. Nghề vàng được bắt nguồn từ làng Định Công (Hà Nội) và nghề bạc bắt nguồn từ làng Đồng Xâm (Thái Bình). Hà Nội ngày nay vẫn có phố Hàng Bạc, phố này từ xa xưa chuyên chế tác và mua bán vàng bạc. Ngày nay các cửa hiệu vàng bạc có ở khắp nơi trên đất nước.

Nghề làm đồ gỗ mỹ nghệ đã có ở Việt Nam từ lâu và đã đạt đến trình độ khá cao. Sau một thời gian mai một, từ đầu những năm 80, nghề làm đồ gỗ mỹ nghệ lại được phát triển mạnh mẽ vừa phục vụ nhu cầu trong nước, vừa để xuất khẩu. Các mặt hàng gỗ mỹ nghệ chủ yếu là tượng gỗ, bàn ghế, tủ, sập (giường)... Các công ty gỗ mỹ nghệ trong cả nước với đội ngũ nghệ nhân và thợ lành nghề đã tạo ra nhiều sản phẩm vừa có giá trị sử dụng, vừa có giá trị nghệ thuật.

#### 2.3.2.5. Phong tục tập quán

Phong tục là nếp sinh hoạt của cộng đồng được hình thành trong quá trình lịch sử và ổn định thành thói quen, được cộng đồng thừa nhận và tự giác thực hiện, được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, tạo nên tính tương đối thống nhất của cộng đồng. Tuy không mang tính bắt buộc chung, song nó cũng không tùy tiện, nhất thời như hoạt động sống hàng ngày. Mỗi cộng đồng, mỗi dân tộc có những phong tục, tập quán riêng và nó được coi là một bộ phận của văn hóa, có vai trò quan trọng trong việc hình thành truyền thống, của một dân tộc, địa phương, nó ảnh hưởng, thậm chí chế định nhiều ứng xử của cá nhân trong cộng đồng. Trong quá trình phát triển, những phong tục không còn phù hợp dần bị loại bỏ, những phong tục tốt dần được duy trì và phát huy. Khách du lịch bị hấp dẫn bởi những phong tục tập quán khác lạ với những gì họ đã từng biết. Do vậy đây cũng là một nguồn tài nguyên du lịch có giá trị cần khai thác.

Phong tục có thể của cả một dân tộc, một địa phương, một tầng lớp xã hội hay thậm chí của một dòng họ, gia tộc.

Phong tục là một bộ phận của văn hóa và có thể chia thành nhóm phong tục liên quan đến vòng đời của con người. Nhóm còn lại là các phong tục, tập quán liên quan tới hoạt động của con người theo chu kỳ thời tiết trong năm, và liên quan đến đời sống hàng ngày.

#### 2.3.2.6. Các tài nguyên văn hóa khác

##### \* Văn hóa ứng xử

Văn hóa ứng xử là thái độ, hành vi giao tiếp giữa con người với nhau, với cộng đồng xã hội và với môi trường thiên nhiên. Văn hóa ứng xử được hình thành, tồn tại và duy trì phát triển trong quá trình giao tiếp suốt chiều dài lịch sử của dân tộc trong công cuộc dựng nước và giữ nước.

##### \* Các đối tượng gắn với yếu tố dân tộc học

Việt Nam có 54 tộc người anh em, mỗi tộc người có những phong tục tập quán riêng, có đời sống văn hoá riêng tạo nên những yếu tố hấp dẫn khách du lịch. Có những phong tục có tính lễ nghi như phong tục tổ chức ma chay, cưới xin... đến những phong tục rất đời thường, tạo nên nét đẹp văn hoá của cộng đồng như nghệ thuật ẩm thực, truyền thống tôn trọng người cao tuổi v.v...

##### \* Các đối tượng văn hóa thể thao và hoạt động nhận thức

Các đối tượng văn hóa cũng thu hút khách du lịch đến với mục đích tham quan, nghiên cứu. Đó là những trung tâm của các viện khoa học, các trường đại học, các thư viện lớn và nổi tiếng, các thành phố có tổ chức các hoạt động triển lãm nghệ thuật, các trung tâm thường xuyên có tổ chức liên hoan âm nhạc, sân khấu, điện ảnh, các cuộc thi đấu thể thao, quốc tế, biểu diễn ba lê, các cuộc thi hoa hậu, thi giọng hát hay,...

Khách du lịch có trình độ văn hóa trung bình trở lên đều có thể thưởng thức các giá trị văn hóa của đất nước mà họ đến thăm. Do vậy tất cả những thành phố có các đối tượng văn hóa hoặc tổ chức những hoạt động văn hóa – thể thao đều được nhiều khách tới thăm và trở thành những trung tâm văn hóa. Bên cạnh đó, các hội trợ triển lãm thương mại,... để giới thiệu

về thành tựu kinh tế đất nước hoặc trong vùng đều có sự hấp dẫn đối với khách du lịch.

### **3. Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật.**

#### **3.1. Cơ sở hạ tầng**

Cơ sở hạ tầng là cơ sở thúc đẩy mọi hoạt động kinh tế - xã hội của đất nước. Đối với ngành du lịch, cơ sở hạ tầng là những yếu tố cơ bản nhằm khai thác hiệu quả các tiềm năng du lịch, nâng cao chất lượng các sản phẩm du lịch. Trong đó quan trọng nhất là hệ thống giao thông vận tải, thông tin liên lạc, hệ thống cấp, thoát nước cung cấp điện.

Việc phát triển giao thông, nhất là tăng cường phương tiện vận chuyển cho phép mau chóng khai thác nguồn tài nguyên du lịch mới. Chỉ có thông qua mạng lưới giao thông thuận tiện, nhanh chóng thì du lịch mới trở thành hiện tượng phổ biến trong xã hội.

Mỗi loại giao thông có những đặc điểm riêng biệt:

+ Giao thông bằng ô tô rất cơ động, tạo điều kiện cho khách du lịch dễ dàng đi theo lộ trình mình lựa chọn, nhưng chi phí tốn kém.

+ Giao thông bằng đường sắt rẻ tiền, tất cả mọi người đều có thể đi được nhưng chỉ theo tuyến đường có sẵn.

+ Giao thông bằng đường không rất nhanh, rút ngắn thời gian đi lại của khách nhưng rất tốn kém.

+ Giao thông bằng đường thủy mặc dù tốc độ chậm, nhưng lại đó thể kết hợp với việc tham quan, giải trí... dọc theo sông hoặc ven biển.

Giao thông là một bộ phận của cơ sở hạ tầng kinh tế, nhưng cũng có các phương tiện giao thông được sản xuất và sử dụng chuyên dụng phục vụ nhu cầu du lịch.

Thông tin liên lạc là một bộ phận trong cơ sở hạ tầng của hoạt động du lịch. Nó là điều kiện cần thiết để đảm bảo sự giao lưu cho khách du lịch trong nước và quốc tế. Nhu cầu thông tin liên lạc là những nhu cầu trao đổi các dòng tin tức

của xã hội, được thỏa mãn bằng nhiều loại hình thông tin khác nhau.

Trong cơ sở hạ tầng du lịch còn phải đề cập đến hệ thống các công trình cấp điện, nước. Các sản phẩm của nó phục vụ trực tiếp cho việc nghỉ ngơi giải trí của khách.

### **3.2. Cơ sở vật chất kỹ thuật.**

Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch đóng vai trò hết sức quan trọng trong quá trình tạo ra và thực hiện sản phẩm du lịch, cũng như quyết định mức độ khai thác tiềm năng du lịch nhằm thỏa mãn nhu cầu của khách du lịch.

Có thể hiểu cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch bao gồm toàn bộ các phương tiện vật chất tham gia vào việc tạo ra và thực hiện dịch vụ hàng hóa du lịch nhằm đáp ứng mọi nhu cầu của khách.

Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch và tài nguyên du lịch có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, sự kết hợp hài hòa giữa tài nguyên du lịch và cơ sở vật chất kỹ thuật giúp cho cơ sở phục vụ hoạt động có hiệu quả hơn, kéo dài thời gian sử dụng chúng trong năm.

Cơ sở vật chất – kỹ thuật du lịch bao gồm nhiều thành phần, mang những chức năng khác nhau và có ý nghĩa nhất định đối việc tạo ra, thực hiện sản phẩm du lịch. Việc đánh giá cơ sở vật chất – kỹ thuật du lịch được căn cứ vào ba loại tiêu chuẩn chủ yếu:

- Đảm bảo những điều kiện tốt nhất cho nghỉ ngơi du lịch
- Đạt hiệu quả kinh tế tối ưu trong quá trình xây dựng và khai thác cơ sở vật chất – kỹ thuật
- Thuận tiện cho việc đi lại của khách từ các nơi đến

## **4. Các nhân tố khác**

### **4.1. Dân cư và lao động**

Dân cư là lực lượng sản xuất quan trọng của xã hội. Cùng với hoạt động lao động, dân cư còn có nhu cầu nghỉ ngơi và du lịch. Số lượng dân số trong độ tuổi lao động và học sinh, sinh viên tăng lên sẽ tham gia vào các loại hình du lịch khác

nhau. Số lượng người lao động trong hoạt động sản xuất và dịch vụ ngày càng đông, gắn liền với kinh tế du lịch. Việc nắm vững số dân, thành phần dân tộc, đặc điểm nhân khẩu, cấu trúc, sự phân bố và mật độ dân cư có ý nghĩa rất lớn đối với sự phát triển du lịch. Nhu cầu du lịch của con người tùy thuộc vào đặc điểm xã hội, nhân khẩu của dân cư.

Cần phải nghiên cứu, phân tích kết cấu dân cư theo nghề nghiệp, lứa tuổi để xác định nhu cầu nghỉ ngơi, du lịch, vì vậy đây là nhân tố có tác dụng thúc đẩy du lịch phát triển.

Sự tập trung dân cư vào các thành phố, sự tăng dân số, tăng mật độ, độ dài của tuổi thọ, sự phát triển đô thị hóa... liên quan mật thiết tới sự phát triển du lịch.

#### **4.2. Sự phát triển nền sản xuất xã hội và các ngành kinh tế**

Sự phát triển của nền sản xuất xã hội có tầm quan trọng hàng đầu, làm xuất hiện nhu cầu du lịch và biến nhu cầu của con người thành hiện thực. Không thể nói tới nhu cầu hoặc hoạt động du lịch của xã hội nếu như lực lượng sản xuất xã hội còn ở trong tình trạng thấp kém.

Vai trò to lớn của nhân tố này được thể hiện ở nhiều khía cạnh quan trọng. Sự phát triển của nền sản xuất xã hội đẻ ra nhu cầu đi du lịch. Các nhu cầu thường nảy sinh trực tiếp từ sản xuất.

Nền sản xuất xã hội càng phát triển, thị trường nhu cầu của nhân dân càng lớn, chất lượng càng cao.

Ở những nước có nền kinh tế chậm phát triển, nói chung nhu cầu đi du lịch còn hạn chế. Ngược lại, nhu cầu đi du lịch ở các nước phát triển đa dạng.

Sự phát triển của nền sản xuất xã hội có tác dụng trước hết làm ra đời hoạt động du lịch, rồi sau đó đẩy nó phát triển với tốc độ nhanh hơn. Giữa nhu cầu hiện thực tồn tại một khoảng cách nhất định. Khoảng cách ấy phụ thuộc rất nhiều vào trình độ phát triển của nền sản xuất xã hội: trình độ càng cao, khoảng cách càng rút ngắn. Sự phát triển của du lịch cũng bị chi phối bởi sự phát triển của nền sản xuất xã hội. Để giải

quyết nhu cầu: ăn uống, đi lại, nghỉ ngơi du lịch của con người, tất yếu phải có. Những thứ thiết yếu nhất của du khách cần phải có là: hệ thống giao thông, khách sạn, nhà hàng... khó có thể trông cậy vào một nền kinh tế kém phát triển.

Nền sản xuất xã hội phát triển tạo điều kiện ra đời của nhiều nhân tố khác nhau như nhu cầu nghỉ ngơi, giải trí, mức sống, thu nhập, thời gian nhàn rỗi...

- Công nghiệp: tạo ra thu nhập cao cho người dân hơn nữa công nghiệp phát triển cao, sản xuất ra những vật liệu đa dạng để xây dựng nên các công trình du lịch và hàng tiêu dùng cho khách du lịch. Phát triển công nghiệp đồng nghĩa với việc con người trong các khu công nghiệp bị mệt mỏi, ô nhiễm và muốn tìm chỗ nghỉ ngơi, phục hồi sức khỏe ngoài nơi sinh sống và làm việc tạo điều kiện cho du lịch phát triển.

- Nông nghiệp: Cung ứng lương thực, thực phẩm cho du khách, các món ăn đặc sản tại những điểm du lịch mà khách tới.

- Mạng lưới giao thông: cũng là một trong những tiền đề để phát triển du lịch. Nhờ mạng lưới giao thông hoàn thiện mà du lịch phát triển với tốc độ nhanh.

#### **4.3. Nhu cầu nghỉ ngơi du lịch**

Sự phát triển của nền sản xuất xã hội có tầm quan trọng hàng đầu, làm xuất hiện nhu cầu du lịch và biến nhu cầu của con người thành hiện thực. Các nước có nền kinh tế chậm phát triển, nhìn chung nhu cầu về nghỉ ngơi, du lịch còn hạn chế. Ngược lại, nhu cầu nghỉ ngơi – du lịch ở các nước kinh tế phát triển rất đa dạng. Bên cạnh nhu cầu giải trí cuối tuần, hàng năm người dân còn có những nhu cầu nghỉ ngơi dài ngày ở vùng biển hay trên núi. Rõ ràng những nhu cầu này phải dựa trên cơ sở vững chắc của nền sản xuất xã hội.

Nhu cầu nghỉ ngơi – du lịch là một hệ thống và được thể hiện ở 3 mức độ: xã hội, nhóm người, cá nhân. Trong đó quan trọng hàng đầu là nhu cầu nghỉ ngơi xã hội. Nó được xác định như nhu cầu của toàn xã hội về phục hồi sức khỏe và khả năng

lao động, về sự phát triển toàn diện thể chất và tinh thần cho mỗi thành viên trong xã hội. Nhu cầu này quyết định cấu trúc của ngành du lịch và được phản ánh qua các hình thức tổ chức lãnh thổ của nó.

Nhu cầu nghỉ ngơi du lịch đặc trưng cho mọi giai đoạn phát triển của xã hội. Nó ra đời ở một trình độ nhất định của sự phát triển của lực lượng sản xuất, là tác động tổng hợp của quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa, tăng mật độ và sự tập trung dân cư vào các thành phố, kéo dài tuổi thọ... Song chỉ trong điều kiện cách mạng khoa học kỹ thuật nhu cầu mới trở thành hiện thực trên quy mô xã hội.

#### **4.4. Điều kiện sống.**

Điều kiện sống của nhân dân là nhân tố quan trọng để phát triển du lịch. Nó được hình thành nhờ việc tăng thu nhập thực tế và cải thiện điều kiện sinh hoạt, nâng cao khẩu phần ăn uống, phát triển đầy đủ mạng lưới y tế, văn hóa, giáo dục,...

Nhu cầu về du lịch là một loại nhu cầu nâng cao nên nó chỉ phát triển khi mức sống của con người đạt tới trình độ nhất định. Một trong những nhân tố then chốt là mức thu nhập thực tế của mọi người trong xã hội, ngoài ra các điều kiện sống khác liên tục được cải thiện như các phương tiện đi lại của cá nhân tăng lên cũng góp phần tăng tính cơ động của người dân trong quá trình nghỉ ngơi, giải trí.

Cùng với việc tăng mức thu nhập, các điều kiện sống khác liên tục được cải thiện. Các phương tiện đi lại cá nhân tăng lên góp phần phát triển rộng rãi hoạt động du lịch, tăng cường tính động cơ của người dân trong quá trình nghỉ ngơi giải trí.

#### **4.5. Thời gian rỗi**

Một trong những nhân tố quan trọng hình thành nên nhu cầu du lịch và phát triển du lịch là thời gian rỗi.

Thời gian rỗi là thời gian cần thiết cho con người để nâng cao học vấn, phát triển trí tuệ, hoàn thiện các chức năng xã hội, tiếp xúc với bạn bè, vui chơi giải trí,...

Số thời gian rỗi nhiều hay ít phụ thuộc vào năng suất lao động, đặc điểm của quan hệ sản xuất và của dân cư. Việc nâng cao năng suất lao động xã hội, một mặt phải cho phép có thêm thời gian rỗi, mặt khác đòi hỏi phải tăng thời gian này như một điều kiện cần thiết tái sản xuất giản đơn và tái sản xuất mở rộng sức lực và tinh thần của con người.

Độ dài bình thường của thời gian nhàn rỗi thay đổi phụ thuộc vào đặc điểm của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất

Nguồn quan trọng nhất làm tăng thời gian nhàn rỗi là giảm độ dài của tuần làm việc và giảm thời gian làm việc nội trợ.

#### **4.6. Nhân tố chính trị.**

Các sự kiện chính trị như chiến tranh, hòa bình hay hệ thống pháp luật của quốc gia liên quan đến du lịch là những điều kiện đặc biệt quan trọng có tác dụng thúc đẩy hay kìm hãm sự phát triển của du lịch trong nước và quốc tế. Du lịch chỉ có thể xuất hiện và phát triển trong điều kiện hòa bình và quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc. Ngược lại, chiến tranh sẽ ngăn cản các hoạt động du lịch, tạo nên tình trạng mất an ninh, đi lại khó khăn, phá hoại các công trình du lịch làm tổn hại đến môi trường tự nhiên.

### **Câu hỏi ôn tập và thảo luận chương 1**

Câu 1. Hãy trình bày khái niệm và phân tích đặc điểm của tài nguyên du lịch tự nhiên?

Câu 2. Hãy trình bày khái niệm và phân tích đặc điểm của tài nguyên du lịch văn hóa?

Câu 3. Hãy liệt kê các di sản thế giới có ở Việt Nam?

Câu 4. Cơ sở hạ tầng có ảnh hưởng như thế nào tới sự phát triển du lịch?

Câu 5. Cơ sở vật chất kỹ thuật có ảnh hưởng như thế nào tới sự phát triển du lịch?



## **Chương 2: TỔ CHỨC LÃNH THỔ DU LỊCH**

Giới thiệu:

### **Mục tiêu**

- *Về kiến thức:*

+ Trình bày được quan niệm về tổ chức lãnh thổ du lịch  
+ Phân tích được hệ thống phân vị trong phân vùng du lịch.

+ Trình bày được hệ thống chỉ tiêu trong phân vùng du lịch.

- *Về kỹ năng:*

Thực hiện được các phương pháp phân vùng trong du lịch.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*

+ Hình thành lòng yêu nghề và tinh thần hợp tác trong công việc.

+ Kích thích sự say mê nghiên cứu môn học về cả lý luận và thực tiễn

+ Có ý thức hình thành và trau dồi đạo đức nghề nghiệp.

### **Nội dung chính**

#### **1. Quan niệm về tổ chức lãnh thổ trong du lịch.**

Tổ chức lãnh thổ du lịch được hiểu là một hệ thống liên kết không gian của các đối tượng du lịch và các cơ sở phục vụ có liên quan dựa trên việc sử dụng tối ưu các nguồn tài nguyên du lịch (tự nhiên, nhân văn), kết cấu hạ tầng và các nhân tố khác nhằm đạt hiệu quả kinh tế - xã hội và môi trường cao nhất.

Là một dạng của tổ chức lãnh thổ xã hội, tổ chức lãnh thổ du lịch mang tính chất lịch sử. Cùng với sự phát triển của xã hội. Trước hết của sức sản xuất, đã dần dần xuất hiện các hình thức tổ chức lãnh thổ du lịch, thể tổng hợp lãnh thổ du lịch và vùng du lịch, trong đó hình thức cuối cùng có ý nghĩa hết sức quan trọng.

#### **2. Hệ thống phân vị trong phân vùng du lịch**

##### **2.1. Điểm du lịch**

- Điểm du lịch là cấp thấp nhất trong hệ thống phân vị. Về mặt lãnh thổ, điểm du lịch có quy mô nhỏ. Trên bản đồ, người ta thể hiện điểm du lịch là những điểm riêng biệt. Tuy nhiên,

trong thực tế dù quy mô rất nhỏ, điểm du lịch cũng chiếm một diện tích nhất định trong không gian.

- Điểm du lịch là nơi tập trung một loại tài nguyên nào đó hay một công trình riêng biệt phục vụ cho du lịch hoặc kết hợp cả hai ở quy mô nhỏ. Vì thế, điểm du lịch có thể phân thành hai loại: điểm tài nguyên và điểm chức năng.

- Thời gian lui lại của khách du lịch ở điểm du lịch tương đối ngắn vì sự hạn chế của đối tượng du lịch, trừ một vài trường hợp cụ thể.

- Các điểm du lịch thường nối với nhau bằng tuyến du lịch. Trong trường hợp cụ thể các tuyến du lịch có thể là tuyến nội vùng, hoặc các tuyến liên vùng.

## **2.2. Trung tâm du lịch**

- Đó là sự kết hợp lãnh thổ của các điểm du lịch cùng loại hay khác loại. Trên lãnh thổ của trung tâm du lịch tập trung rất nhiều điểm du lịch. Mặt khác, trung tâm du lịch gồm các điểm chức năng, được đặc trưng bởi sự gắn kết lãnh thổ về mặt kinh tế - kỹ thuật và tổ chức. Nó có khả năng thu hút khách du lịch rất lớn.

- Nguồn tài nguyên du lịch ở đây tương đối tập trung và được khai thác một cách cao độ. Có thể tài nguyên không thật đa dạng, song điều kiện cần thiết là phải tập trung và có khả năng lôi cuốn khách du lịch ở mức độ cao.

- Có cơ sở hạ tầng và CSVCKT tương đối phong phú đủ để đón, phục vụ và lưu khách lại trong thời gian dài.

- Trung tâm du lịch có khả năng tạo vùng du lịch. Về cơ bản, trung tâm du lịch là một hệ thống lãnh thổ du lịch đặc biệt, là hạt nhân của vùng du lịch. Chính nó đã tạo ra bộ khung để vùng du lịch hình thành và phát triển.

- Về phương diện lãnh thổ: Trung tâm du lịch có diện tích tương đương với diện tích của một tỉnh hay thành phố, trong đó bao gồm các điểm du lịch kết hợp với điểm dân cư và môi trường xung quanh.

### **2.3. Tiểu vùng du lịch**

- Tiểu vùng du lịch là một tập hợp các điểm du lịch và các trung tâm du lịch. Về quy mô, tiểu vùng du lịch là một vùng lãnh thổ bao trùm lãnh thổ của vài tỉnh. Tuy vậy, sự dao động về diện tích giữa các tiểu vùng cũng khá lớn.

- Tiểu vùng du lịch có nguồn tài nguyên du lịch tương đối phong phú về số lượng, đa dạng về chủng loại.

- Trong thực tế ở nước ta, có thể có hai loại hình tiểu vùng du lịch: tiểu vùng du lịch đã hình thành (tiểu vùng du lịch thực tế), tiểu vùng du lịch đang hình thành (tiểu vùng du lịch tiềm năng).

Giữa hai loại tiểu vùng du lịch có sự chênh lệch đáng kể về trình độ phát triển. Loại tiểu vùng du lịch thứ nhất tập trung nhiều tài nguyên và được khai thác mạnh. Loại tiểu vùng thứ hai có thể có tài nguyên, song vì những lý do nhất định, tiềm năng chưa có điều kiện để trở thành hiện thực.

### **2.4. Á vùng du lịch**

- Á vùng du lịch là tập hợp của các điểm du lịch, các trung tâm (nếu có) và các tiểu vùng du lịch thành một thể thống nhất với mức độ tổng hợp cao hơn, vai trò của cơ sở hạ tầng lớn hơn, các thông số hoạt động và lãnh thổ du lịch lớn hơn.

- Trong á vùng du lịch tài nguyên du lịch có nhiều. Ở chừng mực nhất định, chuyên môn hóa đã bắt đầu được thể hiện, mặc dù có thể chưa đậm nét. Sự hình thành và phát triển á vùng du lịch phụ thuộc rất nhiều yếu tố.

### **2.5. Vùng du lịch**

- Vùng du lịch là cấp cao nhất trong hệ thống phân vị. Đó là sự kết hợp lãnh thổ của các á vùng, tiểu vùng, trung tâm và điểm du lịch có những đặc trưng riêng về số lượng và chất lượng.

- Sự chuyên môn hóa trong vùng du lịch rất cao, nó chính là bản sắc của vùng, làm cho vùng này khác hẳn vùng kia.

- Các mối liên hệ nội, ngoại vùng rất đa dạng, dựa trên nguồn tài nguyên, cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất – kỹ thuật sẵn có của vùng.

- Về lãnh thổ: vùng du lịch có diện tích rất lớn, bao gồm nhiều tỉnh. Ngoài ra, với hoạt động du lịch mạnh mẽ, nó bao chiếm cả các khu vực không du lịch, nhưng có mối liên hệ chặt chẽ với kinh tế du lịch.

- Cũng như các tiểu vùng, người ta phân chia thành vùng du lịch đang hình thành và vùng du lịch đã hình thành.

### **3. Hệ thống chỉ tiêu trong phân vùng du lịch**

Hệ thống chỉ tiêu phân vùng bao gồm 3 loại chỉ tiêu chính:

1) Số lượng, chất lượng tài nguyên và sự kết hợp các dạng tài nguyên theo lãnh thổ; 2) Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất - kỹ thuật; 3) Trung tâm tạo vùng.

#### ***3.1. Số lượng, chất lượng tài nguyên và sự kết hợp của chúng theo lãnh thổ***

Du lịch là một trong những ngành có sự định hướng tài nguyên rõ rệt. Tài nguyên du lịch ảnh hưởng trực tiếp đến việc tổ chức lãnh thổ du lịch, đến việc hình thành chuyên môn hóa các vùng du lịch và hiệu quả kinh tế của hoạt động du lịch. Do vị trí đặc biệt quan trọng của nó, tài nguyên du lịch được tách ra thành một phân hệ riêng biệt trong hệ thống lãnh thổ du lịch.

Về thực chất, tài nguyên du lịch là các điều kiện tự nhiên, các đối tượng văn hóa - lịch sử đã bị biến đổi ở mức độ nhất định dưới ảnh hưởng của nhu cầu xã hội và khả năng phục vụ trực tiếp vào mục đích du lịch. Xét về cơ cấu có thể chia tài nguyên du lịch làm hai bộ phận cấu thành: tự nhiên và nhân tạo.

Như một yếu tố tạo vùng, tài nguyên du lịch tác động không chỉ tới sự hình thành và phát triển, mà còn đến cả cấu trúc chuyên môn hóa của vùng. Khối lượng nguồn tài nguyên rất cần thiết để xác định quy mô hoạt động của vùng. Thời gian có thể khai thác quyết định tính mùa, tính nhịp điệu của dòng khách du lịch. Sức hấp dẫn của vùng du lịch phụ thuộc nhiều vào tài nguyên du lịch.

Trên cơ sở tác động tổng hợp của tài nguyên tự nhiên (khí hậu, địa hình, thực động vật, nguồn nước) đã xuất hiện các kiểu tổ hợp du lịch: tổ hợp du lịch ven biển, tổ hợp du lịch núi,

tổ hợp du lịch đồng bằng - đồi. Tài nguyên nhân tạo có nhiều nét khác với tài nguyên tự nhiên. Trước hết, tài nguyên du lịch nhân tạo có tác dụng nhận thức hơn tác dụng giải trí. Việc tham quan các đối tượng nhân tạo thường diễn ra trong khoảng thời gian ngắn. Trong phạm vi một chuyến du lịch, người ta có thể hiểu rõ nhiều đối tượng. Từ đó, loại hình du lịch nhận thức theo lộ trình (tuyến) là thích hợp với khách du lịch. Thứ hai, về phương diện khách du lịch, những người du lịch quan tâm đến tài nguyên nhân tạo thường có trình độ học vấn, thẩm mỹ cao với sở thích rất đa dạng. Thứ ba, tài nguyên nhân tạo thường tập trung ở các điểm dân cư và thành phố lớn, nơi có cơ sở hạ tầng tốt hơn. Ngoài ra, đại bộ phận tài nguyên nhân tạo không mang tính mùa, ít bị phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên. Tác động của tài nguyên nhân tạo đến khách du lịch theo từng giai đoạn: thông tin, tiếp xúc, nhận thức, đánh giá, nhận xét.

- Khi đề cập tới chỉ tiêu về tài nguyên, trước hết cần xem xét về mặt số lượng tài nguyên vốn có. Tất nhiên, việc xác định số lượng tài nguyên có tính chất tương đối. Nó phụ thuộc vào trình độ phát triển lực lượng sản xuất. Ví dụ, có thể có tài nguyên ở nơi xa xôi (nhất là tài nguyên tự nhiên). Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất - kỹ thuật ở đó quá thấp kém. Vì vậy, tài nguyên này được sử dụng hạn chế. Khi "kiểm kê", rõ ràng phải tính đến, nhưng thực tế giá trị sử dụng thấp. Hơn nữa, nếu chỉ tính số lượng đơn thuần nhiều khi không phản ánh hết được thực tế khách quan, ví dụ số lượng tài nguyên tự nhiên và tài nguyên văn hóa có sự khác nhau rất lớn.

- Chất lượng tài nguyên du lịch có tác dụng tạo vùng rất lớn. Trong nhiều trường hợp, số lượng và chất lượng tài nguyên không phù hợp với nhau. ở một lãnh thổ có thể có rất nhiều tài nguyên, nhưng giá trị của chúng rất kém. Ngược lại, ở lãnh thổ khác tuy ít tài nguyên, song giá trị sử dụng lại cao. Các loại tài nguyên chỉ phát huy tác dụng hấp dẫn khách du lịch khi có chất lượng cao (với điều kiện các yếu tố khác như nhau).

- Ngay đối với từng loại tài nguyên, không phải bất cứ đặc điểm nào của nó cũng đều có ý nghĩa đối với du lịch. Thông thường chỉ có một số đặc điểm nhất định tham gia vào quá trình tạo vùng. Thí dụ, vịnh tư cách là tài nguyên, không phải tất cả các dạng địa hình đều có giá trị du lịch. Tính đa dạng của địa hình có sức thu hút khách rất cao, trong khi do địa hình đơn điệu ít hấp dẫn du khách. Địa hình núi lồi cuốn khách du lịch hơn địa hình đồng bằng, bởi vì khung cảnh núi non đa dạng, đẹp, không khí sạch sẽ, mát nó thích hợp cho hoạt động nghỉ ngơi, giải trí v.v... Tất cả những điều trên ít nhiều liên quan tới chất lượng tài nguyên.

- Mức độ kết hợp các loại tài nguyên trên lãnh thổ có ý nghĩa đặc biệt trong việc tạo vùng. Vai trò tạo vùng của tài nguyên du lịch không chỉ dừng lại ở số lượng và chất lượng, mà còn ở sự kết hợp các loại tài nguyên. Mức độ kết nạp tài nguyên càng phong phú, sức thu hút khách du lịch càng mạnh, tác dụng vùng của nó càng cao.

### ***3.2. Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ du lịch***

Nếu như tài nguyên là một trong những yếu tố cơ sở để tạo nên vùng du lịch thì cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất - kỹ thuật tạo điều kiện biến những tiềm năng của tài nguyên trở thành hiện thực. Giữa hai chi tiêu này có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, bổ sung và hỗ trợ cho nhau. Không có cơ sở hạ tầng và nhất là cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ du lịch, tài nguyên vẫn mãi mãi nằm im dưới dạng tiềm năng. Ngược lại, nếu thiếu tài nguyên sẽ chẳng khi nào có cơ sở vật chất - kỹ thuật cho du lịch. Vì thế, giáo sư người Đức Hunziker mới phân biệt 3 nhóm yếu tố: nhóm tạo nên sức hấp dẫn du lịch (các loại tài nguyên du lịch); nhóm đảm bảo việc đi lại, tham quan du lịch của khách (chủ yếu là giao thông) và nhóm đảm bảo việc lưu lại của khách (cơ sở vật chất - kỹ thuật).

- Cơ sở hạ tầng nói chung có vai trò đặc biệt đối với việc hình thành và phát triển vùng du lịch. Trong cơ sở hạ tầng, nổi lên hàng đầu là mạng lưới và phương tiện giao thông.

Du lịch gắn liền với việc di chuyển của con người trên một khoảng cách nhất định. Nó phụ thuộc rất nhiều vào giao thông (mạng lưới đường sá và phương tiện vận chuyển). Một đối tượng có sức hấp dẫn cao đối với khách du lịch, nhưng vẫn chưa thể khai thác được khi thiếu giao thông. Việc phát triển giao thông, đặc biệt là tăng nhanh phương tiện vận chuyển (công cộng và cá nhân) cho phép mau chóng khai thác các nguồn tài nguyên du lịch mới.

Mỗi loại giao thông có những đặc điểm riêng, có ưu nhược điểm riêng, nhưng đều nhằm mục đích phục vụ cho việc đi lại của khách. Trong một số trường hợp, các phương tiện giao thông du lịch được sản xuất và chuyên dùng trong du lịch. Nó được trở thành một bộ phận riêng tách ra từ cơ sở hạ tầng.

- Để đảm bảo cho vùng du lịch hoạt động bình thường, phải có hệ thống cơ sở vật chất - kỹ thuật cần thiết như các khách sạn, nhà hàng, camping, cửa hiệu, nơi vui chơi giải trí... Khu trung tâm của nó chủ yếu là các phương tiện phục vụ cho việc ăn ngủ của khách du lịch. Các công trình kỹ thuật đảm bảo cho hoạt động du lịch được coi như cơ sở hạ tầng du lịch. Việc đánh giá cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ du lịch dựa trên 3 loại tiêu chuẩn chủ yếu sau đây: 1) Đảm bảo những điều kiện tốt nhất cho việc nghỉ ngơi du lịch; 2) Đạt hiệu quả kinh tế cao nhất trong quá trình xây dựng và khai thác, sử dụng các công trình kỹ thuật; 3) Thuận tiện cho việc thu hút khách từ các nơi tới.

- Cần phải xem xét, đánh giá số lượng, chất lượng của cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch. Với tư cách là một chỉ tiêu phân vùng du lịch, việc nghiên cứu không chỉ dừng ở mức đánh giá hiện trạng (mặc dù rất quan trọng, là cứ liệu để phân vùng), mà còn thấy trước được sự phát triển tương lai của vùng để đáp ứng kịp thời nhu cầu du lịch. Ngoài ra, cần phải chú ý tới đội ngũ cán bộ nhân viên du lịch, tuy về mặt lý luận, đội ngũ cán bộ không thể xếp vào cơ sở vật chất -

kỹ thuật. Đây cũng là một yếu tố có tác dụng nhất định trong việc hình thành và phát triển vùng du lịch.

### **3.3. Trung tâm tạo vùng**

- Mỗi vùng du lịch ít nhất phải có một trung tâm tạo vùng. Một lãnh thổ có thể còn nhiều tài nguyên du lịch, song nếu thiếu sức hút của một trung tâm tạo vùng thì lãnh thổ ấy không có khả năng lôi kéo quanh mình các lãnh thổ lân cận để tạo thành một vùng du lịch. Vì thế, có thể coi trung tâm tạo vùng là một trong những chỉ tiêu để phân vùng du lịch.

- Tất nhiên, các chỉ tiêu: tài nguyên - cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất - kỹ thuật - trung tâm tạo vùng có liên quan chặt chẽ với nhau. Song cần thấy rằng, một lãnh thổ có tài nguyên và cơ sở vật chất - kỹ thuật, nhưng chưa chắc đã trở thành trung tâm tạo vùng. Ngược lại, một trung tâm tạo vùng chắc chắn có tài nguyên được sử dụng triệt để và một mạng lưới cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất - kỹ thuật tốt.

- Trung tâm tạo vùng phải có nguồn tài nguyên phong phú, được sử dụng ở mức rất cao và có cơ sở hạ tầng cũng như cơ sở vật chất - kỹ thuật tương ứng để thỏa mãn nhu cầu của đông đảo khách du lịch. Các tiền đề ấy trở thành điều kiện thuận lợi cho việc hình thành trung tâm. Hơn thế nữa, trung tâm tạo vùng phải có sức hút mạnh mẽ các lãnh thổ xung quanh. Sức hút ấy dè dặt còn tùy thuộc vào quy mô và sức mạnh của trung tâm. Trung tâm tạo vùng càng lớn, sức hút của nó càng mạnh.

- Về nguyên tắc, có thể phân biệt hai loại trung tâm tạo vùng: trung tâm tạo vùng quy mô toàn quốc (tạo nên các vùng du lịch) và trung tâm tạo vùng quy mô địa phương (tạo nên các á vùng, tiểu vùng). Những trung tâm lớn nhất thường có sức hút mạnh và tạo nên các vùng du lịch. Thí dụ, Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh... là hai trung tâm tạo vùng lớn nhất nước ta có vai trò lớn trong việc hình thành hai vùng du lịch. Các trung tâm nhỏ hơn tạo nên các vùng ở cấp thấp hơn.

- Ý nghĩa đặc biệt (đôi khi quyết định) của trung tâm tạo vùng được thể hiện rõ nét trong quá trình xác định ranh giới



các vùng du lịch. Nhiều người cho rằng, ranh giới của vùng được xác định ở nơi mà sức hút của trung tâm tạo vùng vừa mới chấm dứt. Lãnh thổ càng gần trung tâm tạo vùng càng bị hút mạnh. Ngược lại, càng xa trung tâm, sức hút càng yếu đi. Tới một khoảng cách nào đó, sức hút của trung tâm yếu dần và chấm dứt. Đó là ranh giới của vùng du lịch. Vượt quá ranh giới này là lãnh thổ của vùng du lịch khác với trung tâm tạo vùng khác.

Trong một vài trường hợp, khi các chỉ tiêu khác nhau, việc sắp xếp một lãnh thổ nào đó vào vùng du lịch này hay vào vùng du lịch kia là do sức hút của trung tâm tạo vùng quyết định.

#### **4. Phương pháp phân vùng du lịch**

##### **4.1. Các phương pháp chung.**

###### *4.1.1. Phương pháp tiếp cận hệ thống và phân tích hệ thống.*

Hệ thống lãnh thổ du lịch có đặc điểm tổng hợp với tính đa dạng và phức tạp của mối liên hệ, của các chức năng xã hội, điều kiện và yếu tố phát triển, của các hình thức tổ chức theo lãnh thổ. Để nghiên cứu có kết quả, phương pháp tiếp cận hệ thống và phân tích hệ thống cần được sử dụng vào phân vùng du lịch.

Sử dụng phương pháp tiếp cận hệ thống cho phép xác định được hệ thống lãnh thổ du lịch và các mô hình của nó với ba mức độ khai thác khác nhau

- Tìm kiếm và nêu lên các mô hình của đối tượng nghiên cứu.
- Thu thập và phân tích thông tin ban đầu, vạch ra các chỉ tiêu kinh tế - xã hội.
- Xác định cấu trúc tối ưu của hệ thống lãnh thổ du lịch với các hàm mục tiêu.

###### *4.1.2. Phương pháp phân tích toán học.*

Phương pháp phân tích toán học có hiệu quả rõ rệt cho nghiên cứu phân vùng du lịch. Phương pháp phân tích tương quan nhằm xác định tổng hợp các nhân tố và ảnh hưởng của chúng đến việc hình thành hệ thống lãnh thổ du lịch. Trong khi đó, muốn phân tích cấu trúc, đánh giá môi trường nghi

ngơi du lịch, xác định chất lượng dịch vụ, tính động lực, tính toàn vẹn, tính thích hợp của hệ thống phải nhờ sự hỗ trợ của phương pháp phân tích cấu trúc và phân tích nhân tố.

#### ***4.1.3. Phương pháp cân đối***

Là phương pháp tính toán nhằm phân tích, lập kế hoạch và dự báo sự phát triển của hệ thống lãnh thổ du lịch có chú ý tới khối lượng, cơ cấu nhu cầu tài nguyên và sức chứa của hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch.

#### ***4.1.4. Phương pháp bản đồ.***

Phương pháp này không chỉ phản ánh những đặc điểm của không gian về nguồn tài nguyên, các luồng khách cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch hoặc các thuộc tính riêng của hệ thống lãnh thổ du lịch. Mà còn là một trong những cơ sở để thu hút lượng thông tin mới và vạch ra tính quy luật hoạt động của cả hệ thống.

### ***4.2. Phương pháp xác định ranh giới vùng du lịch.***

#### ***4.2.1. Quan niệm về ranh giới vùng.***

Trong phân vùng du lịch, người ta thường đưa ra một số nguyên tắc nhất định. Một trong những nguyên tắc chủ yếu được trình bày ở đây là nguyên tắc hành chính. Phân vùng du lịch là phân ngành. Giống như các kiểu phân vùng ngành khác, ranh giới các vùng du lịch được xác định theo ranh giới hành chính.

Ngoài ra, ranh giới các vùng du lịch còn được hiểu là một dải, mặc dù nó được phân tích theo ranh giới hành chính.

#### ***4.2.2. Các bước và phương pháp tiến hành***

Bước 1. Xác định sự phân hóa lãnh thổ dựa theo nguồn tài nguyên du lịch.

Bước 2. Xác định sự phân hóa lãnh thổ dựa vào cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch.

Bước 3. Xác định các trung tâm tạo vùng và sức hút của chúng.

Bước 4. Xác định ranh giới của các vùng du lịch trên cơ sở tổng hợp các bước kể trên.

## **Câu hỏi ôn tập và thảo luận chương 2**

Câu 1. Thế nào là tổ chức lãnh thổ du lịch?

Câu 2. Trình bày hệ thống phân vị trong phân vùng du lịch?

Câu 3. Trình bày hệ thống chỉ tiêu trong phân vùng du lịch?

Câu 4. Phân tích các phương pháp phân vùng du lịch.

Câu 5. Văn Miếu Quốc Tử Giám, Suối Tiên, Cửa Lò có phải là điểm du lịch không? Tại sao?

## **Chương 3: CÁC VÙNG DU LỊCH VIỆT NAM**

Giới thiệu:

### **Mục tiêu**

- *Về kiến thức:*

- + Trình bày được các vùng du lịch ở Việt Nam.
- + Phân tích được các đặc điểm của mỗi vùng về tài nguyên, các sản phẩm du lịch đặc trưng và các khu du lịch tiêu biểu.

- *Về kỹ năng:*

- + Thực hiện giới thiệu được các vùng du lịch của Việt Nam về tài nguyên, các sản phẩm du lịch đặc trưng và các khu du lịch tiêu biểu của từng vùng miền.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*

- + Hình thành lòng yêu nghề và tinh thần hợp tác trong công việc.
- + Kích thích sự say mê nghiên cứu môn học về cả lý luận và thực tiễn
- + Có ý thức hình thành và trau dồi đạo đức nghề nghiệp.

### **Nội dung chính**

#### **1. Vùng du lịch Trung du, miền núi phía Bắc**

##### ***1.1. Khái quát vùng du lịch Trung du, miền núi phía Bắc***

Bao gồm 14 tỉnh: Hòa Bình, Sơn La, Điện Biên, Lai Châu, Yên Bái, Phú Thọ, Lào Cai, Tuyên Quang, Hà Giang, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Cao Bằng, Lạng Sơn và Bắc Giang gắn với các hành lang kinh tế (hai hành lang, một vành đai) và các cửa khẩu quan trọng với Trung Quốc và CHDCND Lào.

Vùng có 1.240 km đường biên giới với Trung Quốc và 610 km biên giới với Lào cùng hệ thống cửa khẩu quan trọng như Pa Háng (Sơn La), Tây Trang (Điện Biên), Ma Lù Thàng (Lai Châu), Lào Cai (Lào Cai), Thanh Thủy (Hà Giang), Tà Lùng (Cao Bằng), Hữu Nghị (Lạng Sơn).

Vùng trung du và miền núi phía Bắc có 39 tộc người cùng chung sống. Ngoài người Kinh, đây là quê hương chủ yếu của người Tày, Nùng, Thái, Mường, Dao...

Do tuân theo quan điểm hệ thống nên việc phân vùng du lịch cũng phải phù hợp với vùng kinh tế - xã hội như nghị định 92. Tuy nhiên, do vùng này có diện tích quá lớn, gần bằng 1/3 diện tích cả nước và đặc biệt trong vùng này có sự phân hóa khá rõ rệt về mặt tự nhiên cũng như văn hóa.

### *1.1.1 Địa hình*

Vùng du lịch Trung du và miền núi phía Bắc bao gồm các tỉnh: Hòa Bình, Sơn La, Điện Biên, Lai Châu, Yên Bái, Phú Thọ, Lào Cai, Tuyên Quang, Hà Giang, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Cao Bằng, Lạng Sơn và Bắc Giang. Đây là vùng có diện tích lớn nhất cả nước với 95.434 km<sup>2</sup> (bằng gần 30% tổng diện tích cả nước) và gần 12 triệu dân. Theo nhiều nhà địa lý, tiêu biểu là Lê Bá Thảo (1990, 1998), Vũ Tự Lập (2003) đều phân biệt Tây Bắc và Đông Bắc thành hai vùng tách biệt. Lê Bá Thảo (1998) khẳng định vùng Đông Bắc và Tây Bắc “trong thực tế nó gồm hai thực thể địa lý”.

Theo Quy hoạch tổng thể Phát triển Du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030, vùng trung du, miền núi phía Bắc bao gồm các tỉnh Hòa Bình, Sơn La, Điện Biên, Lai Châu, Yên Bái, Phú Thọ, Lào Cai, Tuyên Quang, Hà Giang, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Cao Bằng, Lạng Sơn và Bắc Giang gắn với các hành lang kinh tế và các cửa khẩu quan trọng với Trung Quốc và Thượng Lào.

Vùng có 1.240km đường biên giới với Trung Quốc và 610km biên giới với Lào cùng hệ thống cửa khẩu quan trọng như Pa Háng (Sơn La), Tây Trang (Điện Biên), Ma Lù Thàng (Lai Châu), Lào Cai (Lào Cai), Thanh Thủy (Hà Giang), Tà Lùng (Cao Bằng), Hữu Nghị (Lạng Sơn).

Vùng trung du và miền núi phía Bắc có 39 tộc người cùng chung sống. Ngoài người Kinh, đây là quê hương chủ yếu của người Tày, Nùng, Thái, Mường, Dao...

### *1.1.2 Khí hậu*

Nhiệt độ trung bình năm của vùng từ 21 - 24<sup>0</sup>C, tổng bức xạ nhiệt 130kcal/cm<sup>2</sup>. Số giờ nắng 1.500 - 1.700 giờ/năm, độ

ẩm 80%, lượng mưa trung bình 1.500 - 2.000mm, có mùa đông lạnh. Vùng có khí hậu không ổn định, nhiều thiên tai, tuy nhiên, nhìn chung thích hợp cho phát triển du lịch.

#### *1.1.3. Hệ thống giao thông:*

- Đường bộ: Vùng có các quốc lộ nối với Thủ đô Hà Nội, với Lào, Trung Quốc và nối khu vực phía Đông và Tây của vùng, đó là: QL1, QL2, QL3, QL6, QL70, QL279, QL4 (A,B,C,D), QL12...Đường Hồ Chí Minh từ Pắc Bó (Cao Bằng) qua Bắc Cạn, Tuyên Quang, Phú Thọ nối với thủ đô Hà Nội và các tỉnh phía Nam.

- Đường sắt: Vùng có hai tuyến liên vận quốc tế từ Hà Nội là Hà Nội – Lào Cai - Côn Minh (Trung Quốc) và Hà Nội - Đồng Đăng - Nam Ninh (Trung Quốc)

- Đường không: Vùng có các sân bay nội địa Điện Biên Phủ (Điện Biên), Nà Sản (Sơn La), sân bay Lào Cai và trong tương lai sẽ phát triển thêm sân bay ở Lai Châu.

- Đường sông: Là đầu nguồn của các sông lớn như: sông Đà, sông Hồng, sông Lô, sông Chảy, sông Cầu, sông Kỳ Cùng.v.v....

Sự phát triển vùng gắn liền với hợp tác phát triển hai hành lang một vành đai giữa Việt Nam và Trung Quốc (Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng... và hành lang Nam Ninh - Lạng Sơn - Quảng Ninh - Hải Phòng), với hợp tác tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng (GMS).

#### *1.1.4. Hệ thống đô thị:*

Vùng có các thành phố đô thị loại 1 (Thái Nguyên), loại 3 (Hòa Bình, Sơn La, Điện Biên Phủ, Yên Bái, Lào Cai, Lạng Sơn, Bắc Giang, Cao Bằng) và các thị xã tỉnh lỵ (Lai Châu, Bắc Kạn).

#### *1.1.5. Cửa khẩu biên giới và khu kinh tế cửa khẩu:*

Đồng Đăng (Lạng Sơn), Tà Lùng (Cao Bằng), Thanh Thủy (Hà Giang), Lào Cai (Lào Cai), Ma Lù Thàng (Lai Châu), Tây Trang (Điện Biên), Pa Háng (Sơn La).

## ***1.2. Tài nguyên du lịch***

### ***1.2.1 Tự nhiên***

Nổi bật là hệ sinh thái núi cao gắn với dãy Hoàng Liên Sơn phía Tây Bắc, hang động gắn với hệ sinh thái karst ở Đông Bắc và hệ sinh thái vùng trung du khu vực trung tâm.

Nếu đồng bằng có phong cảnh đơn điệu thì ngược lại, trung du và đặc biệt là miền núi có nhiều phong cảnh ngoạn mục, rất hấp dẫn khách du lịch, đặc biệt là khách ưa khám phá. Miền núi Đông Bắc là nơi tập trung nhiều đá vôi, là yếu tố quan trọng để hình thành các kiểu địa hình do quá trình karst tạo ra như hang động, thạch nhũ, măng đá, cột đá,... Một địa hình karst tiêu biểu là Cao nguyên đá Đồng Văn ở Hà Giang. Với khoảng 50 - 60% diện tích bề mặt cao nguyên là đá vôi, được tạo thành từ những điều kiện môi trường và trong các giai đoạn phát triển rất khác nhau, Cao nguyên đá Đồng Văn như một bảo tàng địa chất lớn ở ngoài trời minh họa cho nhiều quá trình địa chất, địa mạo đã xảy ra trong quá khứ. Đó là những thung lũng đứt gãy ở các khu vực Quản Bạ, Lao Chải, Phó Bảng - Khâu Vai, Sủng Là, Lũng Cú - Ma Lé, dọc sông Nho Quế, sông Nhiệm, Lũng Táo - Tu Sản, là hẻm vực Khe Lý A, hẻm vực Sông Miện, hẻm vực Nậm Lang...; hay hẻm vực Tu Sản trên sông Nho Quế với vách đá vôi dựng đứng cao khoảng 700m rất hiếm gặp trên thế giới; là địa hình cuesta - ở các khu vực Bản Chang, Mậu Duệ, Lũng Cú, Đồng Văn... các bề mặt san bằng ở nhiều độ cao khác nhau có mặt ở nhiều nơi là rừng đá và hoang mạc đá ở Lũng Táo, Sảng Túng, Khâu Vai, Quản Bạ, Lũng Cú...; các chóp núi đá vôi với nhiều hình dạng khác nhau, các thác nước ở Quản Bạ, Mèo Vạc... các vách núi phẳng và dốc đứng dạng tam giác cân và tam giác lệch ở Du Già, Lao Và Chải, Sủng Là, Mã Pì Lèng... các hố sụt cỡ trong đá vôi ở các cánh đồng Thèn Pả, Bản Chang, Sảng Túng... là di tích đáy sông cổ ở Mèo Vạc... Chính vì vậy mà Cao nguyên đá Đồng Văn đã được trở thành thành viên của Mạng lưới công viên Địa chất toàn cầu (GGN).

Là kiểu địa hình phát triển ở hầu hết các dải đá vôi. Đó là những luống đá sắc nhọn hoặc dạng mũi giáo xen lẫn những rãnh sâu có kích thước từ vài centimet đến vài mét, được hình thành do quá trình hòa tan, ăn mòn và xói mòn đá carbonat, phần lớn theo các khe nứt có sẵn trong đá.

Một dạng đồi hay sườn núi với một bên có độ dốc nhỏ và một bên có độ dốc lớn bất cân xứng. Thông thường đó là do một lớp đá trầm tích cứng hơn nằm đè lên một lớp mềm tạo ra.

Travertine là một dạng kết tủa đá vôi từ suối khoáng, đặc biệt là suối nước nóng. Travertine thường có một hình dạng sợi hoặc đồng tâm và có dạng màu trắng, nâu, màu kem, thậm chí giống màu gỉ sắt. Nó được hình thành bởi quá trình kết tủa nhanh chóng của cacbonat canxi, thường là ở miệng suối nước nóng hoặc trong hang động đá vôi, lâu dần nó có thể hình thành nhũ đá, măng đá.

### *1.2.2. Văn hóa*

Nếu như người Kinh, người Hoa, người Bồ Y, người Dao, người Giáy, người Khơ Mú, người La Chí, người Lô Lô, người Mông, người Phù Lá sinh sống cả ở vùng du lịch này tùy theo mức độ khác nhau thì người Tày, người Nùng, người Cờ Lao, người Ngái, người PàThên, người Pu Péo, người Sán Chay, người Sán Dìu lại tập trung ở khu vực Đông Bắc.

Văn hóa Tày Nùng có vai trò quan trọng trong cộng đồng các tộc người ở Đông Bắc. Văn hóa người Nùng có nhiều yếu tố của người Hán, trong khi đó văn hóa người Tày mang nhiều nét tương đồng văn hóa của người Kinh. Người Tày, Nùng là cư dân bản địa sinh sống ở đây từ lâu đời, có trình độ phát triển kinh tế văn hóa xã hội cao, có số dân đông nên có ảnh hưởng sâu sắc đến văn hóa các tộc người khác trong khu vực. Họ thường sống trong các bản ven đường, cạnh sông suối hay thung lũng. Nhà đất đang chiếm dần ưu thế so với nhà sàn. Trang phục không phức tạp, không sặc sỡ mà thiên theo hướng thanh lịch, tinh tế. Đồ trang sức cũng khá đơn giản.



Một trong những hình ảnh đặc trưng của văn hóa Đông Bắc là sinh hoạt văn hóa ngày chợ. Chợ là nơi giao lưu văn hóa, gặp gỡ, giao lưu, múa hát (sli, lượn, then), là nơi hẹn hò (chợ tình Khâu Vai). Đây cũng là một điều kiện rất thuận lợi để ngành du lịch tiểu vùng xây dựng sản phẩm du lịch hấp dẫn cho khách du lịch.

Do trong vùng có nhiều tộc người sinh sống nên các lễ hội trong tiểu vùng du lịch miền núi Đông Bắc này rất phong phú và đa dạng. Có thể kể đến những lễ hội nổi tiếng thu hút không chỉ khách trong nước mà còn rất hấp dẫn đối với khách nước ngoài như lễ hội Đền Hùng, lễ hội Lồng Tồng, lễ hội cầu an, lễ hội Gầu Tào (Lào Cai, Hà Giang), lễ hội Khô già của người Hà Nhì, lễ hội Lồng Tồng (Ba Bể, Bắc Kạn), lễ hội Thổ Hà (Bắc Giang), lễ hội Nhảy lửa của người Pà Thẻn (Hà Giang)... Tất cả các lễ hội trên đều mang ý nghĩa tâm linh gồm cầu phúc, cầu mùa màng bội thu, cuộc sống bình yên, no ấm. Trong lễ hội thường diễn ra các trò chơi dân gian cổ truyền như ném còn, bịt mắt bắt dê, hát lượn...

Do là vùng có cơ cấu tộc người đa dạng nên văn hóa nói chung, phong tục tập quán nói riêng ở đây cũng rất khác nhau. Chẳng hạn, phong tục cưới xin của người Nùng diễn ra không quá phức tạp, song không phải là đơn giản. Theo phong tục, khi cưới xin phải thực hiện nhiều thủ tục. Bước đầu tiên là Sam mình (hỏi xem lộc mệnh của người con gái). Sau đó là lễ Pao mình (lễ dạm hỏi), rồi tiếp theo là lễ Kin háp (ăn hỏi). Vào ngày cưới, gia đình đón chào dâu rể mới rồi làm lễ rửa chân (Rào kha); mời vào nhà (khẩu tu); trải giường chiếu; an tọa; mời nước, mời thuốc lá, trà; báo tổ; trình gánh (trình sính lễ); dâng vải Rằm Khấu (đáp ơn dưỡng dục); lễ bàn thờ (bái lạy tổ tiên); lễ nhận rể mới; xin đón dâu; lễ trình diện, nhận con dâu; lễ nộp con dâu; mừng rương hòm, chăn màn; mừng phù dâu, phù rể; mời ăn uống; hẹn hò. Những phong tục, tập quán rất được khách du lịch quan tâm tìm hiểu, tuy nhiên, ở Việt Nam nói chung, ở vùng du lịch trung du miền núi phía

Bắc nói riêng, các phong tục tập quán này chưa được chú ý khai thác thành sản phẩm du lịch.

### ***1.3. Các sản phẩm du lịch đặc trưng và các địa bàn hoạt động chủ yếu***

#### ***1.3.1 Những sản phẩm du lịch cụ thể***

Sản phẩm du lịch đặc trưng của vùng du lịch Trung du, miền núi phía Bắc là du lịch văn hóa kết hợp với du lịch sinh thái. Trong vùng có thể khai thác một số sản phẩm du lịch cụ thể sau:

- Du lịch hội nghị, hội thảo, hội chợ, công vụ...
- Tham quan, nghiên cứu:
  - + Các di tích lịch sử dựng nước và giữ nước.
  - + Các di tích lịch sử văn hóa, văn hóa tộc người.
  - + Các lễ hội truyền thống.
  - + Các làng nghề truyền thống.
  - + Văn hóa nghệ thuật, văn hóa ẩm thực.
- Tham quan nghỉ dưỡng và du lịch sinh thái ở các vùng cảnh quan:
  - + Các hồ chứa nước lớn và nghỉ núi.
  - + Các vườn Quốc gia
  - + Vùng đá vôi và hang động karst.

Một trong những loại hình du lịch đặc trưng của tiểu vùng này là du lịch hành quân đến địa đầu cực Bắc của Tổ Quốc, cột cờ Lũng Cú hay cột mốc ở bản Xéo Lũng, xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn, Hà Giang. Đến khu vực miền núi Đông Bắc, khách du lịch có thể tham gia vào loại hình du lịch tham quan và du lịch sinh thái Cao nguyên đá Đồng Văn - thành viên của GGN (công viên địa chất).

Dưới góc độ lịch sử, trong còn có loại hình du lịch văn hóa đặc trưng cho tiểu vùng này là du lịch ATK ở Cao Bằng, Tuyên Quang.

Các loại hình du lịch phổ biến ở khu vực này là du lịch tham quan, văn cảnh thiên nhiên và tìm hiểu văn hóa bản địa. Các địa bàn phù hợp nhất cho loại hình du lịch này hồ Ba Bể

(Bắc Kạn), hồ Núi Cốc (Thái Nguyên), thác Bản Giốc (Cao Bằng)...

### *1.3.2. Các địa bàn hoạt động du lịch chủ yếu*

- Sơn La - Điện Biên gắn với Mộc Châu, hồ Sơn La, cửa khẩu quốc tế Tây Trang, di tích lịch sử Điện Biên Phủ và Mường Phăng.

- Lào Cai gắn với cửa khẩu quốc tế Lào Cai, khu nghỉ mát Sa Pa, Phan Xi Phăng và vườn quốc gia Hoàng Liên.

- Phú Thọ gắn với lễ hội Đền Hùng và hệ thống di tích thời đại Hùng Vương, du lịch hồ Thác Bà.

- Thái Nguyên - Lạng Sơn gắn với hồ Núi Cốc, di tích ATK Định Hóa, Tân Trào, khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng, khu nghỉ mát Mẫu Sơn

- Hà Giang gắn với công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn, cảnh quan Mèo Vạc, Mã Pí Lèng, Na Hang - Ba Bể...

### *1.3.3. Một vài khu du lịch tiêu biểu*

Căn cứ đặc điểm tài nguyên du lịch và thực tế nhu cầu phát triển, định hướng quy hoạch phát triển các khu du lịch quốc gia, điểm du lịch quốc gia và đô thị du lịch như sau:

\* 12 Khu du lịch quốc gia:

- 1) Khu du lịch quốc gia Cao nguyên đá Đồng Văn
- 2) Khu du lịch quốc gia Thác Bản Giốc
- 3) Khu du lịch quốc gia Mẫu Sơn
- 4) Khu du lịch quốc gia Hồ Ba Bể
- 5) Khu du lịch quốc gia Tân Trào
- 6) Khu du lịch quốc gia Hồ Núi Cốc
- 7) Khu du lịch quốc gia Sa Pa
- 8) Khu du lịch quốc gia Hồ Thác Bà
- 9) Khu du lịch quốc gia Đền Hùng
- 10) Khu du lịch quốc gia Mộc Châu
- 11) Khu du lịch quốc gia Điện Biên Phủ-Pá Khoang
- 12) Khu du lịch quốc gia Hồ Hòa Bình

\* 4 Điểm du lịch quốc gia:

- 1) Điểm du lịch quốc gia TP. Lào Cai
- 2) Điểm du lịch quốc gia Pắc Bó
- 3) Điểm du lịch quốc gia TP. Lạng Sơn
- 4) Điểm du lịch quốc gia Mai Châu

\* 1 Đô thị du lịch: Sa Pa

Ngoài ra, để tăng cường thu hút khách định hướng phát triển một số khu, điểm du lịch quan trọng khác của vùng như Xín Mần (Hà Giang), Sìn Hồ (Lai Châu), hồ Nà Hang (Hà Giang, Tuyên Quang), hồ Cấm Sơn (Bắc Giang); hồ Sơn La (Sơn La, Lai Châu).v.v....

## **2. Vùng du lịch Đồng bằng sông Hồng và Duyên hải Đông Bắc**

### **2.1. Khái quát chung Vùng du lịch Đồng bằng sông Hồng và Duyên hải Đông Bắc.**

#### **2.1.1. Địa hình**

Gồm Thủ đô Hà Nội và 10 tỉnh: Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Thái Bình, Hà Nam, Ninh Bình, Nam Định, Hải Phòng và Quảng Ninh gắn với vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc.

Vùng có biên giới đường bộ với Trung Quốc dài 133 km, với cửa khẩu quốc tế quan trọng Móng Cái (Quảng Ninh). Phía bắc giáp vùng du lịch miền núi phía Bắc, phía nam giáp vùng du lịch Bắc Trung Bộ. Toàn vùng có tổng diện tích trên 20.000km<sup>2</sup>. Dân số khoảng 20 triệu người, mật độ trung bình: 937 người/km<sup>2</sup>, cao nhất cả nước. Dân số tập trung chủ yếu trong các đô thị lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Hạ Long, Hải Dương... Quảng Ninh có mật độ dân số thấp nhất vùng (khoảng 190 người/km<sup>2</sup>). Trong vùng có 36 tộc người cùng sinh sống, chủ yếu là người Kinh, tiếp sau là người Hoa (cư trú nhiều tại Quảng Ninh, Hải Phòng), người Mường (cư trú nhiều tại Ninh Bình), người Nùng (cư trú nhiều tại Quảng Ninh), người Dao, người Sán Chay, Sán Dìu (cư trú nhiều tại Vĩnh Phúc, Quảng Ninh, Hà Nội), người Ngái (cư trú nhiều tại Quảng Ninh, Hải Phòng). Nhìn chung các tỉnh Quảng Ninh, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc có đồng bào ít người nhiều nhất.

### 2.1.2. Khí hậu

Đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc có khí hậu cận nhiệt đới ẩm quanh năm có nhiệt độ tương đối cao và ẩm, nên khí hậu chịu ảnh hưởng từ lục địa Trung Hoa chuyển qua và mang tính chất khí hậu lục địa. Toàn vùng có khí hậu nhiệt đới gió mùa ẩm quanh năm với 4 mùa rõ rệt là xuân, hạ, thu, đông. Đồng thời hàng năm thời tiết của vùng còn chịu ảnh hưởng của gió mùa đông bắc và gió mùa đông nam. Nhiệt độ trung bình năm tăng dần từ phía bắc xuống phía nam và ôn hòa hơn ở các vùng ven biển. Thời tiết mùa hè từ tháng 4 đến tháng 10 nóng ẩm và mưa cho tới khi gió mùa nổi lên. Mùa đông từ tháng 11 tới tháng 3 trời lạnh, khô, có mưa phùn. Nhiệt độ trung bình hàng năm khoảng 25°C, lượng mưa trung bình từ 1,700 đến 2,400mm. Vào mùa đông nhiệt độ xuống thấp nhất trong các tháng mười hai và tháng giêng. Đồng bằng sông Hồng và Duyên hải Đông Bắc là một trong những vùng hứng chịu nhiều tác động xấu của thời tiết, trung bình hàng năm có từ 6 đến 10 cơn bão và áp thấp nhiệt đới. Những cơn bão này kéo theo mưa to, thường gây ra lũ lụt nói chung, ngập lụt ở các đô thị, các điểm du lịch nói riêng, tạo nên yếu tố bất lợi cho hoạt động du lịch.

### 2.1.3. Hệ thống giao thông

Các QL1, 2, 3, 5, 6, 18 từ Hà Nội đi các tỉnh trong vùng và với vùng khác trên lãnh thổ Việt Nam. QL10 là tuyến hành lang ven biển. Hệ thống đường quốc lộ có quốc lộ 1A xuyên Việt, quốc lộ 5 nối Hà Nội tới Hải Phòng; quốc lộ 10 nối từ Ninh Bình đi Hải Phòng; quốc lộ 18 nối Hà Nội - Bắc Ninh - Hải Dương; quốc lộ 21 nối Hà Nam đi Thịnh Long; quốc lộ 21B nối Hà Nội - Hà Nam - Nam Định - Ninh Bình; quốc lộ 38 nối Bắc Ninh tới Hà Nam; quốc lộ 38B nối Hải Dương tới Ninh Bình; quốc lộ 39 từ phố Núi tới cảng Diêm Điền; quốc lộ 45 nối Ninh Bình - Thanh Hóa; các quốc lộ khác như 2, 3, 6, 32, 35, 37... Hệ thống đường cao tốc đường cao tốc cầu Giẽ - Ninh Bình; đường cao tốc Ninh Bình - Thanh Hóa; đường

cao tốc Hà Nội – Hải Phòng, tuyến cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh, đường cao tốc Nội Bài đi Lào Cai...

Đường sông: khu vực có nhiều tuyến đường sông quốc gia được đưa vào danh sách hệ thống đường sông Việt Nam như tuyến sông Hồng, sông Đuống, sông Luộc, sông Đáy, sông Hoàng Long, sông Nam Định, sông Ninh Cơ, sông Thái Bình, sông Cầu, sông Kinh Thầy, sông Kinh Môn, sông Kênh Khê, sông Lai Vu, sông Mạo Khê, sông Cầu Xe, sông Gù, sông Mía, sông Hoá, sông Trà Lý, sông Cẩm, sông Lạch Tray, sông Phi Liệt, sông Văn Úc, kênh Quần Liêu, kênh Yên Mô... Hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình chảy qua hầu hết các tỉnh trong vùng. Hệ thống cảng khá dày đặc với các các cảng lớn như cảng Hải Phòng, cảng Cái Lân, cảng Diêm Điền, cảng Ninh Cơ... Đây là điều kiện thuận lợi để ngành Du lịch vùng đồng bằng sông Hồng phát triển các loại hình du lịch du ngoạn đường sông.

Mạng lưới đường sắt có tuyến đường sắt Bắc - Nam và các tuyến từ Hà Nội toả đi các tỉnh thành khác ở miền Bắc như tuyến Hà Nội - Lạng Sơn, tuyến Hà Nội - Hải Phòng, tuyến Hà Nội - Thái Nguyên, tuyến Hà Nội - Lào Cai, tuyến Hà Nội - Bãi Cháy (Quảng Ninh).

Khu vực có 2 sân bay là sân bay Nội Bài và sân bay Cát Bi và sân bay Nội Bài là cửa khẩu quốc tế quan trọng hàng đầu của đất nước. Sân bay Nội Bài kết nối Hà Nội, trung tâm của vùng với 10 thành phố trong cả nước gồm Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Huế, Đà Lạt, Nha Trang, Buôn Ma Thuột, Cần Thơ, Điện Biên, Pleiku, Vinh với tần suất từ 14 chuyến 1 tuần (Buôn Ma Thuột, Cần Thơ, Điện Biên, Pleiku, Vinh) đến 270 chuyến 1 tuần (tới Thành phố Hồ Chí Minh). Có 30 hãng hàng không quốc tế có các chuyến bay nối giữa Hà Nội đi các thành phố trên thế giới Cảng Hàng không Cát Bi là Cảng Hàng không có vị trí quan trọng ở vùng Đông Bắc đồng bằng Bắc bộ, là điểm kết nối khách du lịch từ thành phố Hồ Chí Minh hay Đà Nẵng đến khu Du lịch Quốc tế Đồ Sơn,

khu Du lịch Cát Bà; khu Du lịch Quốc tế Tuần Châu, Vịnh Hạ Long... Trong tương lai là cầu nối quan trọng giữa các thành phố lớn trong nước và khu vực Đông Nam Á, châu Á, đồng thời đóng vai trò quan trọng trong hợp tác, phát triển du lịch khu vực.

Cơ sở vật chất kỹ thuật cho các ngành (trong đó có du lịch) trên địa bàn vùng ngày càng hoàn thiện.

Vùng có sự quan tâm đầu tư nhiều của Nhà nước và nước ngoài. Có nguồn lao động dồi dào, nhiều kinh nghiệm và truyền thống trong sản xuất, chất lượng lao động cao. Thị trường có sức mua lớn.

#### *2.1.4. Hệ thống đô thị*

Vùng có hai thành phố trực thuộc Trung ương là Hà Nội (Đô thị đặc biệt) và Hải Phòng là các trung tâm kinh tế văn hóa xã hội lớn của quốc gia. Các thành phố đô thị loại 2 và 3 như Vĩnh Yên, Hạ Long, Hải Dương, Hưng Yên, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Phủ Lý.

#### *2.1.5. Cửa khẩu biên giới và khu kinh tế cửa khẩu*

Vùng có biên giới đường bộ với Trung Quốc dài 133 km, với cửa khẩu quốc tế quan trọng Móng Cái; 2 cửa khẩu hàng không quốc tế: Nội Bài và Cát Bi

### **2.2. Tài nguyên du lịch.**

#### *2.2.1. Tự nhiên*

Nhìn chung địa hình vùng này khá bằng phẳng và được bao bọc bởi một số địa hình đồi núi phía tây, phía bắc và phía đông. Vùng có đường bờ biển dài hơn 500km suốt từ Móng Cái đến Ninh Bình, song chỉ ở vùng biển Quảng Ninh đã tập trung gần 90% toàn bộ số đảo của cả nước, tạo nên cảnh quan biển rất ngoạn mục. Đây chính là lý do mà Vịnh Hạ Long được ghi vào danh sách Di sản thiên nhiên Thế giới năm 1994.

Tuy địa hình đồng bằng sông Hồng đơn điệu, song ở đây có một dạng địa hình khá đặc trưng đó là hệ thống đê điều phòng chống lũ lụt khá dày đặc được hình thành và phát triển qua hàng ngàn năm. Nếu người Hà Lan tự hào “Thượng đế tạo

ra thế giới, còn người Hà Lan tạo nên đất nước Hà Lan” thì người Việt cũng có thể kiêu hãnh về hệ thống đê điều giúp người dân đồng bằng Bắc Bộ mở mang bờ cõi, khắc chế thiên nhiên. Đây là một ví dụ cụ thể để giải thích vì sao Thánh Tản Viên đã trở thành một trong tứ bất tử trong dân gian Việt Nam.

Nếu địa hình đồng bằng hấp dẫn khách du lịch bởi cảnh quan thiên nhiên do bàn tay con người tạo dựng thì ở các vùng ven của khu vực, sau khi di chuyển một khoảng cách không lớn, khách du lịch đã được hiện diện ở một môi trường tự nhiên khác. Những ngọn đồi nhỏ, núi thấp ở Nam Định, Hà Nam, Bắc Ninh, những núi sót ở phía Tây Hà Nội, Ninh Bình, những núi cao ở Ba Vì, Quảng Ninh... tạo cho khách du lịch một cảm nhận khác hẳn với khung cảnh thường nhật của họ. Kiểu địa hình đặc trưng vùng rìa phía tây và phía đông là địa hình karst với rất nhiều hang động kỳ vĩ, thu hút khách du lịch. Trong vùng có rất nhiều hang động đẹp, nổi tiếng trong và ngoài nước như động Hương Tích với biệt danh là Nam Thiên đệ nhất động; Nam Thiên đệ nhị động: Tam Cốc - Bích Động, Nam thiên đệ tam động: động Địch Lộng, hay các hang ở Vịnh Hạ Long như hang Bồ Nâu, hang Trinh Nữ,... Những người Pháp lần đầu tiên đặt chân đến một trong những hang trên Vịnh Hạ Long đã vô cùng kinh ngạc vì vẻ đẹp kỳ vĩ của nó nên không ngần ngại gọi là hang Sừng sốt (Surprise).

Hệ thống đảo phong phú ven bờ có thể trở thành những điểm du lịch hấp dẫn do có những bãi tắm đẹp, hoang sơ, môi trường trong lành như các đảo Cô Tô, Ngọc Vũng, Quan Lạn, Cát Bà, Bạch Long Vĩ...

Phần đồng bằng sông Hồng nằm ở hạ lưu sông Hồng và sông Thái Bình. Sông có hình rắn lượn với hiện tượng bên lở bên bồi diễn ra khá rõ nét. Trước đây những con sông này có chế độ thủy văn thất thường, thường xuyên gây lũ lụt vào mùa hè. Từ ngàn đời xưa, cha ông ta đã đổ bao công sức để bảo vệ làng quê bằng cách đắp những con đê ngăn lụt. Ngày nay, nhờ



có hệ thống hồ thủy điện nên tình trạng lũ lụt đã được hạn chế rất nhiều.

Sự biến động dòng chảy của mạng lưới sông dày đặc ở đồng bằng sông Hồng đã để lại nhiều đoạn sông “chết” được gọi là “hồ móng ngựa”. Điển hình có hồ Tây, hồ Hoàn Kiếm, hồ Vị Xuyên... Ngoài ra, trong quá trình trị thủy để canh tác, nhiều hồ nhân tạo đã được xây dựng như hồ Suối Hai, hồ Đồng Mô, hồ Đại Lải, Đầm Vạc, hồ Quan Sơn, hồ Tam Chúc... Ngày nay, khi nhắc đến các địa danh này, người ta thường nghĩ ngay đến là một khu nghỉ dưỡng, đến giá trị du lịch của chúng mà quên đi giá trị thủy nông của chúng.

Trong vùng cũng có một số điểm nước khoáng đã được khai thác phục vụ khách du lịch như suối nước nóng Kênh Gà, Cúc Phương, Quang Hanh, Tiên Hải...

Vùng có trên 500km đường bờ biển với chế độ nhật triều, tức là chu kỳ nước lên hay nước xuống là 24 giờ 52 phút với độ lớn triều khoảng 2,2 - 3,6m. Đặc điểm bề mặt đáy biển: có độ dốc nhỏ, từ phía bắc (vùng Móng Cái) vật liệu đáy chuyển từ cát mịn với những luồng chạy dọc bờ đến vật liệu thô và bùn nhão do quá trình khai thác than, dần chuyển sang cát pha bùn do phù sa các sông đổ ra biển. Độ trong của nước chuyển từ trong ở khu vực Móng Cái sang đục ở Đồ Sơn và nhạt dần về phía nam, tuy vẫn còn có màu phù sa. Nhìn chung biển vùng du lịch Đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc không thích hợp cho du lịch tắm biển, trừ ở các đảo ngoài khơi với nước trong và cát sạch. Tuy nhiên, với trên 90% số đảo tập trung ở đây, tạo cho vùng này một cảnh quan biển kỳ vĩ nên vùng này rất thu hút khách du lịch đến tham quan, ngắm cảnh.

Tài nguyên sinh vật trong vùng khá phong phú với nhiều động thực vật quý hiếm đặc trưng cho giới sinh vật của Việt Nam. Mặc dù trong vùng có các khu dân cư và đô thị phân bố dày đặc nhưng giới sinh vật vẫn được bảo tồn ở các vườn Quốc gia Cúc Phương, Ba Vì, Tam Đảo, Cát Bà, Bái Tử Long, Xuân Thủy. Có

thể thấy, đây là một trong những vùng có nhiều vườn Quốc gia nhất (6/31).

Là vườn Quốc gia được thành lập đầu tiên ở Việt Nam (rừng cấm, 1962), vườn Quốc gia Cúc Phương có hệ sinh thái rừng trên núi đá vôi với 5 tầng tán rõ rệt, trong đó tầng vượt tán đạt đến độ cao trên 40m.

### 2.2.2. Văn hóa

Toàn vùng có trên 16.000 di tích lịch sử văn hóa, trong đó có 2.758 di tích cấp tỉnh, 2.267 di tích được công nhận cấp quốc gia và 31 di tích cấp quốc gia đặc biệt, 3 di sản thế giới.

Đây là vùng có mật độ di tích cao nhất và số lượng di tích nhiều nhất cả nước. Trong 31 di tích cấp quốc gia đặc biệt có 5 di tích kiến trúc nghệ thuật là Đình Tây Đằng, Chùa Tây Phương, Đền Sóc (Hà Nội), Chùa Bút Tháp (Bắc Ninh), Chùa Keo (Thái Bình); 3 danh lam thắng cảnh là Tràng An - Tam Cốc Bích Động (Ninh Bình), quần đảo Cát Bà (Hải Phòng); Vịnh Hạ Long (Quảng Ninh); 2 di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh là Hồ Hoàn Kiếm và Đền Ngọc Sơn (Hà Nội), Yên Tử (Quảng Ninh); 1 di tích lịch sử và khảo cổ là Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội (Hà Nội); 11 di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật là Chùa Vĩnh Nghiêm (Bắc Giang), Chùa Dâu (Bắc Ninh), Chùa Phật Tích (Bắc Ninh), Đền Trần Thương (Hà Nam), Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Đền Phù Đồng, Chùa Thầy và khu núi đá Sài Sơn (Hà Nội), Côn Sơn - Kiếp Bạc (Hải Dương), Khu di tích Phố Hiến (Hưng Yên), Đền Trần và Chùa Phố Minh (Nam Định), cổ đô Hoa Lư (Ninh Bình); 1 di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật và khảo cổ là khu di tích cổ Loa (Hà Nội); 8 di tích lịch sử Đền Hát Môn (Hà Nội), Khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch (Hà Nội), Đền Hai Bà Trưng (Hà Nội), Khu di tích và đền thờ Nguyễn Bình Khiêm (Hải Phòng), Khu lăng mộ và đền thờ các vị vua triều Lý (Bắc Ninh), Bạch Đằng (Quảng Ninh), Khu di tích nhà Trần tại Đông Triều (Quảng Ninh), Khu lăng mộ và đền thờ các vị vua triều Trần (Thái Bình).

Đặc biệt trong vùng còn có 3 di sản thế giới là Vịnh Hạ Long (Quảng Ninh, Trung tâm Hoàng thành Thăng Long (Hà Nội) và Quần thể danh thắng Tràng An (Ninh Bình). Ba di sản này tạo thành một tam giác du lịch rất đặc biệt của một vùng văn hóa lịch sử tiêu biểu của Việt Nam.

Do đó, vùng này chứa đựng nguồn tài nguyên du lịch đa dạng, phong phú, cũng là nơi có lịch sử khai phá lâu đời, nôi của nền văn minh lúa nước, tập trung nhiều di tích, lễ hội, làng nghề truyền thống đặc sắc... với 2 trung tâm quốc gia là Hà Nội và Hải Phòng.

### ***2.3. Các sản phẩm du lịch đặc trưng và các địa bàn hoạt động chủ yếu***

#### ***2.3.1 Những sản phẩm du lịch cụ thể***

Sản phẩm du lịch chủ yếu của vùng du lịch Đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc là du lịch tham quan các di tích lịch sử và công trình kiến trúc nghệ thuật, công trình đương đại và danh lam thắng cảnh như tham quan phố cổ Hà Nội, Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Lăng và Bảo tàng Chủ tịch Hồ Chí Minh, đền Trần, chùa Keo, chùa Bái Đính, chùa Dâu, nhà thờ Phát Diệm, nhà thờ lớn, nhà hát lớn, Royal City, Times City, cầu Bãi Cháy, cầu Nhật Tân, Tam Cốc - Bích Động, Tràng An - Bái Đính, Vịnh Hạ Long, Yên Tử... Loại sản phẩm du lịch phổ biến thứ 2 là sản phẩm du lịch lễ hội tâm linh như du lịch lễ hội chùa Hương, Yên Tử, Đền Trần, Hội Gióng, Phủ Dầy... Hiện nay, loại sản phẩm du lịch lễ hội tâm linh đã có nhiều thay đổi, chất lượng đã được nâng cao nhờ các cơ quan quản lý nhà nước ở Trung ương cũng như địa phương đã có những biện pháp kịp thời chấn chỉnh trong khâu tổ chức, thanh tra, giám sát. Loại sản phẩm du lịch phổ biến thứ 3 ở vùng này là du lịch ẩm thực. Là một trong những cái nôi của văn hóa ẩm thực Việt Nam, ngành du lịch các tỉnh thành trong vùng đã đang hết sức cố gắng đầu tư phát triển dòng sản phẩm du lịch ẩm thực đồng bằng Bắc Bộ. Tuy nhiên, việc tổ chức mới chỉ dừng lại ở việc lập ra một vài khu phố

âm thực, song chưa có những định hướng và biện pháp cụ thể để làm cho sản phẩm du lịch âm thực thực sự trở thành một sản phẩm du lịch thực sự đặc trưng thu hút khách du lịch.

Ngoài ra, ở vùng du lịch này có khá nhiều các loại hình và sản phẩm du lịch khác. Tuy nhiên việc nghiên cứu để chỉ ra một hay một số sản phẩm đặc trưng thế mạnh của vùng vẫn còn là một bài toán bỏ ngõ.

- Thủ đô Hà Nội gắn với hệ thống di tích lịch sử văn hóa nội thành và các cảnh quan tự nhiên vùng phụ cận.

- Quảng Ninh - Hải Phòng gắn với cảnh quan biển đảo Đông Bắc đặc biệt là Hạ Long - Cát Bà, Vân Đồn, Đồ Sơn.

- Ninh Bình gắn với Tam Cốc - Bích Động, Hoa Lư, Tràng An, Vân Long, Cúc Phương, Tam Chúc - Ba Sao và quần thể di tích, cảnh quan vùng phụ cận.

### 2.3.2 Các địa bàn hoạt động du lịch chủ yếu

Căn cứ đặc điểm tài nguyên du lịch và thực tế nhu cầu phát triển, định hướng quy hoạch phát triển các khu du lịch quốc gia, điểm du lịch quốc gia và đô thị du lịch như sau:

#### \* 8 Khu du lịch quốc gia:

- 1) Khu du lịch quốc gia Hạ Long - Cát Bà
- 2) Khu du lịch quốc gia Vân Đồn
- 3) Khu du lịch quốc gia Trà Cổ
- 4) Khu du lịch quốc gia Côn Sơn - Kiếp Bạc
- 5) Khu du lịch quốc gia Ba Vì - Suối Hai
- 6) Khu du lịch quốc gia Tam Đảo
- 7) Khu du lịch quốc gia Tràng An
- 8) Khu du lịch quốc gia Tam Chúc

#### \* 7 Điểm Du lịch quốc gia

- 1) Điểm du lịch quốc gia Hoàng thành Thăng Long
- 2) Điểm du lịch quốc gia Yên Tử
- 3) Điểm du lịch quốc gia TP. Bắc Ninh
- 4) Điểm du lịch quốc gia Chùa Hương
- 5) Điểm du lịch quốc gia Cúc Phương
- 6) Điểm du lịch quốc gia Vân Long

7) Điểm du lịch quốc gia Đền Trần - Phủ Giầy

\* 2 Đô thị du lịch: Hạ Long, Đồ Sơn

Ngoài ra cần chú trọng phát triển các điểm như vườn Quốc gia Xuân Thủy (Nam Định), Đồng Châu (Thái Bình), Bạch Long Vĩ (Hải Phòng) v.v...

### **3. Vùng du lịch Bắc Trung Bộ**

#### **3.1. Khái quát vùng du lịch Bắc Trung bộ**

##### **3.1.1 Địa hình.**

Vùng du lịch Bắc Trung Bộ là dải đất hẹp ngang, có địa bàn nam dãy núi Tam Điệp tới Bắc đèo dãy Bạch Mã. Vùng giáp với vùng du lịch Đồng bằng sông Hồng ở phía bắc, phía tây giáp Lào, phía nam giáp vùng du lịch Duyên hải Nam Trung Bộ, phía đông là biển Đông. Vùng có tổng diện tích phần đất liền là trên 51.000 km<sup>2</sup> dân số gần 11 triệu người, mật độ trung bình khoảng 200 người/km<sup>2</sup>. Vùng này gồm sáu tỉnh là Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế.

Vùng du lịch Bắc Trung Bộ là cầu nối các tuyến du lịch Bắc - Nam, là cửa ngõ hành lang đông tây nối các các nước thuộc tiểu vùng sông Mê Kông với biển. Vùng có đường biên giới với Lào về phía Tây với hệ thống cửa khẩu quan trọng như Nà Mèo (Thanh Hóa), Nậm Cắn (Nghệ An), cầu Treo (Hà Tĩnh), Cha Lo (Quảng Bình), Lao Bảo (Quảng Trị). Không gian du lịch khu vực miền Trung là cửa ngõ quan trọng của du lịch Việt Nam thông qua Lào và qua đó đến các nước trong khu vực bằng đường bộ. Đây là một yếu tố quan trọng để thúc đẩy sự phát triển du lịch của các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ nói riêng, của du lịch cả nước nói chung.

Trên một diện tích không lớn, Bắc Trung Bộ là một trong những trung tâm văn hóa quan trọng của Việt Nam, là nơi có 3 di sản thế giới; Thành nhà Hồ, VQG Phong Nha - Kẻ Bàng, Quần thể di tích cố đô Huế. Vùng du lịch Bắc Trung Bộ là nơi có nhiều bãi biển đẹp như; Sầm Sơn, Cửa Lò, Thiên Cầm, Nhật Lệ, Thuận An, Lăng Cô... Bắc Trung Bộ cũng là nơi sinh

ra nhiều danh nhân văn hóa, chính trị Việt Nam, nơi có nhiều di tích về cuộc chiến tranh chống Mỹ anh hùng của dân tộc.

### 3.1.2. Khí hậu

Vùng còn chịu ảnh hưởng của nhiều thiên tai, bão lụt, gió lớn gây khó khăn cho hoạt động du lịch và phát triển kinh tế.

Sông ngòi của vùng thường ngắn, dốc, nước trong xanh, tạo phong cảnh đẹp, nhưng thường hay có lũ đột ngột.

Thực động vật của vùng phong phú, dưới độ cao 800m là loại rừng kín thường xanh mưa mùa nhiệt đới, có nhiều loại động vật quý hiếm, có sự đa dạng sinh học cao. Biển của vùng có nhiều ngư trường lớn, là nguồn thực phẩm dồi dào.

Do đồng bằng nhỏ hẹp và khí hậu có nhiều thiên tai nên bình quân lương thực đầu người của vùng thấp, thường xuyên thiếu lương thực. Vì vậy sự phát triển kinh tế biển, rừng, du lịch sẽ tạo ra những thế mạnh phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng cuộc sống cho dân cư, góp phần bảo vệ môi trường và những giá trị văn hóa của vùng.

### 3.1.3. Hệ thống giao thông

- Đường bộ: vùng có hệ thống đường bộ quan trọng: QL1A, QL7, QL8, QL9, QL49... đường Hồ Chí Minh.

- Đường sắt: Đường sắt Bắc - Nam.

- Đường không: Vùng có các sân bay Vinh (Nghệ An), Đồng Hới (Quảng Bình), Phú Bài (Thừa Thiên - Huế), trong đó Phú Bài là sân bay quốc tế.

- Đường biển: Cảng Vũng Áng (Hà Tĩnh), cảng Cửa Lò (Nghệ An), cảng Chân Mây (Thừa Thiên - Huế).

### 3.1.4. Hệ thống đô thị

Các đô thị: Vinh, Huế, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Đồng Hới, Đông Hà.

### 3.1.5. Cửa khẩu biên giới và khu kinh tế cửa khẩu

Vùng có đường biên giới với Lào dài hơn 1.200 km với hệ thống cửa khẩu và khu kinh tế cửa khẩu quan trọng như Nà Mèo (Thanh Hóa), Nậm Cắn (Nghệ An), Cầu Treo (Hà Tĩnh), Cha Lo (Quảng Bình), Lao Bảo (Quảng Trị).

## **3.2. Tài nguyên du lịch**

### **3.2.1. Tự nhiên**

Địa hình của vùng du lịch Bắc Trung Bộ tương đối đa dạng, bao gồm cả khu vực đồi núi, đồng bằng, biển và đảo. 4/5 diện tích tự nhiên lãnh thổ là đồi núi và các cồn cát, địa hình bị chia cắt mạnh, độ dốc lớn.

Địa hình miền núi gắn với cấu trúc Trường Sơn Bắc, đại bộ phận là núi thấp kéo dài từ phía Tây Nghệ An tạo thành một dải hẹp chạy dọc biên giới Việt Lào với các đỉnh cao từ trên 1.000m như động Ngòi (1.774m) núi Mạn (1.708m). Độ cao trung bình ở Kẻ Bàng là 900m, Khe Ngang là 600m. Do có kích thước không lớn, đặc biệt là hẹp chiều ngang, nên địa hình tương đối dốc. Từ dãy Trường Sơn ở phía Tây có nhiều nhánh núi đâm ngang ra biển, hình thành trên tuyến đường Bắc Nam các đường đèo ngoằn ngoèo nối tiếp nhau như đèo Ngang qua dãy Hoành Sơn (Quảng Bình), đèo Lý Hòa qua núi Thày và đặc biệt “đệ nhất hùng quan” - đèo Hải Vân qua dãy Bạch Mã Thừa Thiên Huế. Một trong những giá trị quan trọng của địa hình núi ở vùng du lịch này là địa hình đá vôi Phong Nha - Kẻ Bàng. Tại đây có một hệ thống hang động đẹp nhất Việt Nam nếu xét về mặt giá trị thẩm mỹ. Dưới góc độ địa chất địa mạo, VQG Phong Nha - Kẻ Bàng có thể coi là một bảo tàng địa chất ngoài trời về lịch sử hình thành các hang động karst. Như vậy sự đa dạng và hiếm trở của địa hình miền núi phía tây vùng du lịch Bắc Trung Bộ có ý nghĩa lớn đối với việc phát triển các loại hình du lịch như du lịch thể thao mùa đông, du lịch thể thao leo núi, du lịch mạo hiểm, du lịch sinh thái, du lịch hang động, trước hết đó là các hệ thống hang động ở Phong Nha - Kẻ Bàng. Sự hình thành các hang động này liên quan đến các đứt gãy kiến tạo trong kỷ Đệ Tam (35 triệu năm). Hệ thống hang động ở đây được phát triển trên một khối đá vôi lớn nhất Đông Nam Á. Không kể Phong Nha Kẻ Bàng, ở vùng du lịch Bắc Trung Bộ, từ Thanh Hóa đến Bình Trị Thiên, khách du lịch đến tỉnh nào cũng có thể phát hiện ra

các hang động karst với vẻ đẹp rất ấn tượng như động Từ Thức, động Long Quang, động Hồ Công, động Tiên Sơn động Bàn Bù, động Cây Đắng, hang Ngán, hang Cồ Luông, hang chùa Ông Năm, hang chùa Bà Năm, hang Na (hang Tiên Nữ), hang Brai...

Hệ thống đồng bằng ven biển gồm nhiều đồng bằng nhỏ hẹp kéo dài theo bờ biển, đồng bằng hẹp, kẹp giữa một bên là đồi, bán bình nguyên, một bên là đầm phá và cồn cát như phá Tam Giang, đầm cầu Hai... Nhìn chung địa hình bờ biển có độ dốc không quá lớn, trung bình từ 2 - 3°, hình thành nhiều bãi biển đẹp, thoải, bãi cát trắng mịn thuận lợi cho việc phát triển du lịch tắm biển, nghỉ dưỡng biển như Sầm Sơn (Thanh Hóa), Cửa Lò (Nghệ An), Thiên Cầm (Hà Tĩnh), Đồng Hới (Quảng Bình), Cửa Tùng (Quảng Trị), Thuận An, Cảnh Dương, Lăng Cô (Thừa Thiên Huế)... Ngoài khơi có một số đảo ven bờ rất có tiềm năng du lịch như đảo Hòn Mê, Hòn Mắt, Hòn Ngư, Hòn Gió, Hòn La, Nghi Sơn, Cồn Cỏ... Có thể nói, du lịch tắm biển là một thế mạnh của vùng du lịch Bắc Trung Bộ.

Do địa hình hẹp nên các sông suối ở khu vực hầu hết là sông nhỏ, độ dài ngắn (dưới 500km), độ dốc lớn, có nhiều thác, chế độ thủy văn thất thường. Những hệ thống sông lớn trong khu vực có sông Mã, sông Chu, sông Cả. Trong điều kiện như vậy, có thể phát triển các loại hình du lịch chèo thuyền mạo hiểm vượt thác ghềnh vào mùa mưa.

Chế độ hải văn vùng Bắc Trung Bộ khá phức tạp. Từ chế độ nhật triều khá thuận nhất với số ngày nhật triều 18 - 22 ngày, độ lớn triều khoảng 3,6 - 2,6m ở vùng biển Thanh Hóa chuyển sang chế độ nhật triều không đều, số ngày nhật triều chiếm hơn nửa tháng, độ lớn triều khoảng 2,5 - 1,2m ở vùng bờ biển từ Nghệ An đến Cửa Gianh. Vùng biển phía Nam Cửa Gianh đến cửa Thuận An có chế độ bán nhật triều không đều, độ lớn triều khoảng 1,0 - 0,6m. Riêng vùng biển Thuận An và lân cận có chế độ bán nhật triều.



Trong vùng có một số hồ tự nhiên và nhân tạo có thể khai thác tốt cho mục đích phát triển du lịch như hồ Tràng Đen, hồ Vực Máu, đập Bà Tuy (Nghệ An), hồ Kẻ Gỗ, hồ Thượng Tuy, hồ Cù Lây (Hà Tĩnh), Bàu Tró, Bàu Sen tại Quảng Bình...

Các điểm nước khoáng trong khu vực cũng đã được khai thác phục vụ khách du lịch như suối khoáng nóng Giang Sơn, suối nước Mọc ở Nghệ An, Khe Nước sốt ở Hà Tĩnh, nước khoáng nóng Bang ở Quảng Bình, nước khoáng nóng Mỹ An, Thừa Thiên Huế... Tuy nhiên việc khai thác vẫn còn ở quy mô nhỏ, đầu tư chưa đủ lớn nên hiệu quả khai thác chưa cao.

### 3.2.2 Văn hóa

Vùng du lịch Bắc Trung Bộ có trên 4.500 di tích lịch sử văn hóa, trong đó có 1.141 di tích cấp tỉnh, 365 di tích được công nhận cấp quốc gia và 11 di tích cấp quốc gia đặc biệt, 3 di sản thế giới. Trong 3 di sản thế giới trong vùng có 2 di sản văn hóa là Quần thể di tích cố đô Huế, thành nhà Hồ và 1 di sản thiên nhiên thế giới là VQG Phong Nha Kẻ Bàng.

Quần thể di tích cố đô Huế nằm trong và xung quanh thành phố Huế. Được thành lập là thủ đô của Việt Nam thống nhất năm 1802, Huế không chỉ là trung tâm chính trị mà còn là trung tâm văn hóa và tôn giáo dưới triều Nguyễn, triều đại phong kiến cuối cùng của lịch sử Việt Nam. Quy hoạch đô thị và các công trình kiến trúc Huế phù hợp với thuyết phong thủy, một triết lý thịnh hành ở phương Đông như thuyết ngũ hành (kim, mộc, thủy, hỏa, thổ), ngũ sắc (vàng, trắng, xanh, đen, đỏ), vị trí (tả thanh long, hữu bạch hổ, tiền án, hậu chẩm, minh đường).

Thành nhà Hồ được xây dựng năm 1397 theo nguyên tắc phong thủy trong một phong cảnh rất đẹp giữa sông Mã và sông Bưởi. Thành nội được xây dựng bằng các khối đá vôi lớn cho thấy công nghệ xây dựng rất hiện đại. Các yếu tố xây dựng và kiến trúc và trang trí thiết kế thể hiện quyền lực hoàng gia dựa trên việc áp dụng triết lý Khổng giáo trong một nền văn hóa chủ yếu là Phật giáo của thời kỳ đó. Là trung tâm

chính trị, kinh tế và văn hóa của Bắc miền Trung từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XVIII, thành nhà Hồ minh chứng cho một xu hướng mới trong công nghệ, thương mại và quản trị tập trung khi vương quyền và các giá trị Phật giáo vẫn là truyền thống ở xã hội Việt Nam nói riêng, Đông Nam Á hay châu Á nói chung. Nói cách khác, kiến trúc thành nhà Hồ minh chứng rõ ràng nhất về sự có mặt của triết học tân nho giáo cuối thế kỷ XIV và sự lan truyền của học thuyết này đến các khu vực trong Đông Nam Á.

Trong hai cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc, vùng du lịch Bắc Trung Bộ đã trải qua nhiều biến động phức tạp, còn để lại nhiều dấu tích trên lãnh thổ. Đó là những bằng chứng ghi dấu tội ác của quân thù, là biểu tượng quật cường của dân tộc Việt Nam nói chung và của nhân dân các dân tộc trong vùng du lịch Bắc Trung Bộ nói riêng như di tích Ngã ba Đồng Lộc, thành cổ Quảng Trị, sông Bến Hải, cầu Hiền Lương, đường mòn Hồ Chí Minh, địa đạo Vịnh Mốc, nghĩa trang Liệt sĩ Trường Sơn, nghĩa trang Liệt sĩ Quốc gia Đường 9, di tích Khe Sanh, Cồn Tiên Dốc Miếu... Ngoài ra, trong vùng còn nhiều di tích liên quan đến cuộc đời và sự nghiệp của các nhà cách mạng kiệt xuất như Chủ tịch Hồ Chí Minh (khu di tích Kim Liên), Đại tướng Võ Nguyên Giáp (khu lăng mộ Đại tướng Võ Nguyên Giáp)...

Vùng du lịch Bắc Trung Bộ còn là trung tâm tôn giáo, tín ngưỡng của miền Trung. Nơi đây có khá nhiều công trình đền, chùa, nhà thờ có ý nghĩa đối với hoạt động du lịch tôn giáo và du lịch tâm linh như chùa Thiên Mụ, chùa Hà Trung, chùa Quốc Ân, chùa Từ Đàm (Huế), nhà thờ La Vang (Quảng Trị)...

Bắc Trung Bộ có khá nhiều món ăn từ bình dân đến tinh tế và mang tính đặc trưng của vùng miền. Có món xuất phát từ cuộc sống khó khăn của người lao động nhưng đã trở thành đặc sản như cơm hến Huế, tôm chua Huế, cháo lươn Nghệ An, nhút Thanh Chương (Nghệ An), nem chua (Thanh Hóa)... Có

món được chế biến rất tinh tế như cơm chay Huế, bún bò Huế, đản biển (Quảng Bình). Ngoài ra còn phải kể đến rất nhiều các đặc sản khác như các loại bánh Huế: bánh bèo, bánh bột lọc, bánh khoai, nem lụi Huế, chè Huế (chè hèm), kẹo Cu đơ (Hà Tĩnh), mè xừng Huế, hạt sen, bưởi Thanh Trà... Nếu nói Việt Nam có thể trở thành bếp ăn của thế giới, thì có thể nói vùng du lịch Bắc Trung Bộ sẽ là một trong những trung tâm du lịch ẩm thực lớn của Việt Nam. Ngoài các món ăn, vùng này cũng có nhiều đặc sản khác, sản phẩm nghề như dầu tràm Thiên An, nón bài thơ Huế...

Lễ hội.

Lễ hội ở Bắc Trung Bộ rất phong phú và đa dạng gắn với sự đa dạng về văn hóa, phong tục tập quán cũng như sự kiện lịch sử, tôn giáo văn hóa của từng khu vực. Một trong những lễ hội lịch sử truyền thống lớn trong khu vực là lễ hội Lam Kinh. Lễ hội diễn ra vào cuối tháng 8 Âm lịch, vào dịp giỗ vua Lê Thái Tổ ở Lam Kinh, Thanh Hóa. Hàng năm, lễ hội Lam Kinh hàng năm thu hút hàng chục nghìn khách du lịch từ mọi miền đất nước. Bên cạnh đó, lễ hội tưởng nhớ các nhân vật lịch sử có công trong việc đấu tranh, giữ gìn và bảo vệ tổ quốc như lễ hội Lê Hoàn, lễ hội đền Nguyễn Xí... Hiện nay các tỉnh cũng đã bắt đầu chú ý phục dựng một số lễ hội truyền thống để phục vụ phát triển du lịch. Những lễ hội có tiềm năng lớn để trở thành sản phẩm du lịch trong khu vực như lễ hội Thiệu Trung thờ thánh Khổng Minh Khổng - ông tổ nghề đúc đồng, lễ hội Triều Dương, Sầm Sơn tưởng niệm Bà Triệu - tổ sư nghề dệt sấm xúc, lễ hội đình Phú Khê xã Hoàng Phú, Hoàng Hóa, tổ nghề hát, huyện Yên Thành Nghệ An có lễ hội Đức Hoàng, huyện Nam Đàn có lễ hội Vua Mai Thúc Loan, tục thờ thần và lễ cầu ngư ở Hội thống, lễ hội Rằm tháng Ba Minh Hóa (Quảng Bình)...

Ngoài lễ hội truyền thống, tại vùng du lịch Bắc Trung Bộ còn có một số lễ hội văn hóa - du lịch hiện đại, các festival Huế, festival nghề truyền thống Huế... Những festival này

thường do nhiều đôi tác, trong đó có các đôi tác nước ngoài cùng tổ chức nên vừa mang tính hiện đại, vừa thể hiện được nét văn hóa truyền thống của Việt Nam. Thông thường vào dịp festival Huế, lượng khách du lịch trong và ngoài nước đến vùng nói chung, đến tỉnh Thừa Thiên Huế tăng lên đáng kể.

Bắc Trung Bộ là vùng đất giàu giá trị văn hóa truyền thống với những làn điệu ca múa nhạc vừa mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc, lại vừa giàu sắc thái riêng. Dải đất này là xứ sở của những làn điệu dân ca thiết tha trữ tình mang sắc thái dân gian như hò Sông Mã, hát sẩm xoan (Thanh Hóa); hát ví dặm, hát phường vải (Nghệ An); ca trù cổ Đạm, hò chèo cạn Nương Ban (Hà Tĩnh); hò khoan Quảng Bình, hò bài chòi, ca trù. Đặc biệt, có nhã nhạc cung đình Huế, một di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại. Các làn điệu dân ca trữ tình, múa hát cung đình mang màu sắc dân gian sẽ mang lại những xúc cảm đặc biệt cho người nghe. Chính vì thế, ngành du lịch ở một số tỉnh Bắc Trung Bộ đã và đang đẩy mạnh khai thác đưa lễ hội truyền thống cùng với các hoạt động sinh hoạt văn hóa dân gian trong đó có ca múa nhạc truyền thống vào phục vụ du khách, làm phong phú thêm hoạt động du lịch của du khách.

Âm nhạc cung đình Việt Nam chính thức hình thành với sự lên ngôi của triều Nguyễn vào đầu thế kỉ XIX. Tuy nhiên, nền tảng ban đầu của Âm nhạc cung đình Việt Nam đã bắt đầu manh nha từ thế kỉ XVII dưới thời các chúa Nguyễn khi vào cát cứ Đàng trong... Các thể loại âm nhạc cung đình Huế bao gồm: nhạc lễ nghi thờ cúng và nhạc lễ nghi triều chính, múa cung đình, ca nhạc thính phòng và kịch hát (tuồng cung đình).

Dải đất miền Trung là nơi sinh ra nhiều danh nhân có dấu ấn rất lớn trong lịch sử Việt Nam như Hồ Quý Ly, Nguyễn Du, Phan Bội Châu, Chủ tịch Hồ Chí Minh, Trần Phú, Lê Duẩn, Võ Nguyên Giáp, các vị vua chúa nhà Nguyễn... Những danh nhân này đã để lại những câu chuyện rất hào hùng về cuộc đời và công hiến của họ cho dân tộc, cho đất nước.

### ***3.3. Các sản phẩm du lịch đặc trưng và các địa bàn hoạt động chủ yếu***

#### ***3.3.1. Những sản phẩm du lịch cụ thể***

Với bờ biển trải dài 632 km, với độ dốc thềm nhỏ, cát khá mịn và sạch, ít tạp chất, nước biển khá trong do các sông đổ ra biển ngắn, chỉ nhiều nước vào mùa mưa, vùng du lịch Bắc Trung Bộ khá thích hợp cho các loại hình du lịch tắm biển và nghỉ dưỡng biển. Những bãi biển đẹp, nổi tiếng từ xưa như Sầm Sơn, Cửa Lò, Cửa Tùng... vẫn tiếp tục là các điểm du lịch biển thu hút nhiều khách du lịch, nhất là trong thời gian gần đây, ngành Du lịch các địa phương đã có những biện pháp tích cực trong việc giữ gìn vệ sinh môi trường, giữ gìn an toàn xã hội, đẩy lùi các tệ nạn “chặt chém” khách du lịch. Những điểm du lịch biển mới xuất hiện với xu hướng tạo ra các sản phẩm du lịch cao cấp ngày càng nhiều. Có thể kể đến hệ thống các sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng biển cao cấp ở FLC Samson Beach & Golf Resort, Sun Spa Resort, Bãi Lữ Resort, Thiên Cam Resort, Sepon Boutique Resort, Tam Giang Resort and Spa, Villa Louise Hue Beach and Spa, Ana Mandara Hue Beach Resort... Đây là một trong những giải pháp hiệu quả để nâng tỷ lệ quay lại của khách du lịch nếu hình ảnh về các sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng biển cao cấp ở đây đảm bảo mang đến sự hài lòng cho khách du lịch trong và ngoài nước. Rõ ràng rằng ngành du lịch vùng đã khai thác đúng hướng và ngày càng hiệu quả đặc điểm tài nguyên nổi trội trong vùng là tài nguyên biển.

Loạt sản phẩm tiếp theo của vùng là du lịch di sản, mà trước hết là du lịch qua ba di sản thế giới của khu vực và kết nối với Ninh Bình, Hà Nội, Quảng Ninh ở phía bắc, Quảng Nam ở phía nam để thành tour “Qua những miền di sản thế giới”. Trong ba tỉnh có di sản, Thừa Thiên - Huế và Quảng Bình thuận lợi hơn vì có kinh nghiệm khai thác lâu hơn và có một số điều kiện thuận lợi hơn. Các tỉnh có di sản thế giới đã khai thác tốt các giá trị của di sản, sáng tạo thêm nhiều sản phẩm liên quan đến di sản để thu

hút ngày càng nhiều khách du lịch. Bên cạnh di sản thế giới, ở các tỉnh Bắc Trung Bộ còn có rất nhiều di sản có giá trị có thể khai thác thành sản phẩm du lịch như các di tích tôn giáo, tín ngưỡng, tâm linh (Chùa Thiên Mục, Nhà thờ La Vang, Điện Hòn Chén, Chùa Hương, Đền Công...)

Một trong những đặc điểm văn hóa của vùng này là cách chế biến, trình bày và thưởng thức các món ăn của người dân ở đây đã đạt đến trình độ nghệ thuật cao. Điều đó giải thích tại sao một trong những sản phẩm du lịch hấp dẫn của vùng này là du lịch ẩm thực, tập trung chủ yếu ở Huế. Đặc trưng của ẩm thực Huế là nhẹ nhàng mà cầu kỳ, giản dị nhưng tinh tế. Món ăn Huế vừa có loại sang trọng, cao lương mỹ vị, vừa có món mộc mạc nhưng nhờ sự khéo tay, biết chế biến, biết cách thức nêm nấu nên vẫn trở thành món ăn đầy thi vị. Món ăn Huế giản dị, phong phú, mang hương vị, mùi ngon đậm thắm của sản phẩm nơi đồng ruộng, đầm phá, núi sông hòa quyện với phong cách vương giả, cung đình. Ai đã từng ngồi ăn tô bún bò Huế, bát cơm hến, bữa cơm chay Huế, cốc chè hèm hay các loại bánh Huế như bánh bèo, bánh bột lọc, bánh khoai... trên đất Kinh thành mới cảm nhận hết được “tính Huế” trong lúc thưởng thức những món ăn này.

Loại hình du lịch đặc trưng của vùng là du lịch DMZ (khu phi quân sự). Những di tích liên quan đến vĩ tuyến 17, sông Bến Hải, ranh giới tạm thời giữa 2 miền Bắc Nam trong suốt hơn 20 năm ghi dấu những chiến công của quân và dân ta trong việc đấu tranh khôn khéo và anh dũng để bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc như địa đạo Vịnh Mốc, cầu Bến Hải, hàng rào Mc Namara ở cồn Tiên, Dốc Miếu, Khe Sanh, nghĩa trang Đường 9, nghĩa trang Trường Sơn, thành cổ Quảng Trị... Bất cứ khách du lịch nào, đặc biệt là các cựu chiến binh Việt Nam không ai có thể cảm lòng được khi đứng trước những ngôi mộ sắp thẳng hàng tại nghĩa trang Liệt sĩ Trường Sơn hay Nghĩa trang liệt sĩ Quốc gia đường 9.

### 3.3.2 Các địa bàn hoạt động du lịch chủ yếu

- Hệ thống di sản (tự nhiên và văn hóa), di tích lịch sử cách mạng.

- Cảnh quan thiên nhiên gắn với dãy Bắc Trường Sơn.

- Hệ sinh thái vườn quốc gia, đầm phá.

- Biển, đảo miền Trung.

- Bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số dọc theo miền Tây của vùng.

- Đường biên giới với các cửa khẩu quốc tế, chợ đường biên.

Các điểm tài nguyên nổi bật: Sầm Sơn, Thành nhà Hồ (Thanh Hóa); Kim Liên, Cửa Lò (Nghệ An); Ngã Ba Đồng Lộc, lưu niệm Nguyễn Du, Thiên Cầm (Hà Tĩnh), Phong Nha - Kẻ Bàng (Quảng Bình), Di tích chiến tranh chống Mỹ, đảo Côn Cỏ ở Quảng Trị; Cố đô Huế, Lăng Cô - Cảnh Dương, Bạch Mã (Thừa Thiên - Huế)...

### 3.3.3. Một vài khu du lịch tiêu biểu

- Nam Nghệ An - Bắc Hà Tĩnh gắn với Cửa Lò, Kim Liên, biển Thiên Cầm, cửa khẩu Cầu Treo, núi Hồng - sông Lam, Xuân Thành...

- Quảng Bình - Quảng Trị gắn với Phong Nha - Kẻ Bàng, biển Cửa Tùng - Cửa Việt, đảo Côn Cỏ, cửa khẩu Lao Bảo và hệ thống di tích chiến tranh chống Mỹ.

- Thừa Thiên - Huế gắn với hệ thống di sản văn hóa cố đô Huế và cảnh quan thiên nhiên Lăng Cô - Cảnh Dương, Bạch Mã, Tam Giang...

### 3.3.4. Hệ thống khu, điểm, đô thị du lịch

Cả cứ đặc điểm tài nguyên du lịch và thực tế nhu cầu phát triển, định hướng quy hoạch phát triển các khu du lịch quốc gia, điểm du lịch quốc gia và đô thị du lịch như sau:

\* 4 Khu du lịch quốc gia

1) Khu du lịch quốc gia Kim Liên

2) Khu du lịch quốc gia Thiên Cầm

3) Khu du lịch quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng

4) Khu du lịch quốc gia Lăng Cô - Cảnh Dương

#### \* 6 Điểm Du lịch quốc gia

- 1) Điểm du lịch quốc gia Thành Nhà Hồ
- 2) Điểm du lịch quốc gia Ngã Ba Đồng Lộc
- 3) Điểm du lịch quốc gia Lưu niệm Nguyễn Du
- 4) Điểm du lịch quốc gia TP. Đồng Hới
- 5) Điểm du lịch quốc gia thành cổ Quảng Trị
- 6) Điểm du lịch quốc gia Bạch Mã

#### \* 3 Đô thị du lịch: Sầm Sơn, Cửa Lò, Huế

Ngoài ra, chú trọng phát triển các điểm Bến En (Thanh Hóa), Pù Mát (Nghệ An), Ngã Ba Đồng Lộc (Hà Tĩnh), Đồng Hới (Quảng bình), Cồn Cỏ (Quảng Trị).v.v...

### **4. Vùng Du lịch Duyên hải Nam Trung Bộ**

#### **4.1. Khái quát vùng du lịch Duyên hải Nam Trung Bộ**

##### **4.1.1 Địa hình**

Vùng du lịch Duyên hải Nam Trung Bộ bao gồm các tỉnh Quảng Nam, thành phố Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận. Toàn vùng có diện tích phần đất liền là trên 41.000 km<sup>2</sup> dân số hơn 9 triệu người, mật độ trung bình khoảng gần 220 người/km<sup>2</sup>. Có thể dễ dàng nhận thấy rằng, vùng du lịch Duyên hải Nam Trung Bộ có vị trí địa lý kinh tế nói chung, vị trí địa lý du lịch nói riêng rất thuận lợi. Vùng du lịch Duyên hải Nam Trung Bộ tiếp giáp Đông Nam Bộ ở phía nam, có mối quan hệ mật thiết hữu cơ với Đông Nam Bộ về kinh tế nói chung, trong hoạt động du lịch nói riêng. Phía tây là Tây Nguyên, nơi có những nguồn tài nguyên du lịch khác biệt, sẽ là một đối tác thích hợp để liên kết đa dạng hóa sản phẩm du lịch. Vùng này như là chiếc cầu nối, là cửa ngõ ra biển của du lịch Tây Nguyên và của Lào, Campuchia, Thái Lan và ngược lại.

##### **4.1.2 Khí hậu**

Nằm ở phía Đông Trường Sơn và cao nguyên Tây Nguyên, khí hậu Duyên hải Nam Trung Bộ mang sắc thái á xích đạo. Tổng lượng nhiệt trong năm lớn, từ 2500 đến 3000 giờ nắng/năm, theo Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và



biên đổi khi hậu, năm 2014, Ninh Thuận là địa phương tổng số giờ nắng lớn nhất cả nước với giá trị là 2.965 giờ. Nhiệt độ trung bình năm toàn vùng là 27°C, biên độ nhiệt thấp. Lượng mưa tương đối thấp, trung bình khoảng 1200 mm, giảm dần từ tây sang đông, từ bắc vào nam. Ninh Thuận là tỉnh có lượng mưa thấp nhất, tổng lượng mưa cả năm 2014 thấp nhất cả nước với giá trị là 509 mm. Mùa mưa đến chậm, bắt đầu từ tháng 8 đến tháng 12, tập trung vào tháng 9 đến tháng 11. Vào thời gian này, thời tiết ở vùng chịu ảnh hưởng nhiều của gió phơn Tây Nam và các trận bão lớn. Nhìn chung, số giờ nắng cao, nhiệt độ trung bình cao, không có thời tiết lạnh, mưa đến muộn hơn, không rơi vào “mùa hè” của các tỉnh phía Bắc nên khí hậu ở đây có thể được coi là tài nguyên du lịch phù hợp với các hoạt động du lịch biển như tắm biển, khám phá biển đảo.

#### *4.1.3. Hệ thống giao thông*

Hệ thống giao thông đường bộ ở vùng khá phát triển. Khách du lịch có thể đến đây bằng ô tô, tàu hỏa, máy bay.

Mạng lưới đường ô tô khá dày, rất nhiều tuyến chạy ngang, nối vào QL1 về hai phía như QL14B, QL14E, QL24B, QL24, QL19, QL25, QL26, QL27, QL28, QL55, TL610, TL611, TL613, TL615, TL616, TL617, TL622, TL623, TL626, TL627, TL627, TL629, TL630, TL631...

Những tuyến ngang này chủ yếu đưa khách du lịch đi tham quan khám phá các địa bàn miền núi phía tây vùng và lên Tây Nguyên.

Nằm dọc tuyến đường sắt Bắc - Nam, gần các điểm du lịch lớn trong vùng đều có những ga chính.

Vùng có 5 sân bay là Đà Nẵng, Chu Lai, Tuy Hòa, Cam Ranh, Phù Cát. Sân bay quốc tế Đà Nẵng là sân bay lớn nhất của khu vực miền Trung - Tây Nguyên và lớn thứ ba của Việt Nam, sau sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất (Thành phố Hồ Chí Minh) và sân bay quốc tế Nội Bài (Hà Nội) với năng lực thông qua là 6 triệu hành khách/năm.

#### 4.1.4. Hệ thống đô thị

- 1 Thành phố trực thuộc Trung ương là Đà Nẵng.
- Các thành phố tỉnh lỵ: Tam Kỳ, Quảng Ngãi, Quy Nhơn, Tuy Hòa, Nha Trang, Tháp Chàm, Phan Thiết.

#### 4.1.5. Cửa khẩu biên giới và khu kinh tế cửa khẩu

- Đường không: Sân bay Đà Nẵng và sân bay Cam Ranh.
- Đường thủy: Đà Nẵng, Nha Trang...

### 4.2. Tài nguyên du lịch

#### 4.2.1. Tự nhiên

Khu vực này có địa hình rất đa dạng với đủ loại địa hình như núi cao, đồi, đồng bằng và dải cồn cát ven biển, các bãi biển. Sự phong phú của các dạng địa hình đã tăng thêm giá trị thẩm mỹ của cảnh quan thiên nhiên nơi đây. Đây là điều kiện hết sức thuận lợi thể ngành du lịch các tỉnh trong khu vực phát triển.

Dựa lưng vào Tây Nguyên, dọc theo chiều dài từ Bắc vào Nam, khách du lịch đi qua rất nhiều đèo do có nhiều dãy núi từ phía tây chạy thẳng ra biển, chia nhỏ phần duyên hải thành các đồng bằng nhỏ hẹp, tạo nên hàng loạt các bán đảo, các vũng vịnh và nhiều bãi biển đẹp. Những đèo này thường nằm sát biển, có tầm nhìn xa và cảnh quan đẹp nên cũng là những điểm dừng chân ngắm cảnh trong các tour dọc quốc lộ 1 như đèo Hải Vân, đèo Le (núi Hòn Tàu), đèo Bình Đê, đèo Cù Mông, đèo Cả, đèo Phú Cũ... Từ những đỉnh đèo này có thể thấy rõ những bán đảo, những vũng, vịnh, đầm phá dọc bờ biển như bán đảo Sơn Trà, bán đảo Phương Mai, bán đảo Đầm Môn, vịnh Đà Nẵng, vịnh Quy Nhơn, bán đảo Vĩnh Cữu, đầm Cù Mông, đầm Thị Nại, đầm Ô Loan, vịnh Vũng Rô, vịnh Vân Phong, vịnh Nha Phu, vịnh Nha Trang, vịnh Cam Ranh, vịnh Phan Rang, vịnh Phan Thiết... về phía tây, từ các tỉnh duyên hải lên Tây Nguyên cũng có nhiều đường đèo quanh co ngoạn mục như đèo Violet, đèo An Khê, đèo Khánh Lê (Hòn Giao), đèo Ngoạn Mục... Những đồng bằng miền Trung được hình thành liên quan đến quá trình biến tiến, biển lùi trong thế Holocene với các dấu tích mài mòn thành các bậc thềm rõ

rệt. Đi từ trong ra phía biển, địa hình thấp dần với các bậc 40 - 25m, 25 - 15m, 15 - 5m, 5 - 4m... Sóng biển và gió đã tạo thành những cồn cát di động dọc đường bờ và về phần mình, những cồn cát đã góp phần hình thành những đầm phá ở cửa sông ven biển. Nhiều bãi biển ven bờ Duyên hải miền Trung có đặc điểm cát trắng, mịn, có độ nghiêng nhỏ, nước biển trong xanh. Vùng duyên hải miền Trung có nhiều bãi biển có tên trong danh sách các bãi biển đẹp nhất Việt Nam được mô tả và khuyến cáo khách du lịch không nên bỏ lỡ khi đến Việt Nam như bãi biển Mỹ Khê, Tiên Sa, Sơn Trà, Non Nước (Đà Nẵng), Cửa Đại (Quảng Nam), Sa Huỳnh, Mỹ Khê (Quảng Ngãi), Bãi Bàu, Bãi Xếp, Bãi Nhôm (Bình Định), Long Thủy, Tuy Hòa (Phú Yên), Nha Trang, Dốc Lết, Đại Lãnh (Khánh Hòa), Ninh Chữ (Ninh Thuận), Mũi Né (Bình Thuận)... Theo trang báo điện tử VnExpress, bãi biển Mỹ Khê - Đà Nẵng đã được Tạp chí Forbes (Mỹ) bình chọn là 1 trong 6 bãi biển hấp dẫn nhất hành tinh. Trong khi đó lại có những bãi biển toàn cuội, sỏi, độ dốc lớn. Có thể kể tên một số bãi biển kiểu này như bãi Cà Ná (Ninh Thuận), bãi Hoàng Hậu (Bình Định)... Khách du lịch qua vùng duyên hải miền Trung không thể không nhắc đến một cảnh quan biển để lại ấn tượng rất đặc sắc là cảnh quan Gành Đá Đĩa (Phú Yên) và Cổng Tò Vò (Lý Sơn). Đây là những thành tạo do hiện tượng dung nham phun trào từ lòng đất, khi tiếp xúc với vỏ Trái Đất gặp nước biển đã ngưng kết thành những kết cấu đặc biệt. Do có nhiều vũng vịnh nên nhiều bãi tắm trên dọc duyên hải miền Trung có nước trong, sóng không lớn, cát mịn và khá sạch.

Một trong những loại tài nguyên du lịch tự nhiên cũng được ngành du lịch vùng khai thác khá hiệu quả là tài nguyên nước và bùn khoáng. Trong tương lai, các điểm nước khoáng, bùn khoáng này sẽ cung cấp những sản phẩm du lịch có giá trị không nhỏ vào thu nhập du lịch vùng. Tiêu biểu là các điểm khoáng Tháp Bà, trong 1- resort, khu du lịch Trăm Trứng (Khánh Hòa), Phước Nhơn (Đà Nẵng), Tây Viên (Quảng

Nam), Thạch Bích, Thạch Trụ, Nghĩa Thuận (Quảng Ngãi), Hội Vân (Bình Định); Phú Sen, Trà Ô, Lạc Sanh (Phú Yên); Nha Trang, Cam Ranh, Đánh Thạnh (Khánh Hòa); Tân Mỹ Á (Ninh Thuận); Vĩnh Hảo, DaKai (Bình Thuận)...

Trong vùng này có 2 VQG có những giá trị sinh học khá đặc thù, rất hấp dẫn khách du lịch là VQG Phước Bình và VQG Núi Chúa.

#### 4.2.2. Văn hóa

Đến vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, du khách không chỉ được nghỉ dưỡng tại các khu resort đẳng cấp quốc tế, khám phá sự quyến rũ của biển đảo mà còn có cơ hội tham quan, tìm hiểu những di tích văn hóa, lịch sử độc đáo như quần thể đền tháp Chăm-pa, thành cổ Trà Bàn, thành Trường Lũy. Đặc biệt, những di chỉ khảo cổ ở Sa Huỳnh đã chứng minh ngay từ thời kỳ đồ sắt, nơi đây đã có nền văn minh phát triển và những cư dân đầu tiên ở vùng đất này chính là tổ tiên của người Chăm.

Toàn vùng du lịch Duyên hải Nam Trung Bộ có trên 2.900 di tích lịch sử văn hóa, trong đó có 691 di tích cấp tỉnh, 187 di tích được công nhận cấp quốc gia và 4 di tích cấp quốc gia đặc biệt, 2 di sản thế giới. Phố cổ Hội An là ví dụ tiêu biểu về bảo tồn của một thương cảng tồn tại từ thế kỷ XV đến thế kỷ XIX. Kiến trúc nhà cửa và quy hoạch đường phố phản ánh những ảnh hưởng lẫn nhau, thể hiện sự kết hợp hài hòa giữa hai nền văn hóa bản địa và nước ngoài. Khu vực di sản thế giới đô thị cổ Hội An rộng chừng 30ha và có một vùng đệm lên đến 280ha. Đây đã từng là một thương cảng nhỏ nhưng có quan hệ thương mại rộng rãi, kết nối các nước trong khu vực Đông Nam Á, Đông Á và với phần còn lại của thế giới. Ở đây, khách du lịch có thể thấy được sự kết hợp hài hòa của các nền văn hóa bản địa và nước ngoài (chủ yếu là các vùng của Trung Quốc như Quảng Đông, Phúc Kiến, Triều Châu, Quỳnh Phủ cùng Nhật Bản, Pháp) để tạo ra một bức tranh văn hóa rất độc đáo. Cho đến nay, ở Hội An vẫn còn trên 1000 ngôi nhà cổ với khung gỗ, tường gạch liền kề bên nhau có dạng hình ống, mặt

trước là cửa hàng, mặt sau là kho chứa hàng hóa, liền kề với bờ sông. Những cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng tâm linh của các cộng đồng khác nhau được xây dựng xen kẽ nhau với nhiều đường nét hoa văn truyền thống như người Hoa có hội quán Quảng Đông, hội quán Dương Thương, hội quán Phước Kiến, hội quán Hải Nam, hội quán Triều Châu, người Việt có nhà thờ Tộc Trần, nhà thờ Tộc Nguyễn Trường, chùa Phước Khánh, chùa Long Tuyền, chùa Phước Lâm, Vạn Đức, Kim Bửu, Viên Giác,... Các di tích nhà cửa, chùa chiền, hội quán, đường phố ngày nay ở phố cổ Hội An hầu như còn nguyên vẹn và nguyên bản. Xét theo các tiêu chí di sản thế giới thì có thể thấy Hội An là một biểu hiện vật chất nổi bật của sự hòa hợp giữa các nền văn hóa kéo dài trong lịch sử tại một cảng thương mại quốc tế. Bên cạnh đó, Hội An còn là một ví dụ tiêu biểu về sự bảo tồn một thương cảng châu Á truyền thống, hiện vẫn còn giữ được hình dạng kiến trúc và quy hoạch ban đầu của nó với chức năng như là một thương cảng Đông Nam Á truyền thống.

Giữa thế kỷ thứ IV và thế kỷ thứ XIII, một nền văn hóa độc đáo có nguồn gốc Ấn Độ giáo đã phát triển ở vùng duyên hải miền Trung Việt Nam đương đại. Điều này được minh họa bằng hàng loạt các đền tháp nằm trong một vùng được coi là thủ đô tôn giáo và chính trị của vương quốc Chăm - pa trong hầu hết giai đoạn lịch sử tồn tại của nó. Thánh địa Mỹ Sơn nằm trong một thung lũng được bao bọc bởi những dãy núi cung cấp nước đầu nguồn cho sông Thu Bồn linh thiêng, kết nối những vùng đất thánh địa với kinh đô và cửa biển. Các ngôi đền tháp được xây dựng hơn mười thế kỷ phát triển liên tục tại vùng đất trung tâm trên quê hương của bộ tộc Dừa bởi vương triều Chăm - pa. Dưới ảnh hưởng của văn hóa Hindu, người ta đã xây dựng những công trình để tôn thờ các vị thần Hindu là Vishnu, Shilva và Krishna. Các ngôi đền tháp tượng trưng cho sự cao cả và độ tinh khiết của núi Meru, huyền thoại núi thiêng ở trung tâm của vũ trụ, nơi ở của các vị thần. Các

tháp được xây dựng bằng gạch nung, có những phù điêu bằng đá sa thạch, miêu tả các cảnh trong thần thoại Hindu. Các công trình ở Mỹ Sơn được xây dựng liên tục trong khoảng thời gian mười thế kỷ. Theo ủy ban Di sản Thế giới, thánh địa Mỹ Sơn là một bức tranh sinh động về đời sống tinh thần và chính trị trong một giai đoạn quan trọng của lịch sử Đông Nam Á. Căn cứ vào các tiêu chí của di sản thế giới, thánh địa Mỹ Sơn là một ví dụ tiêu biểu về giao lưu văn hóa, là kết quả của sự thích ứng của văn hóa bản địa với ảnh hưởng văn hóa từ bên ngoài, đặc biệt là nghệ thuật Ấn Độ giáo và kiến trúc của tiểu lục địa Ấn Độ. Ngoài ra, các di tích tháp Chăm ở Mỹ Sơn nói riêng, ở duyên hải Trung Bộ và Tây Nguyên nói chung là bằng chứng về sự tồn tại của một nền văn hóa Chăm - pa rực rỡ trên đất nước Việt Nam.

Có lẽ tháp Chăm là loại di tích mà khách du lịch gặp nhiều nhất khi đến tham quan du lịch vùng du lịch Duyên hải miền Trung. Không kể khu đền tháp Mỹ Sơn, đến tỉnh nào cũng có thể thấy tháp Chăm như tháp Đồi, tháp Bánh ít, tháp Dương Long, tháp Cánh Tiên, tháp Phú Lộc, tháp Bình Lâm, tháp Ponagar, tháp PoKlong Giarai, tháp Pô rô mê, tháp Pô sah Inu... Lịch sử xây dựng các đền tháp Chăm - pa kéo dài từ cuối thế kỷ thứ VII đến đầu thế kỷ XVII. Trong khoảng thời gian này, những người Chăm xưa đã để lại một số lượng lớn các công trình kiến trúc đền tháp, thành lũy, các tác phẩm điêu khắc. Hiện tại, có trên hai mươi cụm di tích kiến trúc đền tháp và rất nhiều phế tích kiến trúc. Các di tích này có giá trị đặc sắc, mang tính toàn cầu, xứng đáng nhận được sự quan tâm của cộng đồng quốc tế. Trong khu vực cũng có nhiều di tích lịch sử tôn giáo rất hấp dẫn khách du lịch bởi giá trị tôn giáo, giá trị văn hóa và lịch sử như chùa Linh Ứng, Chùa Thập Tháp (Thập Tháp Di Đà), chùa Sơn Long (chùa Hang), chùa Long Khánh, chùa Linh Phong, chùa Từ Quang, nhà thờ Chánh tòa Quy Nhơn, nhà thờ Măng Lăng... Ngoài ra còn có nhiều di tích có giá trị như các di tích Tây Sơn, từ đường Bùi Thị

Xuân, từ đường Võ Văn Dũng, bảo tàng Tây Sơn, mộ Đào Tấn, mộ nhà thơ Hàn Mặc Tử... cùng nhiều di tích lịch sử cách mạng khác.

Các công trình kiến trúc và công trình đương đại

Vùng có nhiều công trình kiến trúc và công trình đương đại có giá trị hấp dẫn khách du lịch. Đó là hầm Hải Vân - hầm đường bộ dài nhất Đông Nam Á (6,2km), hầm đường bộ Đèo Cả, cầu Thị Nại - cây cầu vượt biển dài nhất Việt Nam, cầu Sông Hàn - chiếc cầu quay duy nhất ở Việt Nam, cầu Rồng - cầu được thiết kế và xây dựng với hình dạng của một con rồng có khả năng phun lửa và phun nước, vòng quay Mặt Trời và công viên châu Á (Asia park), tổ hợp du lịch Bà Nà Hill (Đà Nẵng)....

Lễ hội

Một trong những lễ hội văn hóa truyền thống gắn liền với cuộc sống cư dân vùng biển là lễ hội thờ Cá voi, loài cá được ngư dân tôn là vị thần linh thiêng luôn che chở cho mọi người ngoài biển khơi. Các lễ cúng cá Ông, lễ nghinh ông, lễ hội cúng Bà,... diễn ra ở tất cả các tỉnh duyên hải miền Trung. Nhiều lễ hội ở đây diễn ra từ 3 đến 5 ngày liền, gắn với cuộc sống ở biển như lễ cầu ngư, lễ khao lề thế lính, lễ hội sông nước Tam Giang, lễ hội đằm Ô Loan, lễ hội Yên Sào... Tại các lễ hội này có các loại hình nghệ thuật diễn xướng dân gian, các trò chơi sôi động, hấp dẫn, như hát bội, hát bả trạo, bài chòi, hát hò khoan đối đáp, đua ghe, đấu vật, đua thuyền, thi nấu cơm, làm bánh... thu hút hàng ngàn người tham dự... Loại lễ hội thứ hai là lễ hội của người Chăm như lễ hội cầu mưa, lễ mở cửa tháp, lễ hội Ka tê, lễ hội Ramadan, lễ hội tháp bà Ponagar...

Làng nghề thủ công truyền thống và ẩm thực

Nghề thủ công truyền thống ở vùng du lịch Duyên hải Nam Trung Bộ có lịch sử phát triển từ lâu đời trên hầu hết các địa phương trong vùng và đã đưa ra thị trường nhiều sản phẩm không chỉ nổi danh trong nước mà cả nước ngoài. Các làng nghề tiêu biểu có giá trị khai thác du lịch như làng gốm Thanh Hà, làng đồng Phước Kiều, làng lụa Mã Châu, đèn lồng Hội

An, làng mộc Kim Bồng, làng rau Trà Quế (Quảng Nam)... Trà Quế là một trong những ví dụ điển hình của việc khai thác giá trị du lịch của các làng nghề ở Duyên hải Nam Trung Bộ. Đèn lồng Hội An, gốm Bàu Trúc cũng là những nơi khá thành công trong việc phát triển sản phẩm du lịch làng nghề.

Ẩm thực vùng du lịch Duyên hải Nam Trung Bộ có hương vị rất phong phú. Đỏ và nâu sậm là màu chủ đạo thấy ở các món ăn ở đây. So với các món ăn miền Bắc, các món ăn vùng này có nhiều vị hơn, nhưng nổi trội là vị đậm hơn, cay hơn. Các món ăn mà du khách thích thưởng thức khi đến tham quan du lịch vùng này là bánh tráng thịt heo Đà Nẵng, bún chả cá Bình Định, sò huyết Ô Loan (Tuy Hòa), cháo tôm hùm Bình Ba (Khánh Hòa), cháo cá Nức (Ninh Thuận), yến sào Hòn Nội (Khánh Hòa), mỳ Quảng, cao lầu phố Hội, cơm gà Tam Kỳ, bê thui Cầu Mống, nhông Ninh Thuận, Bình Thuận, bánh tráng Bình Định, bánh tráng Hòa Đa (Phú Yên), Phú Long (Bình Thuận)...

Theo dọc bờ biển Duyên hải Nam Trung Bộ, tỉnh nào cũng sản xuất được nước mắm ngon như nước mắm Nam Ô (Đà Nẵng), Gành Đỏ (Phú Yên), Nha Trang (Khánh Hòa), Cà Ná (Ninh Thuận), Phan Thiết (Bình Thuận). Ngoài ra khi đến các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ, khách du lịch thường tìm mua tỏi Lý Sơn, quế Trà Bồng (Quảng Ngãi), nho, táo (Ninh Thuận), thanh long (Bình Thuận), mạch nha, đường phôi, kẹo gương Tư Nghĩa (Quảng Ngãi), rượu nho Phan Rang, mật nho (Ninh Thuận)...

### ***4.3. Các sản phẩm du lịch đặc trưng và các địa bàn hoạt động chủ yếu***

#### ***4.3.1. Những sản phẩm du lịch cụ thể***

Là du lịch biển, đảo; du lịch tham quan di tích (hệ thống di sản) kết hợp du lịch nghiên cứu bản sắc văn hóa (văn hóa Chăm, các dân tộc thiểu số ở Đông Trường Sơn); du lịch MICE (các sự kiện lớn)

Loại hình sản phẩm du lịch phổ biến nhất trong khu vực là du lịch biển. Nhờ khí hậu ấm áp quanh năm nên các bãi biển luôn là địa chỉ thu hút khách du lịch trong và ngoài nước. Phát



huy thế mạnh du lịch biển, nhiều khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp đã ra đời như khu du lịch sinh thái Sơn Trà, Non nước, Purama... (Đà Nẵng), khu du lịch nghỉ dưỡng biển Phương Mai (Bình Định), khu du lịch nghỉ dưỡng biển vịnh Xuân Đài (Phú Yên), khu vui chơi giải trí Vinpearland, khu du lịch biển nghỉ dưỡng Bắc Cam Ranh (Khánh Hòa), khu du lịch nghỉ dưỡng biển Ninh Chữ (Ninh Thuận), khu du lịch nghỉ dưỡng biển Mũi Né (Bình Thuận)... Việc xây dựng các khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp là một trong những hướng đi lâu dài, góp phần tăng tỷ lệ quay lại của khách du lịch. Hiện nay, ngành du lịch các tỉnh vùng du lịch Duyên hải Nam Trung Bộ đang phấn đấu tạo dựng được hình ảnh du lịch ấn tượng, đẹp mắt trong lòng khách du lịch.

#### 4.3.2. Các địa bàn hoạt động du lịch chủ yếu

- Đà Nẵng - Quảng Nam gắn với Sơn Trà, Hải Vân, Hội An, Mỹ Sơn...

- Bình Định - Phú Yên - Khánh Hòa gắn với các bãi biển Phương Mai, Đầm Ô Loan, vịnh Nha Trang, Cam Ranh...

- Bình Thuận gắn với biển Mũi Né, đảo Phú Quý...

#### 4.3.4. Một vài khu du lịch tiêu biểu

Căn cứ đặc điểm tài nguyên du lịch và thực tế nhu cầu phát triển, định hướng quy hoạch phát triển các khu du lịch quốc gia, điểm du lịch quốc gia và đô thị du lịch như sau:

\* 9 Khu du lịch quốc gia:

- 1) Khu du lịch quốc gia Sơn Trà
- 2) Khu du lịch quốc gia Bà Nà
- 3) Khu du lịch quốc gia Cù Lao Chàm
- 4) Khu du lịch quốc gia Mỹ Khê
- 5) Khu du lịch quốc gia Phương Mai
- 6) Khu du lịch quốc gia Vịnh Xuân Đài
- 7) Khu du lịch quốc gia Bắc Cam Ranh
- 8) Khu du lịch quốc gia Ninh Chữ
- 9) Khu du lịch quốc gia Mũi Né

\* 7 Điểm du lịch quốc gia

- 1) Điểm du lịch quốc gia Ngũ Hành Sơn
- 2) Điểm du lịch quốc gia Hoàng Sa (Điểm dừng chân trên tuyến hàng hải quốc tế)
- 3) Điểm du lịch quốc gia Mỹ Sơn
- 4) Điểm du lịch quốc gia Lý Sơn
- 5) Điểm du lịch quốc gia Trường Lũy
- 6) Điểm du lịch quốc gia Trường Sa
- 7) Điểm du lịch quốc gia Phú Quý

\* 4 Đô thị du lịch: Đà Nẵng, Hội An, Nha Trang, Phan Thiết

## **5. Vùng Du lịch Tây Nguyên**

### **5.1. Khái quát vùng du lịch Tây Nguyên**

#### **5.1.1 Địa hình**

Vùng du lịch Tây Nguyên nằm phía tây vùng du lịch Duyên hải Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung bộ, phía nam giáp vùng du lịch Đông Nam Bộ, phía tây giáp Đông Nam Lào và Đông Bắc Campuchia. Vùng này bao gồm 5 tỉnh là Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng với tổng diện tích tự nhiên lên đến gần 55.000km<sup>2</sup> (chiếm 16,5% diện tích cả nước); dân số khoảng trên 5 triệu người (chiếm 6,0% dân số cả nước) mật độ dân số trung bình khoảng 95 người/km<sup>2</sup>. Đây là nơi cư trú của 46 tộc người anh em, trong đó trên 3,3 triệu là người Kinh, chiếm 64,7% dân số toàn vùng. Tiếp theo là người Gia - Rai, Ê - Đê, Ba - Na, Cơ - Ho, Nùng, Xơ - Đăng, Tày, Mnông...

Với vị trí địa lý tự nhiên, địa kinh tế, địa chính trị và địa văn hóa quan trọng, Tây Nguyên có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch. Tuy nhiên, cho đến nay, du lịch Tây Nguyên chủ yếu ở dạng tiềm năng, mới chỉ phát triển chủ yếu ở thành phố Đà Lạt và một số điểm khác.

#### **5.1.2 Khí hậu**

Với vị trí địa lý nằm ở vành đai khí hậu nhiệt đới, vùng du lịch Tây Nguyên có khí hậu nhiệt đới gió mùa với 2 mùa mưa và khô rõ rệt. Nhiệt độ trung bình hàng năm của toàn vùng là 24°C. Biên độ nhiệt năm chỉ từ 6 đến 10°C, trong khi đó biên

độ nhiệt ngày đêm khá cao (mùa khô từ 15 – 20°C, mùa mưa từ 10 – 15°C). Tuy nhiên, do địa hình phân hóa rõ rệt nên vùng này cũng có nhiều kiểu khí hậu khác nhau. Tuân theo quy luật phi địa đới nên có thể thấy rằng nền nhiệt phần phía bắc và phía nam thấp hơn nền nhiệt vùng trũng ở phần giữa. Nhìn chung nhiệt độ ở Tây Nguyên thấp hơn nhiệt độ các tỉnh lân cận 5 - 9°C. Điều này đã làm cho khí hậu ở Tây Nguyên, đặc biệt là ở các vùng cao như Đà Lạt đã trở thành một nguồn tài nguyên du lịch quý báu, góp phần làm cho các điểm này có tên trên bản đồ du lịch Việt Nam. Nhìn chung từ tháng 5 đến tháng 10, nhiệt độ không khí không quá cao, khá thích hợp đối với sức khỏe con người, song hầu hết lượng mưa trong năm lại tập trung vào thời gian này, đặc biệt vào tháng 8, tháng 9 nên gây khó khăn cho các hoạt động ngoài trời. Mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, nhiệt độ biến đổi lớn, từ 16 – 18°C vào đầu mùa lên đến 24 – 28°C vào cuối mùa. Vào thời gian này hầu như không có mưa, thảm thực vật xơ xác, hiện tượng cháy rừng rất dễ xảy ra, gây nguy hiểm cho tính mạng khách du lịch.

### *5.1.3. Hệ thống giao thông*

Vận tải đường bộ hiện đóng vai trò quan trọng tại Tây Nguyên. Theo Quy hoạch phát triển giao thông vận tải đường bộ Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 cho đến nay, mạng lưới giao thông đường ô tô ở Tây Nguyên khá phát triển với tổng chiều dài khoảng 32.220km. Trong đó, quốc lộ khoảng 2.100km, gồm hai trục dọc đường Hồ Chí Minh và Quốc lộ 14 chạy dọc biên giới và các trục ngang, gồm các quốc lộ 19, 20, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 40, 40B, 55. Toàn vùng có khoảng 2.030km tỉnh lộ và khoảng 25.600km đường giao thông nông thôn. Mạng lưới đường ô tô phát triển đã giúp cho vùng du lịch Tây Nguyên gắn kết với các vùng, các trung tâm du lịch khác trong cả nước được thuận tiện. Đường 19, 24, 25 và 27 nối Tây Nguyên với vùng du lịch Duyên hải Nam Trung Bộ, Đường 14 và đường 20 nối Tây Nguyên với Đông Nam Bộ. Tây Nguyên còn có các tuyến

đường ô tô kết nối với Lào và Campuchia qua các cửa khẩu quan trọng của vùng là Bờ Y (QL40 - Kon Tum), Lệ Thanh (QL19 - Gia Lai), Bù Drang (TL 686 - Đăk Nông).

Toàn vùng hiện có 3 sân bay nội địa có đường bay đến các trung tâm du lịch lớn của cả nước là sân bay Buôn Mê Thuật (Đăk - Lăk), sân bay Pleiku (Gia Lai) và sân bay Liên Khương (Lâm Đồng).

#### *4.1.4. Hệ thống đô thị*

- 1 Thành phố trực thuộc Trung ương là Buôn Ma Thuật .
- Các thành phố tỉnh lỵ: các thành phố Kom Tum, Pleicu, Đà Lạt và thị xã Gia Nghĩa.

#### *4.1.5. Cửa khẩu biên giới và khu kinh tế cửa khẩu*

- Đường hàng không: Sân bay Buôn Mê Thuật, Liên Khương, Pleicu.

## **5.2. Tài nguyên du lịch**

### *5.2.1. Tự nhiên*

Tây Nguyên có địa hình đa dạng, phong phú. Thực chất, Tây Nguyên không phải là một cao nguyên duy nhất mà là một loạt cao nguyên liền kề. Đó là các cao nguyên Kon Tum cao khoảng 500m, cao nguyên Kon Plông, cao nguyên Kon Hà Nừng, cao nguyên Pleiku cao khoảng 800m, cao nguyên M'Đrăk cao khoảng 500m, cao nguyên Buôn Ma Thuật cao khoảng 500m, cao nguyên Mơ Nông cao khoảng 800 - 1000m, cao nguyên Lâm Viên cao khoảng 1500m và cao nguyên Di Linh cao khoảng 900-1000m. Tất cả các cao nguyên này đều được bao bọc về phía đông bởi những dãy núi và khối núi cao của dãy Trường Sơn Nam. Ở giữa hai vùng cao nguyên phía bắc và phía nam là hai đồng bằng sông Sê – rê - póc về phía tây và đồng bằng sông Ba ở phía đông. Sự đa dạng của địa hình đã tạo nên nhiều cảnh quan ngoạn mục thu hút khách du lịch, đặc biệt là khách du lịch ưa khám phá, mạo hiểm. Do Tây Nguyên nằm liền kề vùng du lịch Duyên hải Nam Trung Bộ và Đông Nam Bộ nên các tuyến đường kết nối Tây Nguyên với hai khu vực này có nhiều đèo dốc với những phong cảnh rất

đẹp. Khi đi qua những đèo này, khách du lịch vừa có cảm giác sợ hãi, vừa có cảm giác thích thú vì đã có dịp chinh phục những cung đường tuy rất nguy hiểm song cũng rất đẹp, thi vị vì cảnh quan khá hoang sơ. Đó là tâm trạng chung của khách khi đi qua đèo Bảo Lộc, đèo Prenn (Lâm Đồng), đèo Lò Xo (Kon Tum), đèo Phượng Hoàng (Đắk Lắk), đèo An Khê (Gia Lai)... Một trong những đường đèo đẹp nổi tiếng từ thời xa xưa là đèo Ngoạn Mục nối Phan Rang - Tháp Chàm với Đà Lạt.

Tây Nguyên cũng có nhiều núi cao hiểm trở như Ngọc Linh (cao 2.598m), đỉnh Bidoup Núi Bà (2.287m), trên dãy Lang Biang có Núi Ong cao 2.124m, Núi Bà cao 2.167m... Với địa hình núi cao, độ dốc lớn nên ở đây có thể tổ chức các loại hình du lịch mạo hiểm, khám phá, trekking...

### 5.2.2. Văn hóa

Toàn vùng du lịch Tây Nguyên có gần 450 di tích lịch sử văn hóa, trong đó có 26 di tích cấp tỉnh, 59 di tích được công nhận cấp quốc gia và 2 di tích cấp quốc gia đặc biệt. Hai di tích cấp quốc gia đặc biệt trong khu vực là di chỉ khảo cổ “Thánh địa Cát Tiên” và Đường mòn Hồ Chí Minh. Tuy đây là hai di tích rất quan trọng, song cho đến nay việc nghiên cứu tìm hiểu để làm rõ giá trị của hai di tích này còn rất hạn chế nên hầu như chưa được khai thác phục vụ du lịch một cách rộng rãi. Khi nói về tài nguyên du lịch văn hóa Tây Nguyên, mọi người nhớ ngay đến Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên, một di sản đã được UNESCO đưa vào danh sách kiệt tác văn hóa phi vật thể và truyền khẩu của nhân loại. Không gian này trải rộng suốt 5 tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng và chủ nhân của loại hình văn hóa đặc sắc này là cư dân các cộng đồng Tây Nguyên: Ba - na, Xê - đăng, Mnông, Cơ - ho, Rơ - măm, Ê - đê, Gia - rai...cồng chiêng gắn bó mật thiết với cuộc sống của người Tây Nguyên, là tiếng nói của tâm linh, tâm hồn con người, để diễn tả niềm vui, nỗi buồn trong cuộc sống, trong lao động và sinh hoạt hàng ngày của họ.

Trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, Tây Nguyên là nơi giặc cho xây dựng những nhà tù khét tiếng để giam cầm các chiến sỹ cách mạng như nhà tù Pleiku, nhà đày Buôn Ma Thuột, ngục Kon Tum. Cũng trong thời gian này, nhiều bản làng Tây Nguyên đã từng là căn cứ cách mạng hoặc nổi tiếng vì những chiến công vang lừng mà ngày nay khách du lịch có thể được ôn lại khi đến thăm các làng kháng chiến Stor, chiến địa Plei Me; căn cứ cách mạng Kon Hà Nừng, di tích NTrang Guh, NTrang Long... Ngày nay để bảo tồn những giá trị văn hóa của các tộc người thiểu số, nhiều làng văn hóa đã được ra đời. Đây cũng là những điểm đến hấp dẫn cho khách du lịch muốn tìm hiểu sâu hơn về văn hóa Tây Nguyên. Đó là làng văn hóa Đăk Răng, Bản Đôn, Buôn M'liêng, Kon Klor, BuônGo - Cát Tiên, khu du lịch văn hóa dân tộc Xơ - đăng, khu du lịch văn hóa dân tộc Giẻ -Triêng...

Một nét kiến trúc đặc trưng của đời sống văn hóa Tây Nguyên là nhà rông. Đây là một kiểu nhà sàn đặc trưng, có chức năng cộng đồng, dùng làm nơi tập hợp, trao đổi, thảo luận, tổ chức các sự kiện trọng đại, là nơi lưu giữ các hiện vật truyền thống như công, chiêng, trống, vũ khí, đầu các con vật hiến sinh trong các ngày lễ của dân làng người Gia - rai, Ba - na... ở Tây Nguyên. Nhà rông được xây dựng chủ yếu bằng các vật liệu của chính núi rừng như cỏ tranh, tre, gỗ, lồ ô... và được xây cất trên một khoảng đất rộng, nằm ngay tại khu vực trung tâm của buôn. Nhà rông của mỗi dân tộc đều có những nét riêng trong kiến trúc, tạo dáng, trang trí hoa văn. Ngoài ra, đến Tây Nguyên, khách du lịch còn được giới thiệu về những công trình kiến trúc khá đặc sắc và có giá trị thẩm mỹ cao như Dinh 3 (biệt điện Bảo Đại), biệt thự Hằng Nga (ngôi nhà điên), nhà ga Đà Lạt, Nhà thờ Domaine de Marie, nhà thờ gỗ Kontum, tòa giám mục Đăk Lăk, thiền viện Trúc Lâm, chùa sắc Tứ Khải Đoan, chùa Linh Phước (chùa Ve Chai), đình Lạc Giao... Phần nhiều các kiến trúc này, nhất là ở Đà Lạt mang phong cách kiến trúc

Pháp và nhiều công trình cho đến nay vẫn giữ được giá trị nguyên bản của nó.

### Lễ hội

Lễ hội truyền thống của các cộng đồng cư dân ở Tây Nguyên gắn với cuộc sống nương rẫy và hơi thở của núi rừng. Do tín ngưỡng đa thần nên bất cứ điều gì liên quan đến sản xuất và đời sống con người, đều phải có sự cầu xin các vị thần linh như cúng Trời, lễ khấn tạ lúa, lễ cúng bên nước... Điều đó lý giải tại sao ở Tây Nguyên có rất nhiều lễ hội đến như vậy. Lễ hội phổ biến nhất là các lễ hội liên quan đến canh tác nông nghiệp và đi rừng: lễ cúng bên nước, lễ mở cửa rừng, lễ mừng cơm mới... Các lễ hội Tây Nguyên tiêu biểu là lễ hội mừng được mùa, lễ hội bỏ mả và lễ hội đua voi Đắk Lắk.

Đối với người dân, mùa gặt là thời kì mong đợi nhất trong năm. Sau những ngày thiếu thốn, những bát cơm mới là thứ để người dân dâng lên cúng Giàng, để chia vui với cộng đồng. Hầu hết các địa phương ở vùng đất Tây Nguyên sau mùa thu hoạch đều tổ chức lễ mừng lúa mới mặc dù tên gọi có khác nhau. Người Brâu gọi là lễ mừng lúa mới (chongobonh'lu), người Giẻ-Triêng làm lễ hội Cha Kcha (ăn than); người Xơ - đăng tổ chức lễ M'nê (Tạ ơn), người Mạ gọi là lễ mừng lúa mới hay lễ ăn cơm mới (Du rê)... Cách tổ chức không diễn ra đồng loạt mà tuần tự hết nhà này sang nhà khác trong buôn làng, theo một trật tự đã thỏa thuận trước. Việc tổ chức lễ ăn mừng lớn hay nhỏ tùy thuộc vào khả năng thu hoạch được nhiều hay ít của từng gia đình và cũng theo đó mà thời gian có thể kéo dài một hay nhiều ngày. Đây cũng là dịp để gia chủ mời bà con, họ hàng, bạn bè các buôn lân cận cùng đến vui chơi, ăn uống, múa hát. Nhà nào có đông khách coi như là niềm vinh dự. Vì thế, ngoài việc cúng thần, hồn lúa và cúng tổ tiên cùng với việc cầu mong sức khỏe cho gia đình, người ta còn đánh cồng, chiêng, trống, vui chơi ca hát suốt nhiều ngày đêm liền. Có lẽ lễ mừng lúa mới của các tộc người Gia - rai và

Ba - na là kéo dài nhất, thường được tổ chức từ tháng 11 dương lịch năm trước đến tháng Giêng năm sau!

Lễ bỏ mả là lễ hội mang tính đặc trưng của đồng bào Tây Nguyên. Thông thường, lễ Bỏ Mả diễn ra từ tháng 1 đến tháng 4 hàng năm, sau khi thu hoạch vụ mùa xong, thời tiết mát mẻ, hoa rừng nở rộ. Những ngày này, thóc lúa trên nương đã cất đầy kho, men rượu đã ủ chín, người dân trong làng bắt đầu vào mùa lễ hội. Lễ bỏ mả là một lễ hội rất quan trọng của người người thiểu số ở Tây Nguyên (Ê - đê, Gia - rai, Ba - na...) mang tính tang lễ mà người sống tổ chức để từ biệt người chết, “tiễn” người chết về nơi cư trú vĩnh viễn (làng ma). Tại đây, các sắc thái văn hóa lẫn các loại hình nghệ thuật truyền thống đậm chất sử thi sẽ được thể hiện như: hiến tế bằng súc vật, lễ cúng và chia của cải cho người đã khuất, trình diễn âm nhạc, múa hát...

Đua Voi là một trong những lễ hội văn hóa truyền thống các dân tộc tỉnh Đắk Lắk được tổ chức vào tháng 3 âm lịch, thời điểm mọi người chưa phải bận rộn với công việc nương rẫy. Đây là một trong những lễ hội truyền thống quan trọng nhất của người vùng cao Tây Nguyên. Hội Đua Voi nhằm tôn vinh tinh thần thượng võ và tài nghệ thuần dưỡng voi của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên. Ngày nay, lễ hội này đã trở thành một sản phẩm nổi tiếng của vùng du lịch Tây Nguyên. Trong lễ hội, bên cạnh việc được hòa mình trong không khí sôi động rất đặc trưng của người Tây Nguyên, khách du lịch còn được thưởng thức ẩm thực độc đáo như gà nướng bản Đôn, thịt nai, thịt bò nướng ống, nướng đá... cùng với các loại rượu cần, rượu Amakong nổi tiếng...

Ngoài các lễ hội truyền thống, ngày nay, dựa vào đặc trưng của tài nguyên tự nhiên cũng như tài nguyên văn hóa, ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch các tỉnh Tây Nguyên còn tổ chức các lễ hội hiện đại (festival) thu hút hàng trăm ngàn khách du lịch đến từ mọi miền. Tiêu biểu là festival Hoa Đà Lạt, lễ hội ngành thêu, lễ hội văn hóa Trà Bảo Lộc, lễ hội Cà



phê Buôn Ma Thuật... Những lễ hội này không chỉ nhằm thu hút khách du lịch mà còn là dịp để tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu những sản vật đặc trưng của địa phương ra thị trường cả nước cũng như quốc tế.

### **5.3. Các sản phẩm du lịch đặc trưng và các địa bàn hoạt động chủ yếu**

#### **5.3.1. Những sản phẩm du lịch cụ thể**

Du lịch văn hóa Tây Nguyên; tham quan tìm hiểu bản sắc văn hóa các dân tộc Tây Nguyên; nghỉ dưỡng núi; tham quan nghiên cứu hệ sinh thái cao nguyên gắn với các sản vật hoa, cà phê, voi; du lịch biên giới gắn với cửa khẩu và tam giác phát triển

#### **5.3.2 Các địa bàn hoạt động du lịch chủ yếu**

- TP. Đà Lạt gắn với hồ Tuyên Lâm, Đan Kia - Suối Vàng.
- Đắk Lắk gắn với vườn quốc gia Yokđôn và không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên.
- Gia Lai - Kon Tum gắn với cửa khẩu quốc tế Bờ Y, Măng Đen, Yaly.

#### **5.3.4. Một vài khu du lịch tiêu biểu**

Căn cứ đặc điểm tài nguyên du lịch và thực tế nhu cầu phát triển, định hướng quy hoạch phát triển các khu du lịch quốc gia, điểm du lịch quốc gia và đô thị du lịch như sau:

##### **\* 4 Khu du lịch quốc gia**

- 1) Khu du lịch quốc gia Măng Đen
- 2) Khu du lịch quốc gia Tuyên Lâm
- 3) Khu du lịch quốc gia Đan Kia - Suối Vàng
- 4) Khu du lịch quốc gia Yokđôn

##### **\* 4 Điểm du lịch quốc gia**

- 1) Điểm du lịch quốc gia Ngã ba Đông Dương
- 2) Điểm du lịch quốc gia Hồ Ya Ly
- 3) Điểm du lịch quốc gia Hồ Lắk
- 4) Điểm du lịch quốc gia Thị xã Gia Nghĩa

##### **\* 1 Đô thị du lịch: Đà Lạt**

Ngoài ra chú trọng phát triển du lịch tại các điểm như cụm di tích đèo An Khê (Gia Lai), TP. Buôn Mê Thuột và phụ cận (Đăk Lăk).

## **6. Vùng du lịch Đông Nam Bộ**

### **6.1. Khái quát vùng du lịch Đông Nam Bộ**

#### *6.1.1 Địa hình*

Đông Nam Bộ nằm trên vùng đồng bằng và bình nguyên rộng, chuyển tiếp từ cao nguyên Nam Trung Bộ đến Đồng bằng sông Cửu Long. Độ cao địa hình thay đổi từ 200 đến 200 mét, rải rác có một vài ngọn núi trẻ. Nhìn chung địa hình của vùng tạo thuận lợi cho phát triển nông nghiệp, phát triển công nghiệp và đô thị, xây dựng hệ thống giao thông vận tải,...

Bao gồm TP. Hồ Chí Minh và 5 tỉnh: Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Phước, Tây Ninh gắn với vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và hành lang du lịch xuyên Á.

Diện tích: 23.605 km<sup>2</sup>. Dân số khoảng 13 nghìn người; mật độ: 544 người/ km<sup>2</sup>

Vùng Đông Nam Bộ là cửa ngõ phía Bắc của TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh ven biển miền Đông Nam Bộ với Campuchia, là mở đầu của hành lang du lịch xuyên Á, giữ vai trò quan trọng đối với du lịch Việt Nam.

#### *6.1.2. Khí hậu*

Nam Bộ nằm trong vùng đặc trưng của khí hậu nhiệt đới gió mùa và cận xích đạo, nền nhiệt ẩm phong phú, ánh nắng dồi dào, thời gian bức xạ dài, nhiệt độ và tổng tích ôn cao. Biên độ nhiệt ngày đêm giữa các tháng trong năm thấp và ôn hòa. Độ ẩm trung bình hàng năm khoảng từ 80 - 82%. Khí hậu hình thành trên hai mùa chủ yếu quanh năm là mùa khô và mùa mưa. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11, mùa khô từ tháng 12 tới tháng 4. Lượng mưa hàng năm dao động từ 966 - 1325mm và góp trên 70 - 82% tổng lượng mưa trong suốt cả năm. Mưa phân bố không đều, giảm dần từ khu vực giáp ranh từ Thành phố Hồ Chí Minh xuống khu vực phía tây và Tây Nam. Điều kiện khí hậu vùng Đông Nam Bộ hoàn toàn phù

hợp cho các loại hình du lịch ngoài trời, đặc biệt là du lịch biển (tắm biển, thể thao biển, khám phá đại dương...)

### **6.1.3. Hệ thống giao thông**

Đông Nam Bộ kết nối với các điểm gửi khách trong các vùng khác và các nước khác thông qua mạng lưới giao thông được đánh giá là phát triển nhất so với các vùng du lịch khác, ở đây có đầy đủ 4 hệ thống đường ô tô, đường sắt, đường thủy và đường hàng không. Hệ thống giao thông đường ô tô có QL 1A, 13, 22, 22B, 51, đường Hồ Chí Minh. Hệ thống giao thông đường sắt có tuyến đường sắt Bắc Nam nối từ thành phố Hồ Chí Minh với các tỉnh phía bắc vùng. Vùng du lịch Đông Nam Bộ có các sông lớn như hệ thống sông Đồng Nai, sông Sài Gòn, sông Thị Vải, có thể phát triển tốt các loại hình du lịch đường thủy đến các điểm du lịch trong Vùng.

Cảng Hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất hiện là Cảng Hàng không nhộn nhịp nhất và có sản lượng vận chuyển cao nhất cả nước. Cảng Hàng không Côn Đảo chủ yếu phục vụ tiếp nhận khách du lịch đến từ hai điểm gửi khách chính là thành phố Hồ Chí Minh và Cần Thơ đến tham quan và du lịch Côn Đảo.

### **6.1.3. Hệ thống đô thị**

Gồm Thành phố Hồ Chí Minh, Vũng Tàu, Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Đồng Xoài, Tây Ninh

## **6.2. Tài nguyên du lịch**

### **6.2.1. Tự nhiên**

Vùng du lịch Đông Nam Bộ về cơ bản là một vùng chuyển tiếp giữa cao nguyên ở phía đông bắc và đồng bằng miền Tây ở phía nam. Địa hình có những gò đồi lượn sóng với độ cao trung bình chỉ từ 20 đến 200m. Phía đông bắc có độ cao từ 200 - 500m với đỉnh là núi Bà Rá cao 736m, vùng tiếp theo có độ cao từ 20 đến 200m từ phía bắc hồ Dầu Tiếng đến phía Bắc Bà Rịa. Nơi đây có núi Chứa Chan cao 839m, Phần còn lại là đồng bằng phía tây nam, giáp Vùng du lịch Tây Nam Bộ với núi Bà Đen (986m) ở phía bắc và núi Dinh (491m) ở phía nam. Có 2 địa phương giáp biển là thành phố Hồ Chí Minh và

tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với gần 120km đường bờ, trong đó có nhiều bãi biển đẹp và một vùng đất ngập mặn ven biển. Ngoài khơi Vùng du lịch Đông Nam Bộ còn có quần đảo Côn Lôn và đảo Long Sơn. Trong vùng du lịch Đông Nam Bộ có 2 hồ lớn được khách du lịch liệt vào danh sách các hồ đẹp nhất Việt Nam là hồ Trị An và hồ Dầu Tiếng.

Hồ Trị An là một hồ nước nhân tạo, nằm trên dòng sông Đồng Nai, thuộc tỉnh Đồng Nai, hồ là nơi chứa nước cung cấp cho nhà máy thủy điện Trị An. Hồ Trị An có vẻ đẹp sơn thủy hữu tình của nước, của cây xanh và những hòn đảo nhỏ. Một chuyến khám phá phong cảnh lòng hồ trên thuyền với các sản vật như cá lăng, cá chuột để lại cho khách du lịch nhiều trải nghiệm lý thú.

Với 270 km<sup>2</sup> - diện tích, hồ Dầu Tiếng ở Tây Ninh là một trong những hồ nước nhân tạo lớn nhất Việt Nam. Mặt hồ Dầu Tiếng quanh năm xanh biếc, phẳng lặng, ven hồ là những thảm cỏ mượt mà, những vật hoa khoe sắc thắm. Lòng hồ có nhiều đảo lớn nhỏ như đảo Xỉn, đảo Trắng, đảo Đồng Bò... tạo nên một bức tranh thủy mặc nên thơ và hữu tình trong mắt của khách du lịch.

Vùng Đông Nam Bộ có 4 VQG là VQG Cát Tiên, VQG Bù Gia Mập, VQG Lò Gò Xa Mát, VQG Côn Đảo.

### 6.2.2. Văn hóa

#### Dí tích lịch sử văn hóa

Toàn vùng du lịch Đông Nam Bộ có trên 1.200 di tích lịch sử văn hóa, trong đó có 221 di tích cấp tỉnh, 153 di tích được công nhận cấp quốc gia và 8 di tích cấp quốc gia đặc biệt. Khi đến Đông Nam Bộ, khách du lịch thường đến thăm các di tích lịch sử cách mạng, di tích kiến trúc nghệ thuật tôn giáo, các công trình đương đại, bảo tàng và các khu vui chơi giải trí... Có thể kể tên một vài di tích lịch sử cách mạng nổi tiếng như di tích nhà tù Côn Đảo (Bà Rịa - Vũng Tàu), di tích địa đạo Củ Chi, di tích Dinh Độc lập (thành phố Hồ Chí Minh), di tích Bù Đăng, Bù

Đóp, Sóc Bom Bo, căn cứ Tà Thiết (Bình Phước), di tích cách mạng Trung ương Cục miền Nam (Tây Ninh).

Nhà tù Côn Đảo là tên gọi khu trại giam do chính quyền ngụy cùng Pháp, Mỹ xây dựng để giam cầm, tra tấn các chiến sỹ cách mạng và những người tham gia chống Pháp, Mỹ trong những năm chiến tranh từ năm 1940 đến 1975. Trong khu trại giam này có những khu biệt giam như chuồng cọp, phòng tắm nắng, chuồng bò... Khu “Chuồng Cọp” là nơi biệt giam khắc nghiệt nhất. Tù nhân ở đây bị giam trong những căn phòng chỉ rộng 5m<sup>2</sup>, không có giường nằm. Người tù bị cùm chân và phải nằm dưới nền xi măng âm thấp, điều kiện vệ sinh và ăn uống rất kém, thường xuyên bị tra tấn để hỏi cung. Khu chuồng bò có gian phân bò là nơi chúng bắt tù nhân ngâm mình trong phân bò. Phòng tắm nắng là khu chúng bắt tù nhân phơi mình ngoài nắng nóng hàng nhiều giờ liền...

Địa đạo Củ Chi là một hệ thống phòng thủ trong lòng đất ở huyện Củ Chi, được đào đầu tiên từ khoảng những năm 1946-1948 và tiếp tục đào bổ sung trong những năm kháng chiến chống Mỹ với tổng chiều dài lên đến ước chừng 250km. Trong kháng chiến chống Mỹ, với hệ thống “nhà ở”, “trạm xá”, “hội trường”... địa đạo Củ Chi đã từng là nơi sinh sống, làm việc và chiến đấu của rất nhiều chiến sỹ và nhân dân. Hiện nay địa đạo Củ Chi còn khoảng 120km được bảo vệ và đã trở thành một điểm du lịch hấp dẫn đối với khách du lịch trong và ngoài nước khi có dịp đến thăm Thành phố Hồ Chí Minh.

Dinh Độc lập là di tích ở trung tâm thành phố Hồ Chí Minh. Nơi đây đã từng là nơi ở và làm việc của tổng thống chính quyền Sài Gòn trước giải phóng 1975 và cũng là nơi chứng kiến thời khắc lịch sử đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của chính quyền Sài Gòn 30/4/1975.

Các di tích kiến trúc nghệ thuật và tôn giáo có chùa Vĩnh Nghiêm, chùa Ngọc Hoàng, nhà thờ Đức Bà, tượng chúa Kito, chùa Bà Thiên Hậu (thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương)... Nhà

thờ chính tòa Đức Bà Sài Gòn hay còn gọi tắt là nhà thờ Đức Bà. Công trình này được mô phỏng nhà thờ Đức Bà Paris - Pháp. Nguyên liệu xây dựng nhà thờ được nhập hoàn toàn từ Pháp.

Chùa Bà Thiên Hậu nằm trên con đường Nguyễn Trãi (quận 5) lúc nào cũng tấp nập xe qua lại, chùa Bà Thiên Hậu là một trong những ngôi chùa nổi tiếng, có tầm ảnh hưởng quan trọng đối với đời sống và văn hóa của người Hoa sinh sống tại Sài Gòn từ rất lâu nay. Chùa đã được công nhận là Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia vào năm 1993. Ngày nay, chùa Bà Thiên Hậu là một trong những nơi sinh hoạt văn hóa tinh thần đối với nhiều người Hoa ở Sài Gòn và các vùng lân cận. Không những thế, ngôi chùa được xem là một công trình kiến trúc có giá trị cao về mặt kỹ thuật, mỹ thuật, thu hút đông đảo du khách trong và ngoài nước đến chiêm bái.

Chùa Ngọc Hoàng được xây dựng từ năm 1892 đến năm 1900, chùa Ngọc Hoàng tọa lạc trên diện tích hơn 2.000. Xưa nay ngôi chùa nổi tiếng là nơi chiêm bái cho việc làm ăn thuận lợi, bình an, phước đức và đặc biệt là cầu con. Năm 1984, chùa đổi tên thành Phước Hải Tự và được công nhận là di sản kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia vào năm 1994. Mới đây, tháng 5/2016 ngôi chùa còn được Tổng thống Mỹ Barack Obama ghé tới nhân chuyến thăm Việt Nam. Ngôi chùa càng được chú ý hơn về không gian kiến trúc lẫn sự linh thiêng.

Chùa Vĩnh Nghiêm, quận 3, TP. Hồ Chí Minh đây là một trong những ngôi chùa có kiến trúc đẹp và linh thiêng của Sài Gòn.

Công trình kiến trúc tiêu biểu

Những điểm như chợ Bến Thành, Bưu điện Thành phố, Nhà hát Thành phố, Tòa nhà Bitexco, Hàm Thủ Thiêm... cũng là những điểm du lịch thu hút nhiều khách.

Chợ Bến Thành là một trong những ngôi chợ nổi tiếng và tiêu biểu của Sài Gòn. Hàng hóa ở đây rất đa dạng, chất lượng. Tuy nhiên, phần lớn khách đến đây là người nước ngoài nên giá khá cao.

Bưu điện trung tâm Sài Gòn là một trong những công trình kiến trúc tiêu biểu của TP. Hồ Chí Minh, tọa lạc tại số 2, Công trường Công xã Paris, Quận 1. Đây là tòa nhà được người Pháp xây dựng theo thiết kế của kiến trúc sư Villedieu. Công trình kiến trúc mang phong cách châu Âu kết hợp với nét trang trí châu Á.

Nhà hát Thành phố nằm ở cuối đường Lê Lợi (quận 1, thành phố Hồ Chí Minh), được xây dựng vào năm 1897 theo phong cách kiến trúc tân cổ điển. Nhà hát có kiến trúc cổ kính, uy nghi với một trệt, hai tầng lầu, 1.800 ghế, hệ thống âm thanh ánh sáng hiện đại.

Với hình búp sen ấn tượng, tòa tháp tài chính Bitexco của Việt Nam đứng thứ 5 trong danh sách 20 những tòa tháp chọc trời ấn tượng nhất thế giới do Kênh Văn hóa Du lịch CNNGo của hãng tin CNN bình chọn. Tòa tháp tài chính Bitexco có độ cao 262m gồm 68 tầng. Được lấy cảm hứng từ hình dáng quốc hoa - búp sen hé nở, tòa tháp Bitexco Pinacial được thiết kế để tượng trưng cho sức sống và khát vọng của người Việt. Nhìn từ xa, tòa nhà vươn cao như hình cánh hoa tạo thành một tổng thể kiến trúc thanh thoát. Kết hợp với hình khối của tòa tháp, sân đồ trực thăng được ví như hình ảnh búp sen đang hé nở. Không chỉ độc đáo về thiết kế kiến trúc, dự án được ứng dụng phương pháp xây dựng tiên tiến nhất và các loại vật liệu hiện đại nhất. Đặc biệt, hệ thống tường kính được sử dụng để đảm bảo hiệu quả cao về công năng sử dụng theo tiêu chí “thiết kế thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng”.

Khu vui chơi giải trí

Một điểm nổi bật và khá khác biệt của vùng du lịch Đông Nam Bộ so với các vùng khác trong cả nước là ở đây có khá nhiều khu vui chơi giải trí như Công viên Văn hóa Đầm Sen, Khu Du lịch Văn hóa Suối Tiên, Thảo cầm Viên, Lạc cảnh Đại Nam Văn Hiến...

Lễ hội

Ngoài các lễ hội chung của cả nước, vùng du lịch Đông Nam Bộ có khá nhiều lễ hội tôn giáo, tín ngưỡng đặc trưng như lễ hội Dinh Cô, lễ hội đình thần Thắng Tam (Bà Rịa - Vũng Tàu), lễ hội chùa Bà Thiên Hậu, lễ hội núi Bà Đen.

### **6.3. Các sản phẩm du lịch đặc trưng và các địa bàn hoạt động chủ yếu**

#### **6.3.1. Những sản phẩm du lịch cụ thể**

Du lịch MICE gắn với văn hóa, lễ hội, giải trí; du lịch nghỉ dưỡng biển, du lịch giải trí cuối tuần, du lịch thể thao, du lịch mua sắm và du lịch gắn với cửa khẩu

#### **6.3.2. Các địa bàn hoạt động du lịch chủ yếu**

- TP. Hồ Chí Minh gắn với khu rừng sác Cần Giờ và hệ thống di tích lịch sử văn hóa nội thành.

- Tây Ninh gắn với cửa khẩu quốc tế Mộc Bài, núi Bà Đen, hồ Dầu Tiếng.

- Thành phố Vũng Tàu gắn với Long Hải, Phước Hải, Côn Đảo.

#### **6.3.3. Một vài khu du lịch tiêu biểu**

Căn cứ đặc điểm tài nguyên du lịch và thực tế nhu cầu phát triển, định hướng quy hoạch phát triển các khu du lịch quốc gia, điểm du lịch quốc gia và đô thị du lịch như sau:

##### **\* 4 Khu du lịch quốc gia**

- 1) Khu du lịch quốc gia núi Bà Đen
- 2) Khu du lịch quốc gia Cần Giờ
- 3) Khu du lịch quốc gia Long Hải - Phước Hải
- 4) Khu du lịch quốc gia Côn Đảo

##### **\* 5 Điểm du lịch quốc gia**

- 1) Điểm du lịch quốc gia Tà Thiết
- 2) Điểm du lịch quốc gia TW Cục Miền Nam
- 3) Điểm du lịch quốc gia Cát Tiên
- 4) Điểm du lịch quốc gia Hồ Trị An - Mã Đà
- 5) Điểm du lịch quốc gia Củ Chi

##### **\* 1 Đô thị du lịch: Vũng Tàu**



Ngoài ra chú trọng phát triển các điểm như: Thác Mơ - Bà Rá (Bình Phước); Bình Châu, Phước Bửu (Bà Rịa - Vũng Tàu).v.v.....

## **7. Vùng du lịch Tây Nam Bộ**

### **7.1. Khái quát vùng du lịch Tây Nam Bộ**

#### **7.1.1. Địa hình**

Có nhiều tài liệu gọi vùng này là vùng đồng bằng sông Cửu Long. Tuy nhiên, đây là cách gọi dân gian vì thực tế không có con sông nào là sông Cửu Long. Do vậy tài liệu này sử dụng tên gọi vùng du lịch Tây Nam Bộ.

Vùng du lịch Tây Nam Bộ bao gồm các tỉnh Long An, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang, Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, Tiền Giang, Hậu Giang và thành phố Cần Thơ. Vùng du lịch này có vị trí nằm liền kề với vùng du lịch Đông Nam Bộ, phía Bắc giáp Campuchia, phía Tây Nam là vịnh Thái Lan, phía Đông Nam là Biển Đông. Trong nền kinh tế khu vực, vùng địa lý này là một bộ phận quan trọng trong tiểu vùng sông Mêkông. Tổng diện tích phần đất liền của toàn vùng lên đến trên 40.000km<sup>2</sup>

Vùng du lịch Tây Nam Bộ có vị trí như một bán đảo với 3 phía Đông, Nam và Tây Nam giáp biển cho phép phát triển du lịch biển, phía tây giáp với Campuchia tạo điều kiện mở rộng giao lưu với nước bạn láng giềng nói riêng và các nước thuộc tiểu vùng sông Mêkông nói chung. Phía bắc giáp vùng kinh tế Đông Nam Bộ - vùng kinh tế năng động nhất cả nước hiện nay - một trong những thị trường mục tiêu tiềm năng của Du lịch Tây Nam Bộ. Nằm trong đầu mối giao thông hàng hải, hàng không giữa các nước Nam Á, Đông Á, châu Úc và Đông Nam Á, Vùng du lịch Tây Nam Bộ có nhiều cơ hội thu hút khách du lịch ghé qua trên hành trình của họ.

Tây Nam Bộ là khu vực tập trung dân cư đông đúc thứ 2 của cả nước, với tổng số dân số khoảng 18 triệu người, bằng gần 21% dân số cả nước. Mật độ cư trú là 432 người/km<sup>2</sup> gấp 1,7 lần mật độ bình quân cả nước. Dân cư sinh sống tập trung

vùng ven sông Tiền, sông Hậu và thưa hơn ở các vùng sâu xa như vùng U Minh, Đồng Tháp Mười... Dân cư sinh sống ở vùng du lịch Tây Nam Bộ bao gồm nhiều tộc người khác nhau, trong đó có 4 tộc người chính là người Kinh, người Hoa, người Chăm và người Khmer. Người Kinh chiếm đại đa số, sống ở hầu hết các nơi trong vùng. Người Hoa tập trung nhiều ở các tỉnh Bạc Liêu, Cà Mau, Sóc Trăng. Người Chăm sống chủ yếu ở An Giang. Người Khmer có mặt đông đúc ở các tỉnh Trà Vinh, Sóc Trăng, An Giang. Mỗi tộc người đều có những bản sắc văn hóa riêng của mình, sự phối kết hợp những nét văn hóa ấy giúp con người cũng như cuộc sống nơi đây có được những đặc trưng nổi bật.

### 7.1.2. Khí hậu

Vùng có khí hậu nhiệt đới ẩm mang tính chất cận xích đạo, nhiệt độ trung bình năm là 24 - 27°C, biên độ nhiệt trung bình năm từ 2 - 3°C, chênh lệch nhiệt độ ngày đêm ít, tổng nhiệt độ hoạt động từ 9.500 - 10.000°C. Số giờ nắng nhiều vào tháng 2, tháng 3 (mỗi ngày có từ 8 đến 9 giờ) trong khi đó tháng 8, tháng 9 chỉ có từ 4,5 đến 5,3 giờ/ngày. Độ ẩm tháng 2 tháng 3 từ 60 đến 67%, tháng 7, 8, 9, 10 từ 85 đến 89%. Vùng có 2 mùa chủ yếu là mùa khô và mùa mưa. Mưa tập trung từ tháng 5 đến tháng 10 với lượng mưa hàng năm dao động từ 900mm đến 1.400mm và chiếm khoảng 75% đến 80% tổng lượng mưa trong suốt cả năm. Mưa phân bố không đều, giảm dần từ phía Bắc xuống khu vực phía Tây và Tây Nam. Phía Đông Nam có lượng mưa thấp nhất. Điều kiện khí hậu như vậy cho phép hoạt động du lịch của vùng có thể diễn ra quanh năm.

### 7.1.3. Hệ thống giao thông

Do địa hình bị chia cắt nhiều bởi mạng lưới sông ngòi, kênh rạch chằng chịt nên trước đây việc tiếp cận các điểm du lịch trong vùng mất khá nhiều thời gian. Tuy nhiên trong hơn 10 năm trở lại đây, với việc đầu tư xây dựng cải tạo hệ thống cầu cống nên việc vận chuyển khách du lịch bằng đường ô tô đã có rất nhiều cải thiện. Hệ thống giao thông bằng đường ô tô

chính gồm các quốc lộ 1A, 30, 80, 91, 62, nối các tỉnh trong vùng với thành phố Hồ Chí Minh. Đường Hồ Chí Minh nối với các điểm du lịch thăm quan trong vùng với Đông Nam Bộ cũng như Campuchia. Hiện tại cả vùng mới có khoảng gần 40 nghìn km đường ô tô, tức là chỉ có 0,33km/km<sup>2</sup> diện tích hay chỉ có bình quân chưa đầy 1km đường ô tô (0,81 km) trên 1.000 dân, thấp hơn nhiều mức trung bình cả nước là 0,41 km/km<sup>2</sup> và 1,125 km /1.000 dân.

Một trong những đặc điểm của giao thông vận chuyển du lịch trong vùng là giao thông bằng đường thủy. Giao thông đường thủy là hình thức đi lại truyền thống và quan trọng nhất ở Tây Nam Bộ. Nếu như trên cả nước việc vận chuyển hàng hoá bằng đường bộ chiếm 70% thì ở các tỉnh Tây Nam Bộ ngược lại, vận tải thủy chiếm tới 70% và đường bộ chỉ chiếm gần 30%.

Hệ thống sông ngòi kênh rạch của Tây Nam Bộ có tổng chiều dài gần 28.000km tỏa ra từ theo các trục chính là các trục ngang và trục dọc. Trục ngang có các tuyến theo sông Tiền, sông Hậu và các nhánh khác đổ ra biển Đông. Trục dọc có tuyến từ thành phố Hồ Chí Minh đi Kiên Lương (qua kênh Tháp Mười số 2 và kênh Lấp Vò) và tuyến thành phố Hồ Chí Minh đi Cà Mau (qua kênh Chợ Gạo, sông Măng Thít và kênh Xà No).

Mạng lưới 2.500 bến cảng thủy nội địa và 16 cảng biển là điều kiện khá thuận tiện cho khách du lịch tiếp cận các điểm du lịch chủ yếu ở Vùng du lịch Tây Nam Bộ. Có thể kể tên một số cảng như cảng hành khách có cảng Châu Đốc, An Thới, Mỹ Tho, Cái Bè, Cần Thơ, Bãi Vòng, Hàm Ninh, Thạch Thới, Hà Tiên, Rạch Giá, Dương Đông... Những cảng này trung bình phục vụ khoảng từ 400 - 600 lượt khách qua lại trong ngày như cảng Châu Đốc, đến hơn 1.000 khách như cảng An Thới (1.200 khách ngày). Vùng có đường biên giới với Campuchia với hệ thống cửa khẩu đường bộ, đường sông quan trọng như: Xà Xía (QL80 - Kiên Giang), Tịnh Biên (QL91 - An Giang), Dinh Bà (QL30 - Đồng Tháp), Vĩnh Xương (TL952 - An Giang), Bình Hiệp (QL62 - Long An)...

Đây là điều kiện thuận lợi để Tây Nam Bộ thu hút thêm được khách du lịch quốc tế, trực tiếp là khách ASEAN, từ các điểm đến của Campuchia.

Trong vùng có 4 sân bay là sân bay Cần Thơ, sân bay Phú Quốc, sân bay Rạch Giá và sân bay Cà Mau, trong đó sân bay Cần Thơ và Phú Quốc là sân bay quốc tế. Cảng Hàng không Quốc tế Cần Thơ có năng lực thông qua từ 3 đến 5 triệu khách một năm.

## **7.2. Tài nguyên du lịch**

### **7.2.1. Tự nhiên**

Phong cảnh.

Tây Nam Bộ có độ cao trung bình gần 2m, chủ yếu là địa hình đồng bằng thấp. Có một số núi thấp ở khu vực miền Tây tỉnh Kiên Giang và tiếp giáp Campuchia. Khu vực có địa hình cao nhất của vùng là miền núi phía Tây Bắc với gần 40 ngọn núi, chủ yếu tập trung ở tỉnh An Giang và Kiên Giang với Thất Sơn ở An Giang và dãy Hàm Ninh Phú Quốc, Kiên Giang có đỉnh cao 565m.

Dưới góc độ nguồn gốc, hầu hết địa hình vùng này được hình thành từ phù sa của hệ thống sông Mêkông. Dọc theo các triền sông, khách du lịch có thể thấy những giồng cát. Trong khi đó, cũng do tác động của sự biến đổi dòng chảy khu vực này đã hình thành những vùng trũng phèn chua hay những đầm mặn xen kẽ những đồng ruộng màu mỡ phù sa như vùng Đồng Tháp Mười, tứ giác Long Xuyên - Hà Tiên, Tây Nam sông Hậu và bán đảo Cà Mau...

Ngoài khơi vùng biển Kiên Giang có trên 100 hòn đảo lớn nhỏ, trong đó có đảo Phú Quốc, cách Rạch Giá 120 km, cách Hà Tiên 45km. Đây là hòn đảo lớn nhất của nước ta với diện tích khoảng 567 km<sup>2</sup> Biệt danh là “Đảo Ngọc” của Phú Quốc phần nào đã nói lên vẻ đẹp của hòn đảo này. Ngoài quần đảo Phú Quốc, quần đảo Nam Du, quần đảo Hải Tặc, quần đảo Bà Lụa đều có những cảnh quan rất hấp dẫn khách du lịch.

Vùng du lịch Tây Nam Bộ có hệ thống sông ngòi, kênh mương chằng chịt. Hai hệ thống sông lớn nhất trong vùng là sông Đồng Nai và sông Mêkong. Hệ thống sông ngòi, kênh rạch này tạo nên một quang cảnh sông nước rất nên thơ; dòng sông không ồn ào, hai bên bờ là những rặng dừa nước mọc sát ra mép nước, những chiếc ghe xuôi ngược chạy qua tạo nên những con sóng dồn vào hai bên mép sông, bóng những người phụ nữ quần khăn rằn ngồi trên những con thuyền đi ngang trước mặt, những mảng lục bình lặng lẽ trôi theo dòng nước, làn gió mang hơi nước mát dịu xua tan cái nóng mùa hè... là những gì khách du lịch cảm nhận khi ngồi trên thuyền đi trên bất cứ con sông nào ở miền Tây.

#### Thủy/hải văn

Nguồn nước cung cấp chủ yếu cho sinh hoạt trong vùng là từ sông Mêkong và nước mưa. Cả hai nguồn này đều tính mùa vụ một cách rõ rệt. Chế độ thủy văn của hệ thống sông ngòi. Vùng du lịch Tây Nam Bộ là có 2 mùa là mùa khô và mùa nước nổi. Vào khoảng từ tháng 8 đến tháng 11 hàng năm, nước lũ từ thượng nguồn sông Mêkong tràn về, gây ngập lụt toàn bộ các tỉnh Tây Nam Bộ. Chỉ còn một số ốc đảo nhỏ nhỏ giữa biển nước mênh mông, về nguyên tắc, đây là điều kiện không thuận cho hoạt động du lịch, tuy nhiên, ngành du lịch các tỉnh Tây Nam Bộ đã biến khó khăn này thành một sản phẩm du lịch đặc trưng của vùng là du lịch mùa nước nổi. Vùng cũng có một số hồ có phong cảnh khá đặc biệt như hồ Thoại Sơn, một trong những hồ đẹp cách thành phố Long Xuyên 29km theo đường tỉnh lộ 943, hồ Búng Bình Thiên (còn gọi là Hồ nước trời) là một hồ nước ngọt đặc biệt tại huyện An Phú, màu nước quanh năm xanh ngắt cho dù nước của các kênh rạch xung quanh đục màu phù sa.

Vùng có trên 700km đường biển, tuy độ dốc thềm đáy nhỏ nhưng nước biển không trong vì lượng phù sa lớn, vật liệu đáy chủ yếu là đất sình lầy, cát pha bùn nhão nên không thuận lợi cho du lịch tắm biển. Riêng vùng biển Kiên Giang, đặc biệt là

ở khu vực Hà Tiên và Ba Hòn có độ dốc đáy ven bờ rất nhỏ, sóng không quá lớn, cát khá mịn, chế độ bán nhật triều với biên độ giao động khoảng 1m khá phù hợp cho du lịch tắm biển. Bên cạnh đó, tại vùng biển huyện Kiên Lương, có đến 40 hòn đảo lớn nhỏ trong tổng số khoảng 100 đảo của Kiên Giang. Đây là nơi duy nhất ở phía nam có các đảo đá vôi, tạo nên vùng biển này những phong cảnh ngoạn mục. Chính vì vậy mà người ta còn gọi vùng biển quần đảo Bà Lụa này là Hạ Long của phương Nam.

#### Động, thực vật

Trong vùng có 5 vườn Quốc gia là vườn Quốc gia U Minh Thượng, vườn Quốc gia Phú Quốc tỉnh Kiên Giang, vườn Quốc gia U Minh Hạ, vườn Quốc gia Mũi Cà Mau - tỉnh Cà Mau, vườn Quốc gia Tràm Chim - tỉnh Đồng Tháp. Hệ sinh thái chủ yếu ở các vườn Quốc gia này là hệ sinh thái đất ngập mặn. Rừng ngập mặn có những quần xã thực vật hình thành ở vùng ven biển và cửa sông, những nơi bị tác động của thủy triều ở vùng nhiệt đới và á nhiệt đới.

#### Các miệt vườn và các sân chim

Trên những giồng đất, gò đất ven sông Tiền, sông Hậu thuộc tỉnh Sa Đéc, Vĩnh Long, Mỹ Tho, Cần Thơ... có những vườn cây ăn trái, những vườn cây cảnh rất hấp dẫn khách tham quan. Những vườn cây trái đó được gọi là miệt vườn. Miệt vườn không chỉ là một vườn cây bình thường, mà là một vườn cây của các nghệ nhân trong nông nghiệp với nhiều loại cây trái sum suê như vườn cây cảnh của nghệ nhân Nguyễn Thành Giáo (ông Sáu Giáo) ở ấp Bình Thuận, xã Bình Hòa, Vĩnh Long có hàng trăm loại cây cảnh quý như; mai vàng, mai chiếu thủy, bách xanh,... Ngoài ra, trong vùng còn rất nhiều sân chim, vườn cò nổi tiếng khắp trong và ngoài nước như vườn cò Thạnh Trị, sân chim Ngọc Hiến... Vườn cò Thạnh Trị nằm ở xã Tân Long - huyện Thạnh Trị - tỉnh Sóc Trăng. Đây là một điểm du lịch xanh nổi tiếng của Sóc Trăng hấp dẫn du khách. Vườn này có hàng vạn con cò thuộc nhiều loại như

giang, diệp, cò, vạc,... đến sông đông đúc giữa các ao đầm tự nhiên. Chúng sống ở đây quanh năm. Sân chim Ngọc Hiển nằm ở cực Nam Cà Mau có diện tích 130 ha. Ở đây có thảm thực vật phong phú về số loài mằm, đước, vẹt, cóc, giá, chà là, ô rô, dừa nước,... xen kẽ với rừng ngập mặn. Trong vùng có tới 40 loài chim, nhiều nhất là cóc, diệp, vạc, cò trắng, cò bộ, cò quắm, cò rần,... Mỗi loài làm tổ và đẻ trứng ở những độ cao, khu vực khác nhau.

Một số các cồn, cù lao nổi tiếng với khách du lịch trong vùng là các cồn Long, Lân, Quy, Phụng (bao gồm cả cồn Thới Sơn) của 2 tỉnh Tiền Giang và Bến Tre; cù lao An Bình (Vĩnh Long); cù lao Ông Hồ, Mỹ Hòa Hưng (An Giang); cù lao Tân Lộc, cồn Ấu, cồn Sơn (Cần Thơ). Các vườn cây ăn trái trên các cù lao này đã và đang được khai thác phục vụ du lịch khá hiệu quả.

### 7.2.2. Văn hóa.

Di tích lịch sử, văn hóa

Toàn vùng Tây Nam Bộ có trên 3.100 di tích lịch sử văn hóa, trong đó có 395 di tích cấp tỉnh, 178 di tích được công nhận cấp quốc gia và 6 di tích cấp quốc gia đặc biệt. Đó là di tích lịch sử chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút tại Tiền Giang, di tích lịch sử trại giam Phú Quốc tại Kiên Giang, di tích lịch sử chiến thắng Chương Thiện tại Vị Thanh và Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, di tích lịch sử và khảo cổ Gò Tháp tại Đồng Tháp, di tích khảo cổ và kiến trúc nghệ thuật Óc Eo - Ba Thê và khu lưu niệm Chủ tịch Tôn Đức Thắng tại An Giang.

Các di chỉ Óc Eo về vương quốc Phù Nam ở các tỉnh An Giang, Đồng Tháp, Cần Thơ, Tiền Giang, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Cà Mau hiện đã bắt đầu là điểm tham quan hấp dẫn khách du lịch, đặc biệt là học sinh, sinh viên. Khu di tích Gò Tháp, khu di tích núi Sam và lăng Thoại Ngọc Hầu, tháp cổ Vĩnh Hưng, Bạc Liêu lại có tỷ lệ khách du lịch tâm linh chiếm đa số.

Là một trong những vùng mới khai phá nên so với nhiều địa phương khác, Tây Nam Bộ không có những di tích lịch sử

lâu đời như vùng trung du và đồng bằng sông Hồng. Các di tích nơi đây liên quan nhiều đến những danh nhân có công khai khẩn đất đai, chiến đấu bảo vệ đất nước hoặc là niềm tự hào của vùng đất miền Tây như cụ Nguyễn Huỳnh Đức, Nguyễn Hữu Cảnh, Mạc Cửu, Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Trung Trực, Bùi Hữu Nghĩa, Tôn Đức Thắng, Phạm Hùng, Nguyễn Thị Định, Võ Văn Kiệt...

Một trong những đặc trưng của chùa chiền miền Tây là sự đan xen giữa chùa Việt và chùa Khmer. Những ngôi đình, đền, chùa, miếu Việt có rất nhiều ở đất miền Tây như chùa Vĩnh Tràng Mỹ Tho (Tiền Giang), chùa Tôn Thạnh (Cần Giuộc, Long An), chùa Âng - Ao Bà Om (Trà Vinh), chùa Ông (Cần Thơ), chùa Tây An, đình Phú Lễ (Ba Tri, Bến Tre), đình Bình Thủy, đình thần Mỹ Phước, miếu Bà Chúa Xứ (An Giang), Quan Âm Cổ Tự (Cà Mau),... về Tây Nam Bộ, ngoài những ngôi đình, chùa Việt với phong thái kiến trúc miền Nam, khách du lịch sẽ được thấy rất những ngôi chùa của người Khmer với phong thái kiến trúc khác hẳn như chùa Mahatup, thường gọi là chùa Dơi tỉnh Sóc Trăng, với nét kiến trúc Khmer thể hiện ở điêu khắc Ăng - co với nhiều phù điêu và hoa văn trên hàng loạt cột đài ở chính điện cùng hàng vạn con dơi đang sống yên ổn trong vườn chùa là nét đặc sắc không khách du lịch nào có thể quên. Cùng phong thái đó có thể kể đến các chùa Nodol (chùa Cờ), chùa Angkorajaberey (chùa Ăng), chùa Kompong Chray (chùa Hang) ở Trà Vinh, chùa Sà Lon (chùa Chén Kiêu), chùa Kleang ở Sóc Trăng, chùa Xiêm Cán, chùa Cù Lao ở Bạc Liêu...

Về với miền Tây Nam Bộ, khách du lịch còn được giới thiệu đi thăm những ngôi nhà cổ với nhiều câu chuyện lý thú như nhà cổ Bình Thủy, nhà Trăm cột (Long An), nhà cổ Tân Lộc (Cần Thơ), nhà cổ Đại Điền (Bến Tre), nhà công tử Bạc Liêu Trần Trinh Huy, nhà cổ Huỳnh Thủy Lê thị xã Sa Đéc, ĐồngTháp.



Khách du lịch cảm thấy đặc biệt cảm động khi được đến tham quan khu di tích Nguyễn Sinh Sắc ở tỉnh Đồng Tháp. Đây là nơi an nghỉ của cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, một nhà nho yêu nước. Sau khi bị cách chức quan, cụ Nguyễn Sinh Sắc vào Nam Bộ làm thầy thuốc giúp dân nghèo, sống cuộc đời thanh bạch tại làng Hòa An cho đến khi qua đời năm 1929. Cảm phục trước tấm lòng yêu nước, thương dân của cụ, người dân địa phương đã góp tiền mua đất an táng cụ tại nơi này. Trong hơn 20 năm chia cắt, đồng bào ở đây vẫn giữ gìn, bảo vệ được di tích này trước bao hăm dọa của chính quyền Sài Gòn.

Là vùng đất cách mạng, ở Tây Nam Bộ, đi đâu khách du lịch cũng có thể gặp các di tích lịch sử cách mạng. Đó là di tích Hồng Anh Thư quán, di tích Long Mỹ, di tích làng du kích Đồng Khởi, tuyến đường Hồ Chí Minh trên biển (Thạnh Phú - Bến Tre, cồn Tàu - Duyên Hải - Trà Vinh, Vàm Lũng - Ngọc Hiển - Cà Mau), di tích Y4 Khu Ủy Sài Gòn - Gia Định (Mỏ Cày, Bến Tre), căn cứ xẻo Quýt (Đồng Tháp), khu di tích xứ ủy Nam Bộ - Trung Ương Cục miền Nam Thới Bình, Cà Mau, căn cứ U Minh Thượng (Kiên Giang), di tích chiến thắng Ấp Bắc (Cai Lậy, Tiền Giang), hòn Đất, huyện Hòn Đất (Kiên Giang). Cũng như nhiều vùng đất ở phía Nam, khách du lịch có thể đến tham quan các điểm du lịch đen tối (dark tourism) tại vùng du lịch miền Tây, tiêu biểu là di tích nhà tù Phú Quốc với bao nhiêu cảnh tượng tra tấn man rợ như “bó giò”, nhổ răng, bẻ xương sườn, đóng đinh lên đầu, lên xương chân...

Đối với vùng sông nước miền Tây, những cây cầu to lớn và hiện đại là những công trình đương đại không chỉ có ý nghĩa kinh tế mà còn có sức hấp dẫn khách du lịch. Do đặc điểm là miền sông nước nên mật độ cầu lớn ở vùng này là cao nhất cả nước. Là người Việt Nam, ai ai cũng đã từng nghe thấy tên những cây cầu vùng này như cầu Mỹ Thuận, cầu Cần Thơ, cầu Rạch Miễu, cầu Hàm Luông, cầu Năm Căn, cầu Cổ Chiên, cầu Mỹ Lợi,... Nếu cầu Mỹ Thuận là cầu dây văng đầu tiên ở Việt Nam thì cầu Cần Thơ là cầu dây văng có nhịp

chính dài nhất Đông Nam Á (550m), cầu Hàm Luông được thiết kế bê tông cốt thép dự ứng lực có nhịp thông thuyền đúc hẫng lớn nhất Việt Nam (150m). Cầu Năm Căn dù không lớn về quy mô nhưng có ý nghĩa kinh tế - xã hội rất quan trọng, kết nối đường Hồ Chí Minh về đến mũi Cà Mau, mở ra hướng liên kết phát triển của cả vùng đất cực Nam của Tổ quốc mà còn phá thế “ốc đảo” của huyện Ngọc Hiển.

Làng nghề, sản phẩm nghề và đặc sản

Tây Nam Bộ có trên 200 làng nghề gồm các loại làng nghề gạch gốm, làm đường, làm bánh kẹo, làm bột, nấu rượu, đan lát và sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ. Đan lát là nghề phổ biến hơn cả. Vật liệu chủ yếu lấy từ địa phương như dừa (thân cây, vỏ khô, cọng và lá), cây lục bình khô (một loại một loài thực vật thủy sinh có ở mọi nơi của Tây Nam Bộ), bẹ chuối, cỏ bàng (loài thực vật thủy sinh sống ở các vùng nhiễm phèn), lác... Khách du lịch rất thích thú tham quan những xưởng đan lát thủ công và mua những sản phẩm thủ công truyền thống rất thân thiện với môi trường này. Làng nghề mang tính đặc trưng ở các địa phương nổi tiếng trong khu vực có thể kể đến là làng dệt thổ cẩm An Giang, làng gốm Vĩnh Long, bánh pía Sóc Trăng, kẹo dừa Bến Tre, gốm sứ Khmer ở An Giang, gốm Hòn Đất ở Kiên Giang, gốm Mỹ Hoà ở An Giang, gốm đỏ ở Vĩnh Long, hoa kiểng Sa Đéc, Đồng Tháp...

Là vùng đồng bằng màu mỡ, ngoài lúa gạo, Tây Nam Bộ có khá nhiều hoa quả. Vào mùa, khách du lịch có thể thỏa thuê thưởng thức các loại trái cây nhiệt đới, đặc biệt là bưởi da xanh Bến Tre, chôm chôm Vĩnh Long, dâu U Minh, dừa sáp cầu Kè Trà Vinh, sơ ri Gò Công, trái quách Trà Vinh, vú sữa Lò Rèn Vĩnh Kim, Châu Thành, Tiền Giang, xoài cát Cao Lãnh Đồng Tháp, xoài cát Hòa Lộc, sầu riêng... Ngành du lịch các tỉnh Tây Nam Bộ đã biến những nông sản của mình thành sản phẩm du lịch khá hấp dẫn thông qua các hội chợ hoa quả được tổ chức hàng năm... Một trong những đặc điểm ẩm thực của người miền Tây là tính thiên nhiên. Hầu như bất cứ loài

cây cỏ nào cũng có thể trở thành món ăn trên mâm cơm. Nhiều loại “cây cỏ” đã trở thành món ăn nổi tiếng của miền Tây như đuông dừa nướng, dưa xoài non An Giang, hoa điên điển, bông súng, cọng súng, năn bộp... Ngoài ra còn có thể kể đến các món như mắm Châu Đốc An Giang, mắm chua Vĩnh Hưng, gỏi cá trích Phú Quốc, nem Lai Vung - Đồng Tháp, nem nướng Trà Vinh, tôm khô Vinh Kim huyện cầu Ngang, Trà Vinh, bánh pía Sóc Trăng, bánh phồng Phú Mỹ, An Giang, kẹo dừa Bến Tre, đường thốt nốt An Giang, Kiên Giang...

### Bảo tàng

Tây Nam Bộ có 7 bảo tàng, trong đó có 1 bảo tàng tư nhân. Khách du lịch về miền Tây thường không bao giờ bỏ lỡ viếng thăm bảo tàng Khmer và bảo tàng rắn Đồng Tâm. Có thể nói đây là hai bảo tàng đặc trưng của Tây Nam Bộ.

Có hai bảo tàng Khmer, một ở tỉnh Sóc Trăng, một ở tỉnh Trà Vinh. Bảo tàng Khmer Sóc Trăng được xây dựng năm 1938, là bảo tàng văn hoá Khmer lâu đời nhất và trưng bày nhiều hiện vật nhất tại khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long.

Bảo tàng rắn đầu tiên ở Việt Nam là Trung tâm được Bộ Quốc phòng giao nhiệm vụ bảo tồn các loại động vật quý hiếm, nghiên cứu khoa học, sản xuất thuốc y học cổ truyền dân tộc và cấp cứu điều trị rắn độc cắn ở đồng bằng sông Cửu Long. Trại rắn Đồng Tâm là nơi cung cấp những kiến thức và hình ảnh thực tế, sống động về loài bò sát đặc biệt này. Vì thế, bảo tàng rắn đặc biệt hấp dẫn những người thích nghiên cứu, tìm hiểu về bò sát.

### Lễ hội

Vùng Tây Nam Bộ có rất nhiều lễ hội, có thể kể đến một số lễ hội như lễ hội miếu Bà Chúa Xứ, lễ hội Gò Tháp, hội Nghinh ông, lễ hội cúng biển Mỹ Long ở Trà Vinh, lễ cầu mưa ở Long An, lễ mừng năm mới Chơi – chơ – nam - th'mây của đồng bào các dân tộc Khmer, lễ Ok – om - bok và hội đua ghe ngo, hội Thắc Côn (lễ cúng Dừa, Lễ hội cúng phước biển Sóc Trăng), lễ Đôlta và hội đua bò, hội đèn Bảo Sơn, hội đèn

Long Phú ở An Giang, hội đờn Nguyễn Trung Trực, hội đình Bình Thủy ở Cần Thơ, hội đình Định Yên ở Đồng Tháp, hội đình Phú Lễ ở Bến Tre, hội đình Tân Phú Trung, hội miếu Bằng Lang, hội tứ kiệt ở Tiền Giang, hội Vàm Láng, lễ hội đình Châu Phú, lễ hội Nguyễn Đình Chiểu, lễ Kỳ Yên ở Kiên Giang...

Lễ hội Bà Chúa Xứ là lễ hội dân gian lớn nhất ở Nam Bộ. Lễ hội được tổ chức hàng năm và bắt đầu từ đêm ngày 23 đến 27 tháng tư âm lịch tại miếu Bà Chúa Xứ ở núi Sam, tỉnh An Giang. Lễ hội Chol Chnam Thmay là lễ hội năm mới, lễ tết lớn nhất của người Khmer Nam Bộ, được tổ chức vào các ngày 12, 13, 14, 15 tháng tư âm lịch tại chùa và gia đình. Những lễ hội này luôn thu hút sự tò mò và tạo hứng khởi cho khách du lịch trong và ngoài nước khi đến miền Tây.

Một trong những tài nguyên du lịch văn hóa phi vật thể đặc trưng của Tây Nam Bộ là loại hình nghệ thuật dân gian đờn ca tài tử, một dòng nhạc dân tộc của Việt Nam đã được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể có vùng ảnh hưởng lớn, với phạm vi 21 tỉnh thành phía nam là An Giang, Bà Rịa – Vũng Tàu, Bạc Liêu, Bến Tre, Bình Dương, Bình Phước, Bình Thuận, Cà Mau, Cần Thơ, Đồng Nai, Đồng Tháp, Hậu Giang, TP. Hồ Chí Minh, Kiên Giang, Long An, Ninh Thuận, Sóc Trăng, Tây Ninh, Tiền Giang, Trà Vinh và Vĩnh Long. Trong đó, Bạc Liêu, Bình Dương, Tiền Giang và TP. Hồ Chí Minh là những tỉnh, thành phố có nhiều người hát đờn ca tài tử nhất.

### ***7.3. Các sản phẩm du lịch đặc trưng và các địa bàn hoạt động chủ yếu***

#### ***7.3.1 Những sản phẩm du lịch cụ thể***

Sản phẩm du lịch sông nước có thể coi là sản phẩm du lịch đặc trưng của Vùng du lịch Tây Nam Bộ. Hầu hết các tuyến du lịch miền Tây đều gắn với sông nước. Mặc dù ngày nay, cơ sở hạ tầng đường bộ đã khá phát triển, song hầu như tuyến nào khách du lịch cũng được chuyên chở bằng thuyền, đò... Những tuyến như tuyến Tiền Giang – Bến Tre, tuyến Cần Thơ - Kiên

Giang, tuyến Đồng Tháp - An Giang gắn với Tứ giác Long Xuyên, VQG Tràm Chim, tuyến Cà Mau gắn với U Minh - Năm Căn - mũi Cà Mau.

Một trong những tuyến du lịch tiêu biểu là tuyến Tiền Giang - Bến Tre, tham quan chợ nổi Cái Bè, miệt vườn Cái Bè, cù lao Thới Sơn, vườn cây trái Vĩnh Kim, trại rắn Đồng Tâm, cầu Mỹ Thuận. Có thể nói đây là tuyến điển hình về du lịch sinh thái sông nước miệt vườn của vùng sông nước Đồng bằng sông Mêkong. Tuyến du lịch về khu du lịch biển đảo Phú Quốc (Kiên Giang) cung cấp tổng hợp các sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng biển, đảo, tham quan di tích lịch sử văn hóa, vui chơi giải trí, du lịch sinh thái, công viên biển và đặc biệt là du lịch safari.

Khu du lịch sinh thái rừng ngập mặn Năm Căn, mũi Cà Mau (Cà Mau) là địa chỉ cho các tuyến du lịch sinh thái rừng ngập mặn, tham quan tìm hiểu lịch sử văn hóa, du lịch giáo dục.

Một trong những sản phẩm du lịch đặc trưng của Vùng du lịch Tây Nam Bộ là du lịch về Đất Mũi Cà Mau. Là vùng đất xa xôi ở cực nam của Tổ quốc, điểm mốc Cà Mau luôn là điểm đến mơ ước của mọi người dân đất Việt. Khi đặt chân đến đây, mọi người đều thấy xúc động, tự hào:

Đất nước ta như một con thuyền  
Mũi thuyền ta đó - Mũi Cà Mau

Du lịch biển đảo là sản phẩm du lịch khá mới của vùng du lịch Tây Nam Bộ. Ngoài các sản phẩm du lịch đảo Phú Quốc (du lịch ngắm san hô, du lịch tắm biển, du lịch sinh thái VQG, du lịch làng nghề, du lịch nghỉ dưỡng...), các tour du lịch đến các đảo hoang sơ trong vùng biển Kiên Giang là những sản phẩm du lịch còn khá mới lạ, rất hấp dẫn khách du lịch như tour du lịch hòn Tre, hòn Móng Tay, hòn Nghê, hòn Sơn, hòn Đốc, hòn Heo... Tại đây, khách được hòa mình vào thiên nhiên hoang dã, tận hưởng một bầu không khí mát sạch nguyên sơ của đất trời.

Khi đến miền Tây, đoàn khách du lịch nào cũng được phục vụ chương trình đờn ca tài tử, một dòng nhạc dân tộc, một loại hình nghệ thuật dân gian đặc trưng của vùng Nam Bộ. Việc trình diễn đờn ca tài tử phục vụ khách du lịch diễn ra rất tự nhiên như nó đã từng được trình diễn trong những sinh hoạt bình thường sau giờ lao động của người dân Nam Bộ nói chung, người dân miền Tây nói riêng. Sau khi đờn ca tài tử được UNESCO công nhận là Di sản Văn hóa Phi vật thể - Đại diện của Nhân loại năm 2013, nhu cầu thưởng thức loại hình nghệ thuật này của khách du lịch trong và ngoài nước như một phần không thể thiếu được trong các chuyến du lịch về miền Tây.

Sản phẩm du lịch để lại ấn tượng sâu sắc đối với khách du lịch là sản phẩm du lịch đen tối tại nhà tù Phú Quốc. Mọi khách du lịch đều cảm thấy rùng rợn trước những đờn tra tấn tù nhân tại nhà tù này như nhốt cũi, phơi nắng, đóng đinh, bẻ răng, luộc gò ...

### *7.3.2. Các địa bàn hoạt động du lịch chủ yếu*

- Tiền Giang - Bến Tre gắn với du lịch miệt vườn Thới Sơn.
- Cần Thơ - Kiên Giang gắn với biển đảo Phú Quốc, Hà Tiên
- Đồng Tháp - An Giang gắn với Tứ giác Long Xuyên, VQG Chàm chim
- Cà Mau gắn với U Minh - Năm Căn - mũi Cà Mau.

### *7.3.3. Một vài khu du lịch tiêu biểu*

Căn cứ đặc điểm tài nguyên du lịch và thực tế nhu cầu phát triển, định hướng quy hoạch phát triển các khu du lịch quốc gia, điểm du lịch quốc gia và đô thị du lịch như sau:

\* 4 Khu du lịch quốc gia

1. Khu du lịch quốc gia Happyland
2. Khu du lịch quốc gia Thới Sơn
3. Khu du lịch quốc gia Phú Quốc
4. Khu du lịch quốc gia Năm Căn

\* 7 Điểm du lịch quốc gia

Điểm du lịch quốc gia Láng Sen

Điểm du lịch quốc gia Tràm Chim

Điểm du lịch quốc gia Núi Sam  
Điểm du lịch quốc gia Cù lao Ông Hổ  
Điểm du lịch quốc gia TP Cần Thơ  
Điểm du lịch quốc gia TX Hà Tiên  
Điểm du lịch quốc gia Lưu niệm Cao Văn Lầu

### **Câu hỏi ôn tập và thảo luận chương 3**

- Câu 1. Hãy trình bày những tài nguyên du lịch và sản phẩm du lịch đặc trưng ở vùng du lịch Trung du miền núi phía Bắc.
- Câu 2. Hãy trình bày những tài nguyên du lịch và sản phẩm du lịch đặc trưng ở vùng du lịch Đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc.
- Câu 3. Hãy trình bày những tài nguyên du lịch và sản phẩm du lịch đặc trưng ở vùng du lịch Duyên hải Bắc Trung Bộ.
- Câu 4. Hãy trình bày những tài nguyên du lịch và sản phẩm du lịch đặc trưng ở vùng du lịch Duyên hải Nam Trung Bộ.
- Câu 5. Hãy trình bày những tài nguyên du lịch và sản phẩm du lịch đặc trưng ở vùng du lịch Tây Nguyên.
- Câu 6. Hãy trình bày những tài nguyên du lịch và sản phẩm du lịch đặc trưng ở vùng du lịch Đông Nam Bộ.
- Câu 7. Hãy trình bày những tài nguyên du lịch và sản phẩm du lịch đặc trưng ở vùng du lịch Tây Nam Bộ.
- Câu 8. Hãy xác định các sản phẩm du lịch đặc trưng của từng địa phương để liên kết phát triển du lịch vùng một cách hiệu quả nhất.
- Câu 9. Hãy xác định sản phẩm du lịch đặc trưng hay thế mạnh của các vùng du lịch trong liên kết phát triển du lịch với các vùng khác của Việt Nam.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Tuấn Anh (Chủ biên) (2005). *Di sản thế giới ở Việt Nam*, NXB Trung tâm Công nghệ Thông tin Du lịch.
2. Hoàng Lương (2002). *Lễ hội truyền thống và tín ngưỡng dân gian của các dân tộc Việt Nam - Các tỉnh phía Bắc*, NXB Giáo dục.
3. Đồng Ngọc Minh, Vương Lôi Đình (2000). *Kinh tế du lịch & du lịch học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
4. Trần Đức Thanh (Chủ biên), Lê Thu Hương, Trần Đức Thắng, Trần Thị Mai Hoa, Phạm Thị Hường (2014). *Một số vấn đề du lịch sinh thái cộng đồng và an sinh xã hội tại vườn quốc gia Cúc Phương*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
5. Trần Đức Thanh (Chủ biên) Trần Thị Mai Hoa (2017). *Giáo trình Địa lý du lịch Việt Nam*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
6. Trần Đức Thanh (1999). *Nhập môn khoa học du lịch*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
7. Lê Bá Thảo (1998). *Việt Nam: Lãnh thổ và các vùng địa lý*, NXB Thế giới.
8. Ngô Đức Thịnh (2004). *Văn hóa vùng & phân vùng văn hóa Việt Nam. Cultural areas and the delimitation of cultural areas in Vietnam*. NXB Trẻ.
9. Nguyễn Minh Tuệ (Chủ biên), Lê Thông, Vũ Đình Hòa, Lê Mị Dung, Nguyễn Trọng Đức, Lê Văn Tin, Trần Ngọc Diệp (2010). *Địa lý du lịch Việt Nam*, NXB Giáo dục Việt Nam.
10. Nguyễn Minh Tuệ (Chủ biên), Lê Thông, Vũ Tuấn Cảnh, Phạm Xuân Hậu, Nguyễn Kim Hồng (1996). *Địa lý du lịch*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh.
12. Bùi Thị Hải Yến (2006a). *Tuyến điểm du lịch Việt Nam*, NXB Giáo dục.
13. Bùi Thị Hải Yến (2006b). *Quy hoạch du lịch*, NXB Giáo dục.
14. *Quy hoạch phát triển giao thông vận tải đường bộ Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030*. Ban hành



- theo Quyết định phê duyệt điều chỉnh số 356/QĐ - TTg của Thủ tướng Chính phủ ký ngày 25/2/2013.
15. *Quy hoạch phát triển nhân lực ngành du lịch giai đoạn 2011 ~2020*. Ban hành theo Quyết định số 3066/QĐ - BVHTTDL ngày 29/9/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
  16. *Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*. Ban hành theo Quyết định phê duyệt số 201/ QĐ - TTg do Thủ tướng Chính phủ ký ngày 22 tháng 01 năm 2013.
  17. *Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Bắc Trung bộ đến năm 2020, tầm nhìn 2030* định số 2163/QĐ. Ban hành theo Quyết định số 2161/QĐ - TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng.
  18. *Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng đồng bằng sông Hồng và Duyên hải Đông Bắc đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*. Ban hành theo Quyết - TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng.
  19. *Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Đông Nam Bộ đến năm 2020, tầm nhìn 2030*. Ban hành Quyết định phê duyệt số 2351/QĐ - TTg ngày 24/12/2014 của Thủ tướng.
  20. *Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng duyên hải Nam Trung Bộ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*. Ban hành theo quyết định phê duyệt số 2350/QĐ-TTg ngày 24 -12 - 2014 của Thủ tướng.
  21. *Quy hoạch tổng thể phát triển vùng Tây Nguyên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*. Ban hành theo Quyết định phê duyệt số 2162/ QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng.